

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ MINH PHƯƠNG  
(Thích Đàm Hiền)

**CHỮ HIẾU TRONG ĐẠO PHẬT VÀ Ý NGHĨA  
HIỆN THỜI CỦA NÓ**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC**

**HÀ NỘI, 2016**

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**LÊ THỊ MINH PHƯƠNG**  
(Thích Đàm Hiền)

**CHỮ HIẾU TRONG ĐẠO PHẬT VÀ Ý NGHĨA  
HIỆN THỜI CỦA NÓ**

Chuyên ngành : **Triết học**  
Mã số : **60220301**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
**PGS. TS NGUYỄN THANH XUÂN**

**HÀ NỘI, 2016**

## LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan rằng đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, không có sự hợp tác của ai, không sao chép hay dựa vào tác phẩm nào từ trước đến giờ.

Luận văn này chưa nộp cho bất kỳ trường nào để được cấp phát bất kỳ chứng chỉ hay văn bằng nào.

Các tài liệu tham cứu trích dẫn trong Luận văn là hoàn toàn trung thực.

*Học viên*

***Lê Thị Minh Phương***

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các nhà khoa học là các Giáo sư, Tiến sĩ, các thầy cô giáo và những người đã trực tiếp giảng dạy và trau dồi kiến thức cho tôi trong suốt khóa học này.

Đặc biệt tôi xin chân thành bày tỏ tấm lòng biết ơn sâu sắc đến thầy giáo hướng dẫn - PGS.TS Nguyễn Thanh Xuân, người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn quý thầy cô trong Hội đồng khoa học Khoa Triết học của Học viện Khoa học xã hội. Xin chân thành cảm ơn toàn thể học viên, đồng nghiệp và bạn bè đã động viên, nhiệt tình giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện luận văn này.

*Hà Nội, năm 2016*

**Học viên**

***Lê Thị Minh Phương***

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1. CHỮ HIẾU VÀ MỘT SỐ QUAN NIỆM VỀ CHỮ HIẾU</b> .....	7
1.1. Chữ Hiếu và đạo đức xã hội.....	7
1.2. Chữ Hiếu theo quan niệm Nho giáo.....	12
1.3. Chữ Hiếu theo truyền thống Việt Nam .....	19
<b>Chương 2. CHỮ HIẾU THEO QUAN NIỆM CỦA PHẬT GIÁO VÀ BIỂU HIỆN CỦA NÓ</b> .....	26
2.1. Khái quát về triết lý nhân sinh quan của Phật giáo .....	26
2.2. Quan niệm của Phật giáo về chữ Hiếu .....	35
2.3. Các biểu hiện cụ thể về ân Cha mẹ và giá trị đạo đức Phật giáo trong xã hội ngày nay .....	52
<b>Chương 3. Ý NGHĨA CHỮ HIẾU CỦA PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI HIỆN NAY</b> .....	67
3.1. Đạo đức xã hội và những vấn đề đặt ra về chữ Hiếu .....	67
3.2. Phát huy chữ Hiếu của Phật giáo trong xã hội hiện nay .....	72
<b>KẾT LUẬN</b> .....	78
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	81

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Lịch sử dân tộc cho thấy Phật giáo đến Việt Nam đã gắn bó hài hòa với dân tộc. Suốt hơn hai nghìn năm lịch sử, Phật giáo Việt Nam đóng góp rất quan trọng vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước và nền văn hóa dân tộc. Đó chính là tiếng nói Từ Bi - Vô Ngã - Vị Tha và con đường sống Giới - Định - Tuệ, nhằm đưa đời sống con người đạt tới Chân - Thiện - Mỹ.

Bước sang thế kỷ XXI là giai đoạn phát triển rực rỡ của nền văn minh khoa học, giai đoạn mà con người có thể thỏa mãn về các nhu cầu vật chất. Từ nền văn minh thủ công lấy lao động chân tay làm chủ yếu, con người đã tiến tới văn minh đại công nghiệp với lao động chủ yếu bằng máy móc, con người có thể ngồi một chỗ để điều khiển mọi thứ. Tuy thế, chúng sinh vẫn bị khổ đau và con người chưa được hạnh phúc thực sự. Cùng với sự phát triển của khoa học - công nghệ, nhân loại đã có những bước tiến dài về kinh tế, nhưng mặt trái của nó là lối sống chạy theo lợi nhuận mà bất chấp tất cả: Vi phạm chuẩn mực đạo đức, truyền thống văn hóa, vi phạm pháp luật,... Chính vì vậy mà muốn có hạnh phúc thì con người cần phải sống cuộc sống thương yêu, giúp đỡ và chia sẻ lẫn nhau mới mong có được một xã hội thái bình, tự do, bình đẳng và bác ái.

Một xã hội đầy tình người không thể được xây dựng bằng những con người ích kỷ, ngạo mạn, tranh chấp, thù hận, vong ơn bội nghĩa,... Một xã hội thái bình bác ái phải được xây dựng bởi những cá nhân biết tôn trọng, thương yêu giúp đỡ người khác, gia đình là một xã hội thu nhỏ của nhân loại. Ở đây đạo đức con người phải được thiết lập và xây dựng một cách bền vững. Vấn đề tình người đặt ra trong gia đình là: Mỗi thành viên trong gia đình phải biết Hiếu với cha mẹ, phải thuận thảo với anh chị em ruột thịt, phải có nghĩa với bà con xóm giềng. Làm như vậy là làm tròn bổn phận của con người trong chuẩn mực đạo đức của gia đình và xã hội. Và hiển nhiên rằng một người có hiếu với cha mẹ thì cũng có tình, trung, nghĩa, nhân. Bất cứ ở một xã hội nào, một thời đại nào, ân nghĩa cao cả của cha mẹ cũng được đền đáp, lòng hiếu thảo của con cái luôn được xem là tấm lòng đẹp nhất và

nhân loại luôn ca ngợi những người có hiếu. Hạnh hiếu chính là việc làm đầu tiên của con người có tình người và là việc làm thiết thực đúng đắn của tinh thần biết ơn và trả ơn.

Hiếu là một phạm trù của đạo đức xã hội, là một đức tính cơ bản để xây dựng con người có tình người. Từ “Hiếu tâm” mà nó phát sinh ra các đức tính khác như: Nhân - Lễ - Trung - Nghĩa... Trong Đạo đức - Tình người, “Hiếu đạo” chính là việc làm mang tình người lớn nhất và nó đứng đầu các hành động, đồng thời hiếu hạnh cũng là đức hạnh đứng hàng đầu của những đức hạnh con người. Từ tâm hiếu, tình người được giáo dục tôi luyện, phát triển và được biểu lộ ra hành động, ra các hành vi cư xử ở đời nhằm xây dựng tốt các mối quan hệ tương giao xã hội, an lạc, hạnh phúc chung cho gia đình, tập thể. Hiếu tâm, đạo đức là con suối tình người chảy vào văn hóa, giáo dục tạo nên các nền văn hóa, giáo dục nhân bản. Trong các nền văn hóa này, thực chất của hiếu tình, trung nghĩa là chỉ một tình người cao đẹp. Người có mặt tâm hiếu là có nhân, có tình, trung nghĩa.

Đây chính là lý do căn bản thúc đẩy người viết chọn đề tài: *Chữ Hiếu trong đạo Phật và ý nghĩa hiện thời của nó*, làm luận văn thạc sỹ nhằm góp phần làm rõ phạm trù chữ Hiếu trong Phật giáo.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Hiếu đạo vốn là một đạo lý có từ ngàn đời, nó tồn tại và phát triển trong thế giới con người, vì từ muôn ngàn đời nay, tình yêu thương của cha mẹ dành cho con cái không hề vơi cạn, nó luôn đong đầy theo dòng chảy thời gian để dưỡng nuôi những mầm sống được lớn khôn và trở thành người hữu ích. Đối với những dân tộc có hàng ngàn năm văn hiến và truyền thống đạo đức lâu đời như dân tộc Việt Nam chúng ta, Hiếu đạo càng được đề cao và là một trong những đạo lý cơ bản của dân tộc.

Có thể thấy mỗi xã hội, mỗi tôn giáo... đều có quan niệm khác nhau về đạo đức và những đạo lý của con người, nhưng cùng có một điểm chung đó là đề cao giá trị văn hóa, đạo đức của hiếu đạo. Nội dung thể hiện chính trong tư tưởng hiếu đạo trong kinh điển Phật giáo, hay cụ thể hơn là luận bàn một số nét chính về chữ

“Hiếu” trong Phật giáo, một trong những tôn giáo đề cập và luận giải về đạo Hiếu nhiều nhất, đầy đủ nhất và đặc biệt nhất trong các tôn giáo của nhân loại.

Truyền thống hiếu đạo thời kỳ này còn được thâm thấu qua hàng loạt các truyền thuyết, thần thoại như sự tích Bánh chưng - bánh dày (Lang Liêu và các hoàng tử chước thọ Hùng Vương), sự tích Quả dưa hấu (Mai An Tiêm biết mình bị vu oan song vẫn tuân mệnh vua đi đày vì đạo Hiếu), truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh (Mỵ Nương tuân theo sự sắp xếp của vua cha), Mỵ Châu - Trọng Thủy (An Dương Vương giết Mỵ Châu vì bất hiếu, bất trung) v.v.. Dù rằng nguồn gốc các truyền thuyết, thần thoại nói trên cần phải bàn thêm, song chúng đều phản ánh một sự hoài niệm nào đó của lịch sử - xã hội.

Như vậy, đạo Hiếu bắt nguồn tự nhiên từ thực tiễn đời sống canh nông ở Việt Nam. Nó vừa mang tính tôn ti vừa mang tính dân chủ do chịu ảnh hưởng của phương thức định cư kiểu làng xã có tổ chức chặt chẽ và kiểu sản xuất nông nghiệp lúa nước.

Nguyễn Du - Nhà thơ lớn của nước ta cuối thế kỉ XVIII, bằng tâm huyết và tài năng trác tuyệt của mình đã xây dựng thành công kiệt tác "*truyện Kiều*". Trong tác phẩm nói lên hình tượng nhân vật bất hủ là Thúy Kiều - Người con gái tài sắc vẹn toàn Thúy Kiều là người con chí hiếu. Trước tai họa bất ngờ của gia đình, cha bị vu oan, bị tra tấn dã man, nhà cửa bị lũ sai nha cướp phá tan hoang, trái tim Kiều đau đớn như bị xé ra từng mảnh, dồn đến đường cùng và nàng phải bán mình chuộc cha, một hành động cao đẹp ấy chính là lòng hiếu thảo.

Trong tác phẩm "*Một số tôn giáo ở Việt Nam*" của tác giả Nguyễn Thanh Xuân, tác giả đã vẽ lên một bức tranh sinh động, khái quát về các tôn giáo trên thế giới và ở Việt Nam, trong đó có đạo Phật. Tác giả đã đề cập đến ở góc nhìn đa diện về Phật giáo nói riêng và các tôn giáo lớn khác nói chung về sự ra đời, quá trình phát triển, đặc trưng giáo lý, giáo luật, lễ nghi, tổ chức bộ máy giáo hội, việc du nhập hoặc phát triển ở Việt Nam, mối quan hệ quốc tế và thực trạng tôn giáo hiện nay.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI là cùng với việc tiếp thu những giá trị nhân văn trong xu thế hội nhập, đồng thời phải phát huy những giá trị đạo đức truyền thống của gia đình Việt Nam, đảm bảo cho sự phát triển lâu dài của đất nước. Chính vì thế, định hướng cơ bản cho gia đình Việt Nam phát triển bền vững trong xu thế hội nhập quốc tế đã được Đảng và Nhà nước ta xác định trong Chỉ thị 49-CT/TW (ngày 21 tháng 02 năm 2005) của Ban Bí thư về "*Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*". Tư tưởng chủ đạo của văn bản quan trọng này đòi hỏi chúng ta cần nhận thức rõ: Gia đình là một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng Chủ nghĩa xã hội.

Trong các công trình nghiên cứu trên, đạo hiếu của Phật giáo đã được nghiên cứu ở các tầng bậc khác nhau. Mặc dù có rất nhiều dịch giả, tác giả, nhiều công trình nghiên cứu đến chữ Hiếu đối với việc giáo dục đạo đức con người cũng đã được đề cập song chỉ dừng lại ở những gợi mở khoa học, những tiếp cận ban đầu hoặc tư tưởng phát sinh trong tổng thể một vấn đề lớn. Tuy nhiên, những nghiên cứu trên là những nguồn tư liệu quý giá để tác giả kế thừa để hoàn thành bản luận văn: "*Chữ Hiếu trong đạo Phật và ý nghĩa hiện thời của nó*".

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Trong Luận văn phân tích rõ chữ Hiếu hay đạo Hiếu qua công ơn, cách biết ơn, báo ơn và đền ơn đối với Cha mẹ qua lăng kính Phật giáo; từ đó chỉ ra và phân tích đánh giá vai trò và ý nghĩa của chữ Hiếu đối với đạo đức xã hội ở Việt Nam hiện nay.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu vào 3 nhiệm vụ chính như sau:

*Thứ nhất:* Chữ Hiếu và một số quan niệm về chữ Hiếu.

*Thứ hai:* Chữ Hiếu theo quan niệm Phật giáo và biểu hiện của nó.

*Thứ ba:* Ý nghĩa chữ Hiếu của Phật giáo trong xã hội hiện nay.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu chữ Hiếu theo quan điểm Phật giáo thể hiện qua lễ hội Vu Lan và truyền thống uống nước nhớ nguồn, ý nghĩa hiếu hạnh của người con đối với hai đấng sinh thành.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Trong khuôn khổ luận văn này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu môi trường tự nhiên, cụ thể là nghiên cứu: *“Chữ Hiếu trong đạo Phật và ý nghĩa hiện thời của nó”*.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp luận**

Để hoàn thành Luận văn tác giả dựa vào hệ thống giáo lý Kinh điển Đại thừa không ngoài Tam tạng Thánh điển của Đức Phật. Ngoài ra, luận văn còn kế thừa kết quả của các công trình nghiên cứu đã được các tác giả đi trước công bố có liên quan đến đề tài.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu: Phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, đối chiếu để rút ra các kết luận, nhận định khoa học, quy nạp và diễn dịch... nhằm thực hiện mục đích và nhiệm vụ mà đề tài đặt ra.

## **6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận văn**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Hệ thống hóa tương đối đầy đủ về chữ Hiếu trong đạo Phật và phân tích ý nghĩa hiện thời của nó.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

*“Chữ Hiếu trong đạo Phật và ý nghĩa hiện thời của nó”* là nền tảng đầu tiên cho quá trình nghiên cứu đồng thời với mong muốn từ kết quả nghiên cứu này góp phần giúp những người học Phật và những người muốn tìm hiểu Phật pháp có một tài liệu tham khảo về chữ Hiếu.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục và tài liệu tham khảo, nội dung, luận văn gồm 3 chương và 8 tiết.

Chương 1: Chữ Hiếu và một số quan niệm về chữ Hiếu

Chương 2: Chữ Hiếu theo quan niệm của Phật giáo và biểu hiện của nó

Chương 3: Ý nghĩa chữ Hiếu của Phật giáo trong xã hội hiện nay

## Chương 1

### CHỮ HIẾU VÀ MỘT SỐ QUAN NIỆM VỀ CHỮ HIẾU

#### 1.1. Chữ Hiếu và đạo đức xã hội

##### 1.1.1. Đạo đức xã hội

*Đạo đức, luân lý:* Ngày nay chữ hiếu cũng không khác mấy so với ngày xưa, vì cũng xuất phát từ tấm lòng tri ân và báo ân cha mẹ. Tuy nhiên do điều kiện, hoàn cảnh xã hội ngày nay không giống như xưa, cho nên cách thể hiện lòng hiếu thảo của người con thời nay có khác. Ngày nay, vì hoàn cảnh sống, làm việc mà con cháu thường gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện bổn phận với ông bà cha mẹ, chẳng hạn như không có nhiều thời gian gần gũi chăm nom săn sóc, không trực tiếp nuôi dưỡng phụng sự.

Tuy nhiên, mỗi người nên cố gắng dành thời gian gần gũi để ông bà cha mẹ không cảm thấy cô đơn buồn tủi. Cần để ông bà cha mẹ tham gia vào việc dạy dỗ con cháu, làm cho ông bà cha mẹ cảm thấy mình còn là người hữu ích, và cũng để thêm niềm vui khi gần gũi con cháu. Khi ở xa ông bà cha mẹ phải về thăm, gọi điện thoại quan tâm sức khỏe và đời sống của ông bà cha mẹ, nên tùy tâm nguyện của ông bà cha mẹ mà con cháu làm theo để ông bà cha mẹ vui lòng. Điều quan trọng là ở tấm lòng, ý thức đạo đức về lòng biết ơn, sự tôn kính ông bà cha mẹ. Không nên chỉ chu cấp cho ông bà cha mẹ về vật chất mà quên đi tình cảm, sự quan tâm.

Hiếu khi Cha mẹ còn sống là lễ phép, vâng lời, quan tâm và chăm sóc Cha mẹ. Sau khi cha mẹ qua đời, lòng hiếu thảo được thể hiện qua việc thờ phụng và tưởng nhớ. Tấm lòng người xưa đối với ông bà cha mẹ đã khuất thể hiện qua câu “kính như tại”, có nghĩa là kính như đang còn sống. Phụng thờ để tưởng nhớ và nhắc nhở cho nhau công đức, ân nghĩa sinh thành dưỡng dục của ông bà cha mẹ. Hàng năm cúng giỗ để tưởng nhớ và để bày tỏ lòng biết ơn. Đối với xã hội ngày nay, có người cho rằng những việc làm này không thiết thực nhưng thật sự nó có giá trị rất lớn về mặt tinh thần.

*Hiếu là đạo làm người*, là bổn phận làm con mà cũng là đạo làm người. Hiếu thảo thể hiện qua hai phương diện vật chất và tinh thần.

Về phương diện vật chất, tùy điều kiện, hoàn cảnh mà nuôi dưỡng, chăm lo săn sóc cho cha mẹ: Cơm nước, áo quần, thuốc men...

Về phương diện tinh thần, luôn tỏ lòng kính yêu cha mẹ, sống tốt, biết lo cho bản thân và gia đình, trở thành người hữu ích cho xã hội để cha mẹ yên tâm và tự hào, không làm cho cha mẹ buồn lòng, không làm cho cha mẹ tủi hổ vì những việc sai trái, tội lỗi. Người con chí hiếu thực hành hiếu đạo theo lời Phật dạy, ngoài những việc làm trên còn cần phải biết hướng cha mẹ tu thân, hành thiện, quy hướng Tam bảo để xây dựng hạnh phúc cho đời này và đời sau.

Lòng hiếu thảo chẳng những có ý nghĩa về mặt văn hóa, đạo đức mà còn có tác dụng giáo dục. Người biết hiếu thảo với ông bà cha mẹ của mình là tấm gương sáng cho con cháu sau này noi theo, đó là truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” quý báu. Đức Phật còn dạy rằng, lòng hiếu thảo cũng chính là nhân lành, là hạnh của bậc Thánh: *“Ta tự nhớ trong nhiều kiếp quá khứ, từ tâm hiếu thuận cúng dường cha mẹ, do công đức như vậy nên lên các tầng trời thì làm vị thiên đế, xuống trần gian thì làm vị Thánh vương”* [19, tr. 113].

Như chúng ta đã biết, đạo đức xã hội được hình thành trong quá trình hun đúc, tích tập, lắng đọng và bảo hộ các truyền thống tập quán, văn hóa, phong tục xã hội, dư luận, ý chí đạo đức cá nhân, tình cảm đạo đức cộng đồng... đạo đức xã hội dùng để đánh giá khái niệm hành vi và quan niệm đạo đức xã hội, trong đó có các quan niệm về thiện - ác, thành thật - hư dối, trung thực - gian trá, hiếu thảo - bất hiếu v.v....

Nếu người có tình cảm đạo đức cao, làm xuất sắc những việc phù hợp đạo đức, khi nhận được sự tán dương của xã hội, cá nhân người đó cũng cảm thấy vui vẻ, an lòng và mãn nguyện về đạo đức của mình. Ngược lại, người nào bị dư luận xã hội khiển trách, cá nhân họ sẽ cảm thấy áy náy bất an, tự mình luôn trách cứ mình. Giới luật Phật giáo đã thể hiện tương đối tập trung về đạo đức luân lý của Phật giáo. Có thể vận dụng khái niệm đạo đức đặc sắc của Phật giáo tiến hành đánh giá các hành vi đạo đức, điều này cũng là một cách thể hiện sự bảo vệ tôn nghiêm đối với những giới quy, thúc đẩy tín đồ Phật giáo chủ động tuân giữ quy phạm đạo

đức và những giới điều; những khái niệm này gồm có: Ác và thiện, tịnh và nhiễm, đạo đức và phi đạo đức, chính và tà, tri giới và không tri giới. Nhưng giới luật Phật giáo hoàn toàn không giống với đạo đức xã hội.

Ngày nay, trong sự phát triển vượt bậc về công, nông nghiệp và khoa học kỹ thuật, nhân loại đang đối diện với vô số vấn đề, và con người càng ngày càng đạt được ý thức chung về việc nâng cao tinh thần đạo đức và sự tu dưỡng văn hóa cho chính bản thân mình, nên phát huy Tôn giáo trong việc nâng cao tác dụng tình cảm đạo đức và tu dưỡng đạo đức của con người. Phật giáo sở dĩ có chiều dày lịch sử là vì Phật giáo luôn vì tín đồ thuyết giáo đạo đức, làm cho con người thuần thực đạo đức, những tinh thần đạo đức mà hoàn toàn có thể thích ứng với đặc điểm của thời đại, có thể đưa ra những giải thích hợp lý và mới mẻ, có tính khoa học, để nhân loại trong thời đại ngày nay có thể tiếp nhận, đồng thời đẩy mạnh sự phát triển một nền văn minh lành mạnh cho nhân loại.

#### *Nội dung đạo đức:*

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, xuất hiện tương đối sớm trong lịch sử loài người và ngày càng đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển, tiến bộ của xã hội. Vì vậy, trong suốt quá trình phát triển của lịch sử nhân loại, vấn đề đạo đức luôn luôn được xã hội quan tâm, đặc biệt là các nhà triết học. Cho đến hiện nay bàn về đạo đức có nhiều hệ thống lý thuyết tiêu biểu, tiếp cận đạo đức theo các khuynh hướng khác nhau.

*Một là:* Khuynh hướng tiếp cận đạo đức của chủ nghĩa duy tâm khách quan và của các nhà thần học. Các nhà triết học duy tâm khách quan Platon và Heghen lấy “ý niệm” hoặc “ý niệm tuyệt đối” để lý giải nguồn gốc và bản chất đạo đức. Còn các nhà thần học cho đạo đức có nguồn gốc từ thần thánh, con người và xã hội chẳng qua chỉ là những hình thái biểu hiện cụ thể khác của đấng thần linh và những chuẩn mực đạo đức do thần thánh tạo ra để giáo dục con người.

*Hai là:* Khuynh hướng tiếp cận đạo đức của chủ nghĩa duy tâm chủ quan. Họ coi đạo đức như là năng lực “tiên thiên” của lý trí con người. Ý chí đạo đức hay “thiện ý” theo cách gọi của I.Kantơ: Là một năng lực có tính nhất thành, bất biến,

có trước kinh nghiệm, nghĩa là có trước và độc lập với những hoạt động mang tính xã hội của con người.

*Ba là:* Các khuynh hướng tiếp cận đạo đức của chủ nghĩa duy vật. Họ đã nhìn thấy đạo đức trong quan hệ của con người, nhưng con người chỉ là một thực thể trừu tượng, bất biến, nghĩa là con người ở bên ngoài lịch sử, đứng trên giai cấp, dân tộc và thời đại.

*Bốn là:* Khuynh hướng tiếp cận đạo đức của chủ nghĩa Mác - Lênin. Khác với các cách tiếp cận của chủ nghĩa duy tâm khách quan và duy vật tầm thường, C.Mác và Ph.Ăngghen dựa trên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử đã xây dựng một học thuyết đạo đức có tính cách mạng. C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định đạo đức gắn với phương thức sản xuất và điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội. Xét đến cùng mọi học thuyết đạo đức đã có từ trước đến nay đều là sản phẩm của tình hình kinh tế của xã hội lúc bấy giờ. Như vậy, các hiện tượng đạo đức ở các thời đại khác nhau nó có tính chất khác nhau, trong xã hội có giai cấp thì đạo đức có tính giai cấp. Cho nên, không thể coi đạo đức là nhất thành, bất biến, vĩnh viễn như lý thuyết của một số nhà đạo đức trước kia đề ra.

Đạo đức là một trong những phương thức điều chỉnh hành vi của con người. Đạo đức đánh giá hành vi của con người theo chuẩn mực và quy tắc đạo đức biểu hiện thành khái niệm về thiện và ác, vinh và nhục, chính nghĩa và phi nghĩa.

### ***1.1.2. Chữ Hiếu trong đạo đức xã hội***

*Chữ Hiếu:* Là nền tảng của đạo đức. Gia đình là nền tảng của xã hội. Trong gia đình chữ hiếu là nền tảng để xây dựng hạnh phúc, đem đến sự an vui, an lạc cho tất cả mọi người. Con cái có hiếu với cha mẹ, ngoài việc mang lại niềm hạnh phúc chung trong gia đình, còn mang đến cho chính mình sự an lạc, bình an. Mỗi cá nhân, mỗi gia đình trong xã hội, mỗi công dân của một quốc gia có an lạc, bình an thì xã hội, quốc gia đó mới có an lạc bình an, và mỗi xã hội, mỗi quốc gia có an lạc bình an thì thế giới của chúng ta mới được an lạc, bình an, không có tình yêu thương kính trọng vô điều kiện đối với cha mẹ thì không thể có tình yêu thương thật sự đối với người khác.

Một xã hội không có những cá nhân có tình yêu thương thật sự, chỉ có những cá nhân, mà lòng yêu thương trong họ chỉ tồn tại khi các điều kiện xuất phát từ lòng tham dục đã được thỏa mãn, nếu không đúng theo sự ham muốn, nếu trái với ý muốn, thì tình thương đó sẽ tan biến, dễ biến thành sự khinh khi, đố kỵ, ganh ghét và hận thù. Như thế thì xã hội đó sẽ không thể có được sự an lạc, sự an bình thật sự. Phong tục tập quán của các dân tộc, giáo lý của các tôn giáo đều khuyên dạy, đề cao và hướng con người đến việc nhận thức và thể hiện lòng hiếu hạnh của mình đối với đấng sinh thành. Đặc biệt nước ta với nền văn minh phát triển từ rất lâu, văn hóa Nho - Phật - Lão đã ảnh hưởng sâu đậm trong xã hội ngay từ thời lập quốc. Chữ hiếu đã hình thành và tồn tại trong từng cá nhân như là bản tính tự nhiên vốn có từ khi chúng ta mới chào đời.

*Công cha như núi thái sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*

*Một lòng thờ mẹ kính cha*

*Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con*

Mỗi người Việt Nam, không ai là không thuộc nằm lòng những câu ca dao ấy và chúng ta có thường xuyên nhớ tới, để tìm cách thể hiện lòng hiếu thảo của mình trong thực tế ở mức độ như thế nào, còn tùy thuộc vào hoàn cảnh và điều kiện của mỗi người.

*Nội dung của đạo Hiếu:* Nội dung chính của chữ Hiếu trong Phật giáo được tiếp cận một cách đa dạng dưới nhiều góc độ nhưng tựu chung lại đều đề cao công đức của cha mẹ cũng như răn dạy người đời phải làm sao để báo đáp công đức ấy, tiêu biểu như:

Kinh Báo Ân cha mẹ thể hiện rõ sự phát sinh, nội dung công lao sinh thành, giáo dưỡng khó khăn của cha mẹ và theo đó dạy cách báo đáp công ơn trời biển đó.

Kinh Vu Lan bôn nêu gương hiếu hạnh của đức Mục Kiền Liên, cứu thoát mẹ ra khỏi cảnh giới u minh, nhờ vào đạo đức tập thể của các bậc cao tăng và A La Hán. Câu chuyện đã dạy chúng ta về hiếu hạnh trong khắp chúng sinh, đề cao rằng công ơn cha mẹ sinh thành dưỡng dục là thiêng liêng nhất không gì so sánh được, và đạo làm con phải thực hiện tròn bổn phận của mình.

Có thể nói ngay trong nhận thức thông thường của mỗi người đều có thể nhận thấy tình thương của cha mẹ dành cho con cái được biểu hiện ra bên ngoài đặc biệt thế nào, đó không chỉ là sự quan tâm, chăm sóc thông thường, mà đó còn là sự hy sinh tất cả cho con.

Sự hy sinh cho con cái mà trong kinh đã đề cập, chỉ là những biểu hiện có giới hạn xuất phát từ lòng thương yêu vô hạn. Chính vì lòng thương yêu của cha mẹ đối với con cái là vô hạn như vậy nên theo kinh dạy thì những người con dường như không thể đáp đền nổi. Cho dù người con thực hành các công đức lớn lao như trong kinh đã đề cập thì cũng không trả hết được ân đức của cha mẹ. Bởi vì người con có làm gì đi nữa, lòng của người con đối với cha mẹ không thể sánh được lòng của cha mẹ đối với con cái. Vì vậy, khi đề cập đến công ơn cha mẹ, kinh cho rằng khó đền đáp nổi là dựa vào tâm thức của người con đối với cha mẹ có giới hạn. Điều đó là một quy luật tâm lý muôn đời. Người con chỉ phần nào đền đáp được công ơn cha mẹ, thể hiện lòng thành kính của mình, làm tròn chữ Hiếu khi răn dạy ngoài việc phải thực hiện một số nhưng công việc, hành động báo ân thường tình mà chúng ta thường bắt gặp như: Phụng dưỡng cha mẹ khi già yếu ốm đau, giúp cha mẹ đỡ đần những công việc lúc khó khăn... Mà còn phải thì tự mình thực hành tịnh giới, tu tập các hạnh lợi tha, đồng thời khuyến hoá cha mẹ thực hành theo đúng chính pháp.

## **1.2. Chữ Hiếu theo quan niệm Nho giáo**

### **1.2.1 Khái quát về Nho giáo**

Tại Trung hoa cổ đại, từ thế kỷ XIII đến thế kỷ III trước Công nguyên, thời kỳ Xuân Thu - Chiến quốc đã phát sinh ra các hệ thống, các dòng tư tưởng triết học, tiêu biểu như: Nho giáo, Mặc gia, Đạo gia, Danh gia, Pháp gia, Âm Dương gia. Trong đó Nho giáo là học thuyết lớn nhất trong lịch sử chính trị, đạo đức của dân tộc Trung hoa và có ảnh hưởng rất lớn ở các nước Á Đông (Nhật bản, Triều tiên, Việt Nam).

Nho giáo là một trường phái do Khổng Tử, tên thật là Khâu, hay còn gọi là Trọng Ni, người nước Lỗ (551 - 479 TCN, thời Xuân Thu - Chiến quốc) sáng lập.

Khổng Tử là người mở đường vĩ đại của lịch sử tư tưởng trung quốc cổ đại. Ông là nhà triết học, nhà chính trị và là nhà giáo dục nổi tiếng ở Trung quốc cổ đại. Ông đã hệ thống những tri thức tư tưởng đời trước và quan điểm của ông thành học thuyết đạo đức chính trị riêng, gọi là Nho giáo. Học thuyết của ông được hai nhà tư tưởng là Mạnh Tử và Tuân Tử hoàn thiện và phát triển. Mạnh Tử theo hướng duy tâm, Tuân Tử theo hướng duy vật. Trong lịch sử sau này dòng Khổng Mạnh có ảnh hưởng lâu dài nhất. Từ nhà Hán trở đi.

*Nho giáo được ra đời trong bối cảnh lịch sử sau:*

*Về kinh tế:* Lực lượng sản xuất đã có những bước tiến lớn, nhiều ngành nghề mới ra đời, cộng thêm sự suy yếu của thế lực chính trị nhà Chu đã làm cho chế độ kinh tế "Tinh điền" tan rã. Trong xã hội xuất hiện sở hữu tư nhân về đất đai và do đó xuất hiện giai cấp mới là giai cấp địa chủ.

*Về chính trị:* Suốt thời Xuân Thu, mệnh lệnh của "Thiên tử nhà Chu" không còn được tuân thủ, trật tự lễ nghĩa, cương thường xã hội đảo lộn, đạo đức suy đồi. Đây là thời mà "Vua không ra đạo vua, tôi chẳng ra đạo tôi". Triết học tại thời điểm này trong xã hội nảy sinh ra hai mâu thuẫn lớn, đó là mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ và tầng lớp thống trị quý tộc thị tộc nhà Chu và mâu thuẫn thứ hai gay gắt hơn nhiều, là mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp địa chủ, mâu thuẫn thứ hai biểu hiện là thế lực nào cũng muốn bá chủ Trung nguyên, dẫn tới cuộc chiến tranh giữa các dòng họ, đẩy xã hội vào thời kỳ loạn lạc, thời đánh nhau tranh thành, thì giết người thầy chết đầy thành, đánh nhau giành đất thì giết người thầy chết đầy đồng.

*Về văn hoá:* Người Trung hoa đã sáng tạo ra tri thức về nhiều lĩnh vực, đạt được kiến thức vượt thời đại. Chính trong thời đại lịch sử biến chuyển sôi động đó đã đặt ra một loạt những vấn đề xã hội và triết học mới, buộc các nhà tư tưởng phải quan tâm lý giải và làm nảy sinh một loạt các trường phái triết học đa dạng.

Các dòng tư tưởng triết học thời này đều có chung một đặc trưng là quan tâm giải quyết các vấn đề chính trị - đạo đức - xã hội và không quan tâm tới tôn giáo. Đứng trên lập trường của bộ phận cấp tiến, trong tầng lớp quý tộc cũ nhà Chu,

Khổng Tử chủ trương lập lại kỷ cương nhà Chu. Với mục đích ấy, ông đã lập ra học thuyết mở trường dạy học, đi chu du khắp các nước chư hầu làm thuyết khách mong làm sáng đạo của mình trong thiên hạ. Ông chủ trương xây dựng mẫu người quân tử dùng "đức trị, lễ trị" để đưa xã hội từ chỗ hỗn loạn trở nên ổn định.

*Thứ nhất: Quan niệm về bản chất con người*

Nho giáo đặt vấn đề đi tìm một bản tính có sẵn và bất biến của con người. Đức Khổng Tử và Mạnh Tử đều quan niệm bản tính con người ta sinh ra vốn thiện. Bản tính "Thiện" ở đây là tập hợp các giá trị chính trị, đạo đức của con người. Vậy "Thiện" là gì? Thiện là rộng lượng, những đức tính có sẵn mang tính chân thiện mỹ như: Người ta ai cũng có lòng nhân ái, yêu thương con người (đức Nhân), ai cũng có lòng biết ơn trong quan hệ (đức Nghĩa), ai cũng biết liêm sỉ, ai cũng có lòng cung kính, tôn trọng bề trên, nhường kẻ dưới (đức Lễ), ai cũng hiểu và biết làm điều thiện, biết xử lý công việc bằng kiến thức, lý trí của mình (đức Trí), ai cũng có sự tin tưởng vào nhau (đức Tín). Ngũ thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín là năm giá trị đạo đức lớn của con người. Ngũ thường là có sẵn và bất biến trong mỗi con người.

Xuất phát từ quan niệm cho rằng bản tính của con người là thiện, Khổng Tử đã xây dựng phạm trù "Nhân" với tư cách là phạm trù trung tâm trong triết học của ông. Theo ông, một triều đại muốn thái bình thịnh trị thì người cầm quyền phải có đức Nhân, một xã hội muốn an hòa thì phải có nhiều người theo về điều Nhân. Chữ Nhân được coi là nguyên lý đạo đức cơ bản quy định bản tính con người và những quan hệ giữa người với người từ trong gia tộc đến ngoài xã hội. Người có đức nhân là người làm được năm điều trong thiên hạ: "Cung, khoan, tín, mẫn, tuệ".

Tuy nhiên trong Nho giáo, nếu Khổng Tử và Mạnh Tử cho rằng con người vốn có bản tính thiện thì Tuân Tử đưa ra lý luận bản tính con người là ác: "Tính người là ác, thiện là do người làm ra"; nhưng trong quan điểm sai lầm đó cũng có nhân tố hợp lý như: Hành vi đạo đức của con người là do thói quen mà thành, phẩm chất con người là sản phẩm của hoàn cảnh xã hội và kết quả của sự học tập, giáo dục lâu ngày mà nên, từ đó ông cho rằng có thể giáo dục, cải hoá con người từ ác thành thiện được. Nếu ra sức tu dưỡng đạo đức thì bất cứ người nào cũng đều có thể đạt được địa vị "người quân tử".

Tuân Tử đề cao khả năng và vai trò của con người. Ông khẳng định trời không thể quyết định được vận mệnh của con người. Việc trị hay loạn, lành hay dữ là do con người làm ra chứ không phải tại trời. Nếu ý chí của con người hành động thuận theo trật tự của giới tự nhiên thì sẽ được hạnh phúc, trái lại thì sẽ gặp họa. Tiến lên một bước nữa, ông đề ra học thuyết con người có thể cải tạo được tự nhiên. Ông cho rằng con người không thể chờ đợi tự nhiên ban phát một cách bị động mà phải vận dụng tài trí, khả năng của mình, dựa vào quy luật của tự nhiên mà sáng tạo ra những của cải, sản vật để phục vụ cho đời sống con người. Như vậy, Nho giáo thể hiện là một học thuyết có tính nhân văn rất cao, nhìn thấy nét đẹp của con người và rất tin tưởng vào con người, tin tưởng vào khả năng giáo dục con người.

*Thứ hai: Quan điểm về xã hội học*

Nho giáo đứng trên quan điểm duy tâm để giải quyết những vấn đề xã hội bởi vì khi giải quyết những vấn đề xã hội, Nho giáo không xuất phát từ việc phân tích cơ sở kinh tế của xã hội như triết học Mác, mà xuất phát từ những quan hệ chính trị - đạo đức, coi đó là quan hệ nền tảng của đời sống xã hội. Nho giáo quy tất cả những quan hệ xã hội về quan hệ chính trị - đạo đức. Nho giáo khái quát những quan hệ chính trị - đạo đức ấy vào ba mối quan hệ rường cột, gọi là tam cương, bao gồm: Quan hệ vua - tôi, quan hệ cha - con, quan hệ chồng - vợ. Quan hệ thứ nhất thuộc quan hệ quốc gia, còn hai quan hệ sau thuộc quan hệ gia đình. Điều này nói lên rằng trong quan niệm về xã hội, Nho giáo đặc biệt quan tâm tới những quan hệ nền tảng của xã hội là quan hệ gia đình.

*Thứ ba: Quan điểm về giáo dục*

Trước hết, Nho giáo có nêu quan điểm về một xã hội lý tưởng. Lý tưởng cao nhất của đức Khổng Tử cũng như các tác giả sau này của Nho giáo là xây dựng một xã hội "Đại đồng". Khái niệm xã hội đại đồng của Nho giáo không phải là một xã hội đặt trên nền tảng của một nền sản xuất phát triển cao mà là một xã hội "an hoà", trong đó sự an hoà được đặt trên nền tảng của sự công bằng xã hội.

Xã hội an hoà ở đây là xã hội bao gồm nhiều quốc gia lớn nhỏ, mạnh yếu khác nhau, trong đó quốc gia nhỏ yếu thờ phụng quốc gia lớn mạnh và ngược lại, quốc gia lớn mạnh che chở cho quốc gia nhỏ yếu. Xã hội mà mọi người sống hoà

thuận giữa trong ngoài, trên dưới, trưởng thứ,... trong đó người bề trên vui vẻ mà trị, không ý thế quyền lực, người dưới vui vẻ mà nhận sự trị, không oán hờn.

Để thực hiện xã hội lý tưởng, xã hội đại đồng, xã hội an hoà trên, Nho giáo không đặt vấn đề về một cuộc cách mạng, không cầu cứu ở bạo lực, mà tìm cứu cánh ở một nền giáo dục. Đức Khổng Tử là người đầu tiên lập ra trường tư, mở giáo dục ra toàn dân. Có giáo dục và tự giáo dục thì mỗi người mới biết phận vị của mình mà nhìn nhận hành động trong cuộc sống cho đúng. Theo Khổng Tử thì tại học tri đại là học cho đến mức biến hoá được con người, làm cho người gần khâm phục, người xa yêu mến; Tại thân dân là sự học phải xuất phát từ tình yêu thương con người. Bởi vì đạo học là đạo người, chỉ có ai có tình thương yêu con người thì mới hiểu được lý lẽ của sự học. Tại chi vi chi thiện là học cho đến hoàn thiện.. Muốn vậy phải đến nơi có sự kiện, sự vật mà tìm hiểu ngọn nguồn của tạo hoá. Mục đích của sự học là tạo lập ý chí, lý tưởng nhân cách và hoàn thành nhiệm vụ. Học phải đạt đến: Thành ý - Chính tâm - Tu thân - Tề gia - Trị quốc - Bình thiên hạ. Nội dung của giáo dục Nho giáo, giáo dục và tự giáo dục, hướng vào việc giáo dục những chuẩn mực chính trị - đạo đức đã hình thành từ ngàn xưa.

### ***1.2.2. Chữ Hiếu theo quan niệm Nho giáo***

Như chúng ta đã biết, Nho giáo của Trung Quốc đề cao chữ Hiếu. Vì vậy khi Nho giáo du nhập vào nước ta truyền thống hiếu thảo của người Việt Nam được củng cố thêm. Chữ Hiếu được đề cập nhiều trong các sách của Nho giáo như Hiếu kinh, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Kinh Thi, Nhị Thập Tứ Hiếu... Người Việt Nam đã mượn chín chữ cù lao trong thiên “Lục nga” (Kinh Thi) để nói về công ơn Cha mẹ.

*Thương thay chín chữ cù lao*

*Ba năm bú mớm biết bao nhiêu tình*

Nhưng đạo hiếu truyền thống của người Việt Nam cũng như đạo hiếu của Nho giáo truyền vào nước ta, đều dừng lại ở thời hiện tại. Hiếu là thờ kính, phụng dưỡng Cha Mẹ, nhất là khi Cha Mẹ già yếu:

*Đói lòng ăn hạt chà là*

*Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng*

Đồng thời trong đạo hiếu của Nho giáo còn đặc biệt chú trọng đến tang lễ vì cho rằng chết là còn, nên “*Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn*” thờ kính Cha Mẹ chết y như lúc còn sống, và tế lễ như Cha Mẹ còn tại thế, mỗi bữa phải dâng cúng cơm nước để mừng tượng như thấy được hình bóng như thấy được tiếng nói sau khi Cha Mẹ đã mất được như thế mới gọi là Hiếu.

*Ba năm báo phục chịu tang*

*Cù lao dưỡng dục mới an dạ này*

Nhìn chung Nho giáo được xem như là những trường phái đạo đức lớn, với chủ trương xây dựng nền đạo đức con người văn minh của nhân loại. Mẫu người lý tưởng của trường phái này đó là bậc quân tử. Bậc quân tử không thể khiếm khuyết ngũ thường. Năm hành động biểu hiện bản chất quân tử này sắp xếp như vậy hẳn không phải là một sự kiện ngẫu nhiên mà nó được sắp xếp theo một trình tự nặng nhẹ có thứ tự lớp “Nhân” được đứng đầu trong năm điều đó là điều biểu hiện bản chất và tính quan trọng của nó. Người quân tử có thể chỉ cần có “Nhân” là đủ cả năm đức tính đó. Nhưng nếu là thiếu “Nhân” thì người quân tử không được chấp nhận.

Trong *Hiếu kinh* có đề cập đến những người có nét Hiếu, nét Lễ ít ai ưa trái nghịch với bề trên. Đã không ưa trái nghịch bề trên lại còn thích gây ra phản loạn, người như vậy ta chưa từng thấy. Cho nên bậc quân tử chuyên chú vào việc gốc. Cái gốc được vững tốt, tự nhiên đạo lý bắt đầu từ đó mà sinh ra. Vậy làm người mà giữ được nét hiếu tức là nắm hết cái gốc đó vậy. Bởi vậy, Nho giáo đã khẳng định rằng: “*Hiếu là gốc của Đức, người ta có trăm nét, hiếu đứng đầu. Đạo hiếu không rõ thì con người không đáng để làm gì*” [13, tr. 150].

*Những việc người con có hiếu phải làm khi Cha Mẹ còn sống*: Bỏ phận làm con phải cố gắng lập thân cho Cha Mẹ vui lòng, không làm những việc xấu xa để Cha Mẹ phải đau khổ buồn rầu. Khi Cha Mẹ còn sống thì hết lòng nuôi nấng. Cho nên người con có hiếu thì Cha Mẹ còn ngày nào nên vui ngày ấy kịp ăn ở cho trọn đạo. Chớ để lúc Cha Mẹ mất rồi, có hối lại cũng không sao kịp nữa. Làm con còn có Cha Mẹ để báo đáp là một việc sung sướng ở đời và cũng là có phúc có duyên nữa.

Bởi vậy hiếu là đầu trăm nét, chỉ có người có hiếu mới có trung với tổ quốc và nhân tình với mọi người.

*Phụng dưỡng Cha Mẹ:* Người xưa nói, “Ngôn ngữ trần gian là túi sách” thì nói làm sao hết ân nghĩa của Cha Mẹ đối với chúng ta, xét lại một đời lao碌, lao tâm, da nhăn, lưng còng, má hóp bởi vì đâu? Chúng ta cần phải thấy rằng: Tất cả đều vì con cái. Vì vậy khi trưởng thành trong nhận thức của đạo làm con, ta phải dành thời gian cho Cha Mẹ an dưỡng lúc tuổi già để đền bù bớt một phần nào những vất vả nhọc nhằn trong cuộc sống. Ngược lại nếu nuôi dưỡng Cha Mẹ đầy đủ nhưng không có lễ, không cung kính thì lại là người con bất hiếu.

*Vâng lời Cha Mẹ và tìm cách để Cha Mẹ vui lòng:* Ở đời, có Cha Mẹ nào mà lại không thương con, có Cha Mẹ nào mà lại muốn điều xấu đến với con mình. Vì vậy, Cha Mẹ có thể vì sự nghiệp và hạnh phúc của con mà có thể làm điều phi pháp. Một tâm niệm thiết tha thể hiện qua hành động như vậy thì có lý gì để một người con không vâng lời Cha Mẹ? Tuy nhiên vâng lời và làm vui lòng Cha Mẹ không phải chỉ nghe theo lời Cha Mẹ, không đợi Cha Mẹ nói mới làm mà phải làm xem ý tứ của Cha Mẹ muốn gì để làm theo khiến cho Cha Mẹ được vui lòng.

Từng việc nhỏ nhất như vậy người con có hiếu không thể bỏ qua được. Cho đến khi cơ sự bình yên, cơm no áo ấm, người con làm Cha Mẹ vui bằng cách phải cố gắng làm sao mang nụ cười đến cho Cha Mẹ. Như vậy ngày xưa Đức Lão Lai Tử nước Sở sinh thời Xuân Thu năm ông 70 tuổi Cha Mẹ vẫn còn sống, không muốn để Cha Mẹ thấy ông già mà sinh lo buồn nên ông thường mặc áo màu sắc sỡ, nhộn nhờ múa hát trước mặt Cha Mẹ đôi khi ông còn khóc oa oa như con trẻ lên bảy vậy. Ý ông là cốt để Cha Mẹ lúc nào cũng vui vẻ trong lòng.

*Những việc người con làm khi Cha Mẹ qua đời:* Con người đã sinh ra tất phải chết, có trẻ thì phải có già. Tuy thế Nho giáo không nói rằng làm con chỉ để báo hiếu Cha Mẹ lúc sinh thời, làm con khi Cha Mẹ sống phải phụng dưỡng cho có lễ, khi Cha Mẹ mất phải chôn cất cho có lễ, rồi khi cúng tế cũng phải giữ lễ phép cho trang nghiêm, như vậy là không trái ngược. Chết là một quy luật không ai tránh

khỏi. Nhưng là người con có hiếu thì lo sợ ngày Cha Mẹ mình ra đi, họ luôn luôn nơm nớp trong lòng.

Khi cha mẹ mất đi phần tang lễ tổ chức cho trang nghiêm theo di chúc và tập tục xử thế. Việc cúng tế phải xem như là dâng cơm cho Cha Mẹ lúc còn sống.

Đồng thời khi Cha Mẹ qua đời, người con không được làm điều gì để tổn thương danh dự của gia đình mà phải duy trì cái danh giá của cha ông mình đã trọn đời đạo nghĩa mới có được. Về tài sản của Cha Mẹ để lại mình phải bảo vệ không để thất lạc, không phung phí tiêu pha, không để mất trộm, không để nước cuốn trôi không để thiêu cháy hay bị tịch biên. Tăng Tử đã ca ngợi nét hiếu rằng:

*“Hiếu là nét đứng đầu trăm hạnh  
Hiếu thấu trời cao, gió hòa mưa thuận  
Hiếu thấu đến đất, muôn vật sinh sôi  
Hiếu thấu đến người, phúc dòn dập tới”* [3, tr. 197].

### **1.3. Chữ Hiếu theo truyền thống Việt Nam**

*Truyền thống hiếu hạnh của người Việt Nam:* Việt Nam đất nước của chúng ta đã có không biết bao nhiêu cái tên gọi như là Giao Châu, Giao Chỉ, Đại Cồ Việt, Đại Việt... Với lịch sử bốn nghìn năm văn hiến, với bao nhiêu phen thăng trầm, trải qua không biết bao nhiêu thời đại hào hùng vàng son nhưng cũng nhiều thời kỳ đau thương tang tóc đã đổ lên dân tộc và xứ sở thân yêu này. Nhưng cho dù thịnh hay suy, vinh quang hay bi đát thì tinh thần yêu nước yêu dân của con người ở đây không bao giờ thay đổi, từ ngàn xưa cho tới ngày nay được thể hiện qua những câu chuyện, những câu ca dao như là:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng  
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*

Tuy rằng khác giống, khác nòi nhưng chung một mảnh đất Việt Nam thân yêu. Không có lý do gì để không thương yêu và đùm bọc lẫn nhau. Trong hoạn nạn cũng như khi thái bình, tinh thần yêu nước thương nòi đó không bao giờ bị dập tắt. Đến hôm nay lòng yêu nước thương dân được Đảng và Nhà nước chủ trương đưa lên hàng đầu. Như vậy, tấm lòng nhân đạo của con người Việt Nam chưa một lúc

nào, chưa một thời kỳ nào bị đánh mất mà nó được biểu hiện dưới hình thức này hay hình thức khác mà thôi.

Nền văn hóa Việt Nam với dòng lịch sử như vậy đã chịu ảnh hưởng hai nền văn hóa lớn của nhân loại đó là: Văn hóa Nho giáo và văn hóa Phật giáo. Văn hóa Nho giáo là phải chịu một nghìn năm Bắc thuộc, mặt khác chịu ảnh hưởng văn hóa Phật giáo là vì Phật giáo đã đến Việt Nam trên hơn hai nghìn năm. Trong hai nghìn năm đó Phật giáo đã đóng góp một phần không nhỏ trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, đã từng chia ngọt xẻ bùi, chung lưng đấu cật để gánh vác trách nhiệm chung của quốc gia cùng với dân tộc. Bởi thế khi nói đến dòng lịch sử của dân tộc Việt Nam không thể tách rời lịch sử Phật giáo Việt Nam được.

Cũng nhờ vậy mà con người Việt Nam như được uống hai dòng sữa mát dịu, ngọt ngào, tiêu biểu cho nền đạo đức nhân loại. Vì thế từ trong từng dòng nước con người nơi đây đã mang bản chất từ ái.

*Một là:* Người có lòng nhân - để nhằm xây dựng một xã hội bác ái.

*Hai là:* Từ bi - cứu khổ và ban vui - nhằm để đem lại hạnh phúc an lạc, bình yên cho muôn loài. Đây chính là đạo đức của con người Việt Nam xưa nay.

Đến ngày hôm nay tinh thần đạo đức đó được gọi với cái tên: “Trung với nước hiếu với dân” không chỉ hiếu với Cha Mẹ mà phải hiếu với cả toàn dân, thật là một tinh thần nhân đạo, nhân bản mang tinh thần Phật giáo rất sâu sắc.

Thật vậy, người Việt Nam luôn xem công ơn Cha Mẹ lớn lao vô cùng, không có một ân đức nào có thể sánh kịp. Vừa lọt lòng chúng ta đã nghe lời khuyên nhủ rằng: Phải lo báo ơn Cha Mẹ, lời khuyên đó không chỉ có mặt ở học đường hay là ngành giáo dục mà nó còn có ở mọi nơi mọi lúc trong cuộc sống thường nhật từ những câu chuyện cổ tích, truyện truyền thuyết như: Tấm Cám, Mị Châu - Trọng Thủy được kể quanh đèn hay dưới ánh trăng, từ những bài vè lời hát, hay là câu hò của mẹ ru con, bà ru cháu... Vừa đủ tuổi đến trường, biết đọc biết viết thì các con em Việt Nam được học bài đầu tiên là những câu chuyện, những câu ca dao nói về ơn Cha Mẹ và khuyên răn nên báo đền cái ơn đó như thế nào?... Nói chung tinh thần hiếu của người Việt Nam không khi nào không có, không nơi đâu mà vắng mặt...

### ***1.3.1. Quá trình hình thành đạo Hiếu ở Việt Nam***

#### *Nguồn gốc và quá trình phát triển chữ Hiếu ở Việt Nam*

Không có bộ sách sử nào ghi rõ truyền thống hiếu đạo ở Việt xuất hiện từ lúc nào, trong hoàn cảnh nào. Sự tồn tại của truyền thống hiếu đạo ở Việt muộn nhất là từ thời Văn Lang - Âu Lạc. Thời ấy, xã hội chuyển dần từ chế độ mẫu hệ sang phụ hệ, cấu trúc gia đình hạt nhân dần hoàn thiện, các quan hệ luân lý được củng cố, từ lúc cư dân Việt cổ chuyển từ vùng trung du xuống khai thác đồng bằng châu thổ cũng là lúc mô hình gia đình lớn nhiều thế hệ thuộc chế độ mẫu hệ bị giải thể và vỡ vụn ra thành các gia đình hạt nhân.

Truyền thống hiếu đạo thời kì này còn được thẩm thấu qua hàng loạt các truyền thuyết, thần thoại như sự tích bánh chưng - bánh dày, sự tích Quả dưa hấu, truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh... Dù rằng nguồn gốc các truyền thuyết, thần thoại nói trên cần phải bàn thêm, song chúng đều phản ánh một sự hoài niệm nào đó của lịch sử - xã hội.

Một minh chứng sống động nữa cho truyền thống Hiếu đạo thời kì này là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Không ai biết nó bắt đầu từ lúc nào, song các nghiên cứu khoa học hiện đại cho thấy tục thờ này đã có ở các cộng đồng Bách Việt, trong đó có tổ tiên Lạc Việt của Việt Nam, từ thời tiền sử.

Xét trên khía cạnh thực tiễn xã hội, tổ tiên người Việt Nam thời Văn Lang - Âu Lạc là các cư dân nông nghiệp lúa nước, sống theo quy mô làng nông thôn với tinh thần cộng đồng cao do phải thường xuyên đối phó với những khắc nghiệt của môi trường tự nhiên (lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh) và môi trường xã hội (trộm cướp, ngoại xâm). Quan hệ cộng đồng xã hội ấy có mối quan hệ gia đình hạt nhân làm nền tảng, trong đó mối quan hệ luân lý giữa các thế hệ theo thời gian vẫn là trụ cột. Đạo hiếu hình thành trên cơ sở ấy và tồn tại trước khi tư tưởng Nho gia thâm nhập sâu rộng vào Việt Nam.

Qua gần ngàn năm chống Bắc thuộc, đạo Hiếu ở Việt Nam được lý luận hóa, nó gắn liền với những tiêu chí đạo đức xã hội: Tam cương - Ngũ thường. Chữ Hiếu bước từ quy mô gia đình ra xã hội, chuyển từ trạng thái dân gian sang xu thế quan

phương hóa, từ chưa mang tính hệ thống sang tính quy củ v.v... Do đặc trưng văn hóa và tính cách văn hóa Việt Nam khá khác biệt với phần còn lại của các nền văn hóa chữ Hán, truyền thống đạo Hiếu ở Việt Nam vẫn mang đặc trưng riêng của nó, hoàn toàn nằm trong hệ thống bản sắc văn hóa Việt Nam.

#### *Đặc trưng quan niệm chữ Hiếu ở Việt Nam*

Đạo Hiếu gắn liền với đời sống thực tiễn của các gia đình trong khuôn khổ chung là xã hội, do vậy tính chất của quan niệm chữ Hiếu cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ cơ cấu, tính chất gia đình và xã hội.

Xã hội Việt Nam truyền thống, nhìn chung vẫn là một xã hội trong quan hệ chiều ngang, lợi ích gia đình đặt trong lợi ích chung của làng xã. Chính vì thế đạo Hiếu chịu sự ràng buộc của nhiều tiêu hệ thống tư tưởng xã hội khác.

Đạo Hiếu ở truyền thống văn hóa Việt Nam hợp nhất với Trung, Nghĩa, Đễ thành một khối, lấy lợi ích quốc gia, xã hội làm trọng, do vậy lấy chủ nghĩa yêu nước làm nền tảng chính. Sự dung hợp đa nguyên này hoàn toàn có cơ sở, vì nó bắt nguồn từ các đặc trưng tính cách vốn có của người Việt Nam: Tính cộng đồng, thiên hướng hài hòa - cân bằng, xu hướng thiên về âm tính - trọng tình, tính tổng hợp và tính linh hoạt. Trong sự dung hòa ấy, nền tảng cơ bản của nó vẫn là yếu tố bản địa, do vậy đạo Hiếu ở Việt Nam không nặng nề tính tôn ti, không quá câu nệ về mặt hình thức và không khắc nghiệt về các tiêu chí.

Trong tín ngưỡng - tôn giáo: Đạo Hiếu Việt Nam thể hiện tính dung hòa sâu sắc với niềm tin tâm linh vốn rất phong phú ở Việt Nam. Đạo Hiếu là nền tảng của tín ngưỡng thờ tổ tiên, xa hơn là thờ tổ mẫu, quốc tổ. Từng có nhận định rằng tín ngưỡng thờ tổ tiên ở Việt Nam sâu sắc hơn, với tư duy người Việt Nam tôn thờ tổ tiên ngoài mục đích thể hiện chữ Hiếu còn gửi gắm niềm mong mỏi hay ước vọng may mắn của mình.

#### **1.3.2. Đạo Hiếu qua ca dao, tục ngữ ở Việt Nam**

Ở nước ta hai dòng văn học dân gian và trí thức đều nhiệt tình ca ngợi Hiếu đức. Người mẹ đã nuôi dưỡng ấp ủ con từ đầu nguồn cuộc sống bằng cả tinh thần và thể chất của mình với sự chia sẻ trách nhiệm ân cần, dạy dỗ của người cha.

Người mẹ đã chuyển sang cho con dòng sữa ngọt ngào với tình yêu thương: Đã bón cháo mớm cơm cho con với tình cảm triu mến, âu yếm, nâng đỡ, đã dìu dắt con từng bước đi cho đến khi khôn lớn. Hầu như toàn bộ hành trang vào đời của người con là thuộc về Cha mẹ. Tình sâu nghĩa nặng ấy đã được nhân dân ta cảm kích sâu xa và đã hát thành lời ca dao của truyền thống dân tộc:

*Công cha nghĩa mẹ cao vời  
Nhọc nhằn chẳng quản suốt đời vì ta  
Nên người ta phải sót xa  
Đáp đền nghĩa nặng như là trời cao*

Đó là gia tài mà Cha mẹ đã trao cho người con từ đầu cuộc sống, ý thức về các mối liên hệ tình người đều nảy mầm từ tình mẫu tử và phụ tử. Các ý thức về trách nhiệm, bổn phận lương tâm, vị tha và công bằng hẳn là được đánh thức dậy từ thái độ biết ơn, đáp đền các ân nghĩa của cuộc sống mà sự khởi đầu là đáp đền ân nghĩa của Cha Mẹ. Một mai khi Cha Mẹ khuất núi người con mới thấy được sự mất mát lớn lao đến nhường nào, không gì có thể bù đắp được. Bởi vậy còn Cha Mẹ là hạnh phúc, mất Cha Mẹ là bất hạnh.

*Còn cha còn mẹ thì hơn  
Không cha không mẹ như đàn đứt dây*

Cái khổ đau của người con khi không còn Cha Mẹ là biểu hiện một tấm lòng hiểu biết, tấm lòng biết ơn công lao của Cha Mẹ. Như thế một phần nào thể hiện Hiếu đạo, mặc dù chưa báo được ân nhưng đã tri ân. Bởi vậy, nhân dân Việt Nam xem việc hiếu thảo có giá trị ngang bằng với tu tập giải thoát, đem lại hạnh phúc cho bản thân.

*Tu đâu cho bằng tu nhà  
Thờ cha kính mẹ ấy là chân tu*

Ngược lại sự hiếu thảo đó thì lại có những kẻ Cha Mẹ đang còn sống nhưng vì mê muội, vì ngông cuồng, vì danh lợi, vì miếng cơm manh áo của cuộc sống mà khiến họ trở thành người con bất hiếu, hạng người này dân tộc Việt Nam vô cùng lên án và coi rẻ.

*Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng*

*Con nuôi Cha Mẹ tinh thánh tinh ngày*

Bởi vậy! Việc phụng dưỡng Cha Mẹ là việc làm của người con hiếu. Người con hiếu được mọi người xem là hơn cả. Việc làm hiếu để tiếng thơm lưu truyền mãi về sau. Việc làm hiếu kính biểu hiện cái tâm. Cái tâm hiếu không phải chỉ đóng khung ở trách nhiệm phụng dưỡng Cha Mẹ mà thôi đâu.

Nguyễn Du - Đại thi hào dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XVIII quan niệm:

*“Sao cho cốt nhục vẹn tuyền*

*Trong khi ngộ bến cùng thuyền biết sao*

*Duyên hội ngộ đức cù lao*

*Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn*

*Để lời thề hải minh sơn*

*Làm con trước phải đền ơn sinh thành”* [4, tr. 667].

Nguyễn Du đã khẳng định: Hiếu là có tình, Hiếu là trinh, vì Kiều đã là người trọn nết “Hiếu”. Đúng thế, Hiếu là tâm lòng hy sinh tất cả những gì mình có. Vì Hiếu người ta có thể “dời non lấp bể” có thể hy sinh tính mạng để đổi lấy chữ hiếu.

Ân đức Cha Mẹ lớn thế đấy, lòng Cha Mẹ thương con như Bồ Tát thương chúng sinh. Phàm làm con phải làm như thế nào để đền đáp được một trong muôn phần công ơn đó. Vì vậy, muốn làm người tốt trong xã hội trước hết chúng ta phải là người con hiếu thảo với Cha Mẹ. Đây chính là bước đầu để xây dựng một gia đình tốt đẹp, xã hội văn minh, quốc gia cường thịnh. Trong Kinh Phật đều xác định rằng: Người nào hiếu với Cha Mẹ, anh em huyết thống thì người đó chắc chắn có tình thương trong nhiều mối quan hệ xã hội, sẽ hiếu nghĩa trong tình thầy trò, trong quan hệ đồng bào và quê hương đất nước.

Nói chung tinh thần hiếu đạo và quan niệm về chữ Hiếu của người Việt Nam rất thiết thực, rất đạo đức... Được kết tinh của hai nền đạo đức tiêu biểu là Nho giáo và Phật giáo.

Hiếu ở đây chính là thương kính Cha Mẹ, yêu dân tộc và yêu tổ quốc “*Trung với nước, Hiếu với dân*”. Như vậy so với chủ trương của Nho giáo thì chỉ đề cao

chữ Hiếu trong phạm vi gia đình mà thôi, thì cũng đã tiến bộ lắm rồi, giờ đây chúng ta đi vào tìm hiểu chữ hiếu của Phật giáo xem có gì khác so với chữ Hiếu của Nho giáo và người Việt Nam hay không.

### **Tiểu kết chương 1**

Qua việc nghiên cứu về chữ Hiếu và một số quan niệm về chữ Hiếu, chúng ta phần nào hiểu thêm được đạo đức và luân lý xã hội nói chung và nguồn gốc ra đời của Nho giáo, hệ tư tưởng của nó và ảnh hưởng của nó đến xã hội và người dân ta, đồng thời hiểu thêm về lịch sử nước ta. Đặc trưng này cho chúng ta thấy rõ vấn đề có ý nghĩa quan trọng, đó là vấn đề xây dựng hình thành nhân cách và tư duy con người Việt Nam trong tương lai với sự hỗ trợ của những giá trị đạo đức nhân văn. Thông qua đó giúp con người tự suy ngẫm về bản thân, cân nhắc các hành động của mình để không gây ra đau khổ bất hạnh cho người khác. Nó giúp con người sống thân ái, yêu thương nhau, xã hội yên bình. Như ta đã biết Việt Nam hiện nay đang trong giai đoạn chuyển sang kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa thì những tư tưởng bảo thủ sẽ là những cản trở không nhỏ cho quá trình chuyển đổi ấy. Mặt khác, Việt Nam hiện nay đang cất giữ thể ổn định của xã hội, chúng ta cần nhìn nhận các vấn đề đó từ nhiều nguồn thông tin, để nghiên cứu vận dụng vào thực tế cho phù hợp với điều kiện có của nước ta trong điều kiện hiện nay. Vì vậy, nghiên cứu chữ Hiếu trong điều kiện hiện nay còn một nhiệm vụ cấp bách và có ý nghĩa thực tiễn vô cùng to lớn.

## Chương 2

# CHỮ HIẾU THEO QUAN NIỆM CỦA PHẬT GIÁO VÀ BIỂU HIỆN CỦA NÓ

### 2.1. Khái quát về triết lý nhân sinh quan của Phật giáo

#### 2.1.1. Khái quát về Phật giáo

Phật giáo ra đời ở Ấn Độ, là một tôn giáo lớn trên thế giới với hệ thống giáo lý đồ sộ đã ảnh hưởng trên phạm vi toàn thế giới. Phật giáo đã chỉ ra sự tồn tại của con người là đau khổ (Khổ đế), chỉ rõ nguyên nhân của đau khổ (Tập đế), đưa ra khả năng khắc phục sự đau khổ (Diệt đế) và đưa ra con đường thoát khỏi đau khổ (Đạo đế). Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ II SCN, trải qua bốn giai đoạn chính, đó là: Đầu công nguyên đến thời Bắc thuộc, hình thành và phát triển; Thời nhà Lý, Trần phát triển cực thịnh; Đầu thế kỷ XX đến nay, diễn ra phong trào phục hưng.

Tuy trải qua biến cố thăng trầm cùng lịch sử dân tộc như vậy nhưng vai trò của Phật giáo vẫn không hề thay đổi mà ngày càng có những ảnh hưởng mạnh mẽ trong đời sống tinh thần của người dân nước ta. Biểu hiện trong đời sống chính trị và pháp luật; Trong văn học, ca dao dân ca; Trong quan niệm đạo lý, tư tưởng; Trong phong tục, tập quán, tín ngưỡng; Trong ý thức thẩm mỹ, nghệ thuật; Trong văn hóa;... Nhất là trong xu thế mở cửa hội nhập ngày nay, bên cạnh sự phát triển của kinh tế-chính trị-xã hội là mặt trái với xu hướng suy thoái đạo đức nhân cách con người, chính những tư tưởng tích cực trong triết lý nhân sinh của Phật giáo sẽ góp phần điều chỉnh hành vi và nhân cách con người Việt Nam trong thời đại mới. Phật giáo là một trong những học thuyết triết học - tôn giáo lớn nhất trên thế giới và đã tồn tại rất lâu đời với hệ thống giáo lý rất đồ sộ, được du nhập vào nước ta.

Ngoài những thành tựu đã đạt được về mặt kinh tế - văn hóa - xã hội là mặt trái của nền kinh tế thị trường. Nó đã làm nảy sinh nhiều tiêu cực gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến các mặt của đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu về triết lý nhân sinh Phật giáo cùng với quá trình du nhập, tồn tại, phát triển của nó

tại Việt Nam sẽ làm nổi bật được những ảnh hưởng đến đời sống tinh thần nơi người dân nước ta.

Phật giáo ra đời trong điều kiện kinh tế-chính trị-xã hội, tiền đề nhận thức tư tưởng Ấn Độ rất phức tạp. Khoảng thế kỷ VI-TCN đã xuất hiện nhà nước chiếm hữu nô lệ với chế độ phân chia giai cấp. Xã hội Ấn Độ thời bấy giờ chia làm bốn giai cấp: Giai cấp Bà la môn (Brhmanes); Sát-đế-ly (Kastryas); Phệ-xá (Vaisyas); Thủ-đà-la (Suddra); Và 4 trào lưu tư tưởng là: Bà-la-môn giáo chính thống; Trào lưu tín ngưỡng tập tục; Trào lưu triết học; Trào lưu phản Phệ-đà.

Người sáng lập ra đạo Phật là Đức Thích Ca Mâu Ni - “Đấng giác ngộ, toàn trí, toàn năng”, tên Ngài là Gauthanma Shiddartha, sinh 8/4/623 TCN, trước chúa giáng sinh 544 năm tại Kapilavatsu. Theo Phật giáo Bắc truyền, năm 29 tuổi xuất gia, theo Phật giáo Nam truyền năm 19 tuổi xuất gia, 5 năm tầm sư học đạo, 6 năm tu khổ hạnh chốn rừng già, 49 ngày đêm ngồi Thiền định dưới cội Bồ Đề, khi sao mai vừa rạng Ngài đã chứng quả vị giải thoát, ngài đã đi chu du khắp xứ thuyết pháp độ sinh, trải qua 49 năm hoằng hóa, năm 80 tuổi Ngài nhập Niết Bàn.

### ***2.1.2. Triết lý nhân sinh của Phật giáo***

Theo lý luận, triết lý nhân sinh của một học thuyết tư tưởng đều xuất phát từ thế giới quan, do thế giới quan chi phối. Mặt khác, với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, nhân sinh quan còn chịu sự chi phối của tồn tại xã hội và các tác động của các hình thái ý thức xã hội khác. Đây là vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận cho chúng ta khi tiếp cận và nghiên cứu nhân sinh quan Phật giáo.

Chúng ta có thể khái quát: nhân sinh quan Phật giáo là hệ thống quan điểm của Phật giáo về con người, đời sống của con người. Hệ thống quan điểm này chịu sự chi phối của thế giới quan, của tồn tại xã hội Ấn Độ cổ trung đại và bởi các ý thức xã hội khác. Trong phạm vi bài tiểu luận, tác giả sẽ phân tích làm rõ một số nội dung cơ bản của Phật giáo về nhân sinh quan trong đó tập trung phân tích, làm sáng tỏ quan điểm của Phật giáo về con người, đời sống con người.

### *Trước hết, quan điểm của Phật giáo về con người*

Trái với quan điểm của kinh Vệ đa, Upanisad, đạo Bàlamôn và các phái triết học đương thời thừa nhận sự tồn tại của một thực thể siêu nhiên tối cao, sáng tạo và chi phối vũ trụ. Phật giáo cho rằng con người không phải do thượng đế hay một đấng thiêng liêng nào sinh ra. Con người là một pháp đặc biệt của thế giới vạn pháp thể hiện trong thuyết danh sắc và thuyết Lục đại.

Thuyết Danh sắc cho rằng, con người được cấu tạo từ hai yếu tố vật chất và tinh thần. Thuyết Lục đại, con người được cấu tạo từ sáu yếu tố bao gồm: Địa (nghĩa là đất, xương thịt); Thủy (nước, máu, chất lỏng); Hoả (lửa, nhiệt khí); Phong (gió, hô hấp); Không (các lỗ trống trong cơ thể); Thức (ý thức tinh thần). Trong 6 yếu tố này thì 5 yếu đầu thuộc về vật chất, chỉ có một yếu tố cuối cùng thuộc về tinh thần. So với thuyết Danh sắc thì thuyết Lục đại xét cấu tạo con người nghiêng nặng về vật chất còn thuyết Danh sắc gần như có sự cân bằng, hài hoà giữa hai lĩnh vực vật chất và tinh thần. Trong khi đó, Thuyết Ngũ uẩn: xem con người được cấu tạo từ năm yếu tố: Sắc (vật chất bao gồm địa, thủy, hoả, phong); Thụ (tình cảm, cảm giác con người); Tưởng (tưởng tượng, tri giác, ký ức); Hành (ý thức, những yếu tố khiến tâm hoạt động); Thức (ý thức theo nghĩa rộng gồm cả thụ, tưởng, hành). Trong các thuyết về cấu tạo con người của Phật giáo, thì thuyết Ngũ uẩn là phổ biến hơn cả.

Con người gồm hai bộ phận: thể xác và linh hồn. Phần sinh lý - sắc uẩn là thân tướng, hình sắc được giới hạn trong không gian bằng xương, thịt, da được tạo thành từ bởi bốn yếu tố vật chất gọi là tứ đại: đất, nước, lửa, gió. Tứ đại tạo nên thân tướng, hình sắc của con người cụ thể là: đất tạo ra các phần cứng như xương, lông tóc, lục phủ, ngũ tạng; nước tạo ra chất lỏng như máu, mật, mồ hôi; lửa tạo nên thân nhiệt; gió tạo thành hơi thở, hơi khí trong cơ thể.

Phần tâm lí hay ý thức tinh thần gồm: thụ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn được biểu hiện bằng thất tình: ái (thương), ói (yêu), ó (ghét), hỷ (vui), nô (giận), lạc

(sống), dục (muôn). Phần tâm lí bao giờ cũng dựa vào phần sinh lí, hay nói cách khác không thể có tinh thần ý thức ngoài cơ thể vật chất.

Con người thực chất chỉ là giả hợp của ngũ uẩn, khi ngũ uẩn kết hợp lại gọi là sinh khi ngũ uẩn tan ra gọi là diệt. Do đó không có cái ta, hay cái ta cũng chỉ là giả tướng không có thật”, gọi là “nhân vô ngã” (nhân không). Con người được tạo thành từ Ngũ uẩn cho nên không có chủ thể thường tự tại. Con người là sản vật, tự nhiên không có hình thái cố định của tính vật chất nhưng vì đã ăn vật chất trên thế giới nên dần hình thành khối vật chất thô kệch có sự phân biệt tính cách, màu da.

Phật giáo không cho rằng con người sau khi chết là hết, Phật giáo giải thích con người sau khi chết bằng thuyết *Nhân quả, Nghiệp báo, Luân hồi*. Theo quan niệm của Phật giáo, xét đến cùng muôn vật trong vũ trụ là hệ thống nhân duyên của nhau, cứ thế sinh sinh, diệt diệt mãi nối tiếp nhau vô cùng tận; thế giới là vô thủy vô chung, không có cái gì là trường tồn bất biến. Mọi cái đều biến đổi vận động không ngừng, không có cái vĩnh hằng; mọi vật đều tuân theo quy luật sinh, trụ, di, diệt. Con người cũng thuộc về thế giới hiện tượng. Thân xác con người được đề cập trong thuyết Danh sắc, thuyết Lục đại, thuyết Ngũ uẩn của Phật giáo.

Khi một con người tồn tại tức là khi mang thân ngũ uẩn đều có ba hoạt động chính: hoạt động thông qua các hành vi, do hậu quả việc làm của ta, do hành động của thân thể ta gọi là “thân nghiệp”; còn những hậu quả do lời nói của ta, phát ngôn của ta thì được gọi là “khẩu nghiệp”; hay những cái do ý nghĩ của ta, do tâm tư của ta gây nên thì được gọi là “ý nghiệp”. Cả ba hoạt động về thân-khẩu-ý đều thuộc hai phạm trù thiện ác. Theo luật nhân quả, tất cả các hoạt động về thân-khẩu-ý, thiện ác đó sẽ tạo ra nghiệp lực để báo ứng về sau (gọi là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp), tức là gieo nhân, gieo nghiệp cho sự kết hợp ngũ uẩn mới. Một ngũ uẩn mới tập hợp tức là một con người mới được sinh ra, lại hoạt động, lại gieo nhân, gieo nghiệp chuẩn bị cho sự kết hợp của ngũ uẩn tiếp theo. Cứ như thế kéo con người vào vòng luân hồi sinh tử không ngừng không dứt từ đời này qua đời khác, kiếp này qua kiếp khác.

Phật giáo cho rằng con người ở kiếp này phải chịu quả báo về những việc làm của họ ở kiếp trước. Con người hiện tại là quả của con người quá khứ nhưng đồng thời là nhân của con người tương lai. Với thuyết nhân quả, nghiệp-nghiệp báo, Phật giáo cho rằng không có một hành vi thiện ác nào của con người, dù là nhỏ bé, dù được bung bít che đậy cũng không tránh khỏi quả báo về sau.

*Thứ hai, quan điểm Phật giáo về cuộc sống của con người*

Mục đích cuối cùng và tư tưởng chủ đạo có tính xuyên suốt trong toàn bộ học thuyết nhân sinh là tư tưởng giải thoát chúng sinh khỏi kiếp sống trầm luân đau khổ để đạt được sự giải thoát. Phật giáo bác bỏ Brahma và Atman, nhưng lại tiếp thu tư tưởng luân hồi Samsara và nghiệp Karma của Upanisad cho rằng, mọi vật mất đi ở chỗ này là để sinh ra ở chỗ khác, trong quá trình biểu hiện sinh tử theo nghiệp nhân quả luân hồi. Để đạt được sự giải thoát, Phật giáo nêu ra bốn chân lý tuyệt diệu, thiêng liêng mà mọi người phải thực hiện. Đó là tứ diệu đế: Khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

*Khổ đế* - triết lý nhân sinh Phật giáo cho rằng, bản chất cuộc đời con người là khổ. “Đời là bể khổ, đời là cả những chuỗi bi kịch liên tiếp, bốn phương đều là bể khổ, nước mắt chúng sinh nhiều hơn nước biển, vị mặn của máu và nước mắt chúng sinh mặn hơn nước biển”.

Có thể nói, quan niệm về “Khổ” để nói lên bản chất của triết lý nhân sinh trong học thuyết Phật giáo. Quan niệm này mang tính tiêu cực, yếm thế, coi đời chỉ là ảo hoá tạm bợ do vô minh, con người không nhận thức được điều đó, do đó cứ lặn lội mãi trong biển sinh tử, luân hồi. Cuộc đời con người đầy dẫy nhưng nỗi khổ, nhưng không ai nhìn thấy tường tận và rõ ràng. Tất cả nỗi khổ của con người được phản ánh trong lý thuyết: bát khổ bao gồm: Sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, sở cầu bất đắc, thủ ngũ uẩn khổ. Đây là sự cụ thể hoá, tỉ mỉ hơn về các nỗi khổ của chúng sinh ở trần thế.

*Sinh khổ*: Con người khi sinh ra đã cất tiếng khóc chào đời; trước đó còn ở trong bụng mẹ thì chật chội, tăm tối; người mẹ mang thai thì vất vả, mệt nhọc, kém

ăn, mất ngủ, chịu bao cái khác thường so với người khác. Và khi con người có mặt trên đời đã là khổ.

Lão khổ: Trong cuộc sống hàng ngày, con người muốn tồn tại được thì trước hết phải ăn, uống, mặc ở, sinh hoạt, đi lại ... Muốn vậy, con người phải lao động hết sức vất vả, cực nhọc, tất bật trong công việc. Đó là về mặt vật chất, còn những nỗi khổ về tinh thần dày vò con người cũng không kém nỗi khổ về vật chất, nó làm cho con người suy kiệt, ốm yếu, già nua ...

Bệnh khổ: Con người đến lúc tuổi cao, thân thể hao mòn già yếu các giác quan, hoạt động kém; mắt mờ, chân chậm, tai điếc... dễ sinh bệnh tật gây đau ốm cho người bệnh và người thân xung quanh.

Tử khổ: Đến một thời điểm nhất định con người phải chết, xa lìa trần thế để lại nỗi xót thương vô hạn cho người thân, bè bạn. Ai cũng vậy, sợ phải xa lìa người thân, bè bạn, bởi cuộc sống có biết bao điều thú vị. Đó là nỗi khổ của con người.

Ái biệt ly khổ: Nỗi khổ khi phải xa cách, chia ly người mình mến thương như vợ chồng, cha mẹ, anh em ... Nỗi khổ này bao gồm cả nỗi khổ sinh tử biệt ly: Sống phải xa nhau đã khổ, nhưng người ở lại người đi vào thế giới khác thì đó là nỗi khổ tình thương, tuyệt vọng biết nhường nào.

Oán tăng hộ khổ: Nỗi khổ vì sống cùng với người mà mình không hề yêu thích; ở chung những người như vậy giống như gai đâm vào mắt mà không làm gì được.

Sở cầu bất đắc khổ: Là những nỗi khổ do con người mong muốn, ước ao mà không đạt được, con người phải lao tâm, khổ tứ biết bao, mong có được ngày thành đạt; nếu điều đó không thành thì nỗi khổ ấy thật khủng khiếp dày vò, khiến con người tuyệt vọng...

Ngũ thụ uẩn khổ: Gây ra bởi sắc, thọ, tưởng, hành, thức làm cho thân tâm phải chịu hết thảy những nỗi khổ. Thích Ca nói với chúng sinh: Già là khổ, bệnh khổ, chết khổ, cái gì của ta mà phải xa rời là khổ, cái gì không ưa thích mà phải hợp là khổ, cái gì muốn mà không được là khổ.

Có thể nói, với học thuyết về “khổ đế” Phật giáo đã khái quát những nỗi khổ lớn nhất của đời người. Với lòng từ bi thương người của mình, Phật muốn chúng

sinh biết hết mọi nỗi khổ ở đời để khi gặp phải không làm cho tinh thần hoảng loạn, mà phải biết bình tĩnh suy xét tìm cách giải khổ, làm chủ được bản thân, vượt lên trên số phận. Điều này cho thấy, Phật giáo không hề trốn tránh cuộc sống trần gian, cũng như không tô hồng nó, mà đã dũng cảm nhìn vào hiện thực cuộc sống con người.

Cùng với việc chỉ ra nỗi khổ của con người, Phật giáo cũng chỉ ra nhưng nguyên nhân cơ bản, điều này thể hiện trong thuyết *Nhân đế* (hay còn gọi là tập đế). *Tập đế*, nói đến sự tập hợp, tích chứa những nguyên nhân đưa tới cái khổ. Phật giáo cho rằng, mọi cái khổ đều có nguyên nhân của nó đồng thời khái quát nên mười hai nguyên nhân của nỗi khổ (thập nhị nhân duyên).

Trong mười hai nguyên nhân, Phật cho rằng, vô minh và ái dục là hai nguyên nhân chủ yếu đưa đến đau khổ cho con người. Vô minh là không sáng suốt, không nhận thức được thế giới, không thấy mọi sự vật đều là ảo giả, mà cứ cho là thực; không nhận thức được ngay chính bản thân mình, cả thế giới khách quan lẫn bản thể chủ quan đều chỉ là vô thường vô ngã trong vòng luân hồi, trôi chảy bất tận, chính cái này dẫn đến lòng tham sống ở trong con người. Phật giáo nói đến đau khổ chủ yếu chỉ là tinh thần bức bách. Sự kết hợp giữa ái dục và vô minh xuất phát từ nguồn gốc của ba thứ mà Phật gọi là tam độc, đó là: Tham, sân, si.

Tham, là biểu hiện sự tham lam của con người, xúi dục con người hành động để thỏa mãn lòng tham của mình. Lòng tham của con người không có giới hạn, đây là nguyên nhân gây bao nỗi thống khổ cho con người như chém giết, xâm hại lẫn nhau.

Sân, là sự cáu gắt, bực tức, nóng giận khi con người không hài lòng về điều gì đó, làm cho con người không kiểm soát hết hành động của mình (giận quá mất khôn); như thế cũng đem lại những điều khổ đau, không hay cho con người. Sách Phật ghi rằng, một đốm lửa giận có thể đốt hết muôn mẫu rừng công đức và một niệm sân hận nổi lên, thì trăm ngàn, cửa nghiệp chương mở.

Si, là sự si mê, lú lẫn, làm cho con người không phân biệt điều hay dở; điều đó gây bao tội lỗi, đau khổ cho mọi người. Nếu tham, sân nổi lên mà có trí sáng suốt sẽ ngăn chặn được tham, sân.

Bên cạnh vô minh và ái dục, Phật giáo còn chỉ ra 10 nguyên nhân khác đó là:

*Duyên hành*: là hành động có ý thức; ở đây đã có sự dao động của tâm, có mầm mống của nghiệp.

*Duyên thức*: tâm thức từ chỗ cân bằng trong sáng đến dần mất cân bằng, tùy theo nghiệp mà tâm thức tìm đến các nhân duyên để hình thành cuộc đời khác.

*Duyên danh sắc*: là sự tụ hợp của các yếu tố vật chất tinh thần; với các loài hữu tình thì sự hội nhập của danh sắc sinh ra các cơ quan cảm giác, tầm sức, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

*Duyên lục nhập*: quá trình tiếp xúc với thế giới khách quan, lục căn tiếp xúc với lục trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

*Duyên xúc*: là sự tiếp xúc phối hợp giữa lục căn, lục trần và thức xúc, là quả của lục nhập, là nguyên nhân của thụ.

*Duyên thụ*: là cảm giác do tiếp xúc với thế giới bên ngoài mà sinh ra yêu, ghét, buồn, vui.

*Duyên ái*: là yêu nảy sinh dục vọng, mong muốn.

*Duyên thủ*: tiến tới xác định chủ thể chiếm hữu (cái ta); từ đây chứng tỏ có nguyên nhân chứa đựng nguyên nhân.

*Duyên sinh*: đã có tạo nghiệp là nhân tất yếu sẽ sinh ra quả; là hiện hữu là tu sinh ra ở thế giới để làm người, hay súc sinh.

*Duyên lão tử*: đã có sinh tất yếu có già và có chết. Sinh - lão - bệnh - tử là kết thúc một chu kỳ, đồng thời là nguyên nhân của một chu kỳ tiếp theo, bắt đầu một vòng luân hồi mới. Cứ như thế tiếp diễn ở trong vòng đau khổ sinh tử.

Mười hai nhân duyên có quan hệ mật thiết với nhau, cái này làm nhân, làm duyên cho cái kia, cái này là quả của cái trước, đồng thời làm nhân cho cái kia.

Cùng với việc khẳng định cuộc đời là bể khổ, việc xác định thập nhị nhân duyên dẫn đến khổ, Phật giáo khẳng định nỗi khổ có thể tiêu diệt được, có thể chấm dứt khỏi vòng luân hồi với tư tưởng về *Diệt đế*. Phật giáo khuyên chúng sinh phải tu dưỡng thân tâm, đoạn trừ “vô minh”, để cho Phật tính bừng sáng, nó sẽ là ngọn đèn pha dẫn bước chúng sinh đến cõi niết bàn. Diệt đế nói lên thế giới của sự giải thoát, thế giới không còn khổ đau.

Về con đường giải thoát bể khổ của Phật giáo thông qua thuyết *Đạo đế* tập trung trong tư tưởng về *bát chính đạo* thực chất là diệt trừ vô minh. Đây là con đường tương đối phổ biến, là môn pháp chính được đề cập đến nhiều nhất đến nỗi có người lầm tưởng đạo đế và bát chính đạo là một.

Chính kiến: là sự hiểu biết đúng đắn, nhận thức rõ về tứ diệu đế, hiểu đúng sự vật khách quan. Người ta có chính kiến sẽ biết phân biệt đúng sai, chi phối mọi hành động, tâm trí sáng suốt.

Chính tư duy: sự suy nghĩ phán xét đúng với lẽ phải. Người tu hành theo chính tư duy biết suy xét vô minh là nguyên nhân của khổ đau, tìm ra phương pháp tu luyện để thoát khổ cho mình và mọi người; đó là diệt trừ vô minh, tam độc.

Chính ngữ: Lời nói ngay thẳng, là đưa chính tư duy vào thực hành trong lời nói cụ thể; không nói dối, không tạo ra sự bất hoà giữa mọi người, không nói lời ác dữ, không thừa lời vô ích. Người tu hành trước khi nói năng phải suy nghĩ tới người nghe, nói lời đoàn kết dịu hiền.

Chính nghiệp: Đức Phật dạy chúng sinh rằng: Nếu là tà nghiệp như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, thì phải cải tạo, cải tà quy chính, làm điều thiện tránh điều ác. Còn nếu là chính nghiệp việc làm hợp với lẽ phải, có ích cho mọi người thì phải giữ gìn. Trong chính nghiệp lại có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Thân nghiệp là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm; ý nghiệp là không tham dục, không nóng giận, không tà kiến.

Chính mệnh: Lối sống trong sạch, lương thiện, ngay thẳng của con người; không tham lam gian ác, ăn bám kẻ khác, không gian dối bất chính; sống chân

chính bằng nghề nghiệp chính đáng. Có thể nói đây là phong cách sinh hoạt lành mạnh giúp cho con người luôn thoải mái nhẹ nhàng.

Chính tinh tiến: Phật dạy con người cố gắng làm điều thiện, tránh điều ác; không quên lý tưởng tu đạo, luôn cảnh giác tỉnh táo trong từng việc làm; phải chủ động tích cực trong việc tìm kiếm, truyền bá chân lý của Phật.

Chính niệm: Trong đầu óc con người luôn có ý niệm trong sạch ngay thẳng, ghi nhớ những đạo lý chân chính, điều hay lẽ phải ở đời, chăm lo thường xuyên niệm Phật.

Chính định: Sự tập trung tư tưởng vào một việc chính đáng, đúng chân lý, tĩnh lặng suy tư về tứ diệu đế của vô ngã vô thường về nỗi khổ của con người, là cơ sở cho chính kiến, chính tư duy ở trình độ cao.

Với việc tập trung theo bát chính đạo con người sẽ tự ý thức, sửa mình từ bỏ mọi tội lỗi, tu thân tích đức như thế con người sẽ đạt tới sự hoàn thiện. Đây có thể coi là cơ sở, động lực để tạo ra sự yên bình, hạnh phúc không những trong xã hội hiện tại mà cả xã hội tương lai, bởi nhân nào quả ấy. Một lần nữa cho thấy, những giá trị nhân sinh sâu sắc của Phật giáo được khẳng định. Đức Phật đã rung động trước nỗi khổ của chúng sinh. Từ đó mà đi tìm phương thuốc cứu giúp cho chúng sinh, tìm ra lối đi của sự tự do tuyệt đích, của hạnh phúc yên bình chính là con đường diệt khổ.

Phật giáo lấy việc giải thoát đau khổ làm trọng tâm tư tưởng trong giáo lý của mình. Tinh thần triết lý nhân sinh mà Phật giáo đòi hỏi trách nhiệm về đạo đức làm người, không được làm ngơ trước nỗi khổ của người khác, phải toàn tâm toàn ý cứu khổ cho mọi người ... Đó cũng là yêu cầu đối với chính mình, mình có thực hiện tốt thì mới hy vọng thoát khổ. Phật giáo không lấy giáo lý làm trọng, mà chỉ coi đó là phương tiện để đạt đến chân lý cuối cùng. Cái cốt của nó là sự thực hành của mỗi cá nhân đạt đến sự giác ngộ, tu thành đạo quả, chứ không phải nghe giảng để hiểu đạo. Mặc dù vậy, nhân sinh quan Phật giáo vẫn thể hiện triết lý nhân sinh sâu sắc - đó cũng là giá trị lớn nhất trong triết học Phật giáo.

## **2.2. Quan niệm của Phật giáo về chữ Hiếu**

Chữ Hiếu ở đây người ta thường hiểu là việc làm của người con biết ơn và báo ơn đối với bậc sinh thành dưỡng dục của mình là Cha và Mẹ. Theo Thiệu Chử - Hán Việt từ điển, Hiếu có 2 nghĩa:

*Một là:* Hiếu thảo với cha mẹ, con thờ cha mẹ hết lòng gọi là Hiếu

*Hai là:* Đồ tang phục gọi là Hiếu

Trong Kinh Thi có câu: “Có Hiếu tức là có Phúc”

Theo Phật Quang đại từ điển: Hiếu là lòng kính yêu và biết ơn cha mẹ. Hiếu còn gọi là hiếu thuận, hiếu dưỡng.

Như vậy, Hiếu có nghĩa là: Nuôi dưỡng phụng sự cha mẹ một cách thuận thảo, vâng lời cha mẹ, làm theo những lời cha mẹ dạy. Đồng thời nên xem xét ý tứ của cha mẹ để làm người vui lòng. Trong cuộc sống, việc thờ cúng và những việc làm thể hiện sự tôn kính đối với tổ tiên cũng được gọi là Hiếu.

Hơn nữa, Hiếu chỉ cho tang phục, người đang có tang mẹ hay cha khi qua đời, người con có hiếu trong ba năm phải mặc áo vải thô hay vải gai, những việc trang điểm đều bỏ cả... Đó chính là biểu hiện lòng thương tưởng đến cha mẹ mình. Điều này thể hiện tinh thần tri ân của người con hiếu thảo sống có đạo.

*Theo quan niệm xuất thế gian:* Hiếu là hướng dẫn Cha mẹ sống đời đạo đức, thực hành bổ thí, xa lánh con đường tham - sân - si để hướng đến ánh sáng trí tuệ giải thoát. Phật dạy “Hiếu xuất thế gian là cắt ái từ thân, thâm nhập vào vô vi chi lý, thượng thù vãng cực chi ân, hạ tế tam đồ chi khổ”. Nghĩa là Hiếu hạnh của người xuất gia là cắt đứt tình thương trong lục thân quyến thuộc, xa lìa cha mẹ đi sâu vào lý vô vi, trên đền bốn ân, dưới cứu giúp ba đường.

Trong các kinh điển đều nêu rõ bốn phận làm con phải biết hiếu dưỡng, hiếu hạnh, hiếu tâm và hiếu đạo với Cha mẹ.

*Hiếu dưỡng:* Là cung phụng món ăn, vật lạ cho Cha mẹ, khi cha mẹ ốm phải lo thuốc thang đầy đủ.

*Hiếu hạnh:* Là ta luôn giữ mình trong mọi hành động đừng để mọi người chê bai ta là con người xấu làm ảnh hưởng đến Cha mẹ.

*Hiếu đạo*: Là hướng dẫn Cha mẹ sống đời thánh thiện, an trú trong chính Pháp và biết quy y Tam Bảo.

Bậc cổ đức có dạy: “*Phụ mẫu đắc ly trần, hiếu đạo phương thành tựu*” nghĩa là cha mẹ được giải thoát lìa khỏi trần ai thì người con mới tròn hiếu đạo. Ở nước ta, văn hiến nước nhà có tới bốn ngàn năm lịch sử, với bao nhiêu thăng trầm và có sự tiếp biến văn hóa từ nhiều nền văn hóa khác trong khu vực và trên thế giới; đặc biệt là sự ảnh hưởng từ văn hóa Nho giáo phương Bắc.

Phật giáo cùng với hai nghìn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam - một dân tộc với tinh thần yêu nước sâu sắc đã nghiêm nhiên chấp nhận truyền thống Hiếu đạo của Phật giáo. Phật giáo Việt Nam lấy ngày 15 tháng 7 âm lịch hàng năm làm ngày báo đền ân đức Cha Mẹ. Thực tế tinh thần hiếu đạo ngày của Phật giáo không chỉ đơn thuần là chỉ có một ngày Vu Lan, mà tinh thần đó hầu như được đề cập trong toàn bộ hệ thống giáo lý đạo đức của Phật giáo.

Thật vậy, không có một nền văn hóa nào không đề cập và đề cao chữ “Hiếu”, chỉ có ít nhiều, cao thấp khác nhau. Ở phương Tây có “Ngày nhớ ơn mẹ” (Mother’s day) là ngày chủ nhật lần thứ hai của tháng 5 và “Ngày nhớ ơn cha” (Father’s day) nhằm ngày chủ nhật thứ ba của tháng 6. Ở Việt Nam ta ngày nhớ ơn Cha Mẹ của dân tộc được xem là ngày nhớ ơn Cha Mẹ của Phật giáo tức là ngày Vu Lan.

*Truyền thống uống nước nhớ nguồn*: Đạo Phật là đạo của từ bi và trí tuệ, đó là đặc điểm căn bản của giáo lý Phật giáo. Lòng từ bi xuất phát từ tình thương trong mối quan hệ nghĩa nặng tình sâu của con cái đối với Cha Mẹ, lan dần ra xã hội và trải rộng ra mỗi con người chúng ta. Tình cảm thiêng liêng, sâu xa nhất là tình yêu thương Cha Mẹ, nó đã ăn sâu vào tâm tư của mỗi con người từ muôn đời.

Hòa thượng Thích Trí Quảng đã viết: Con người tồn tại trên cuộc đời đều có sự tương quan tương duyên với nhau gọi là lý nhân duyên, có ba mối tương quan.

*Một là*: “Mối quan hệ và huyết thống giữa ta với Cha Mẹ, ông bà, tổ tiên đã có vô thủy kiếp, tức không xác định được khởi điểm xuất phát nhưng chắc chắn giữa mỗi người với ông bà tổ tiên dòng họ của mình vẫn có sự liên hệ hỗ tương cho đến ngày nay. Đó là sự liên hệ về tâm thức được truyền nối liên tục từ đời sang đời

khác, gọi là nghiệp. Trong sắc thân hiện tại của ta, về tư duy hàm chứa tâm thức của ông bà, Cha Mẹ”.

*Hai là:* Mỗi quan hệ giữa con người với xã hội.

*Ba là:* “Mỗi quan hệ giữa con người với các bậc Bồ Tát” [5, tr. 4]

Như vậy, ý thức trách nhiệm của người con là cảm nhận được mỗi quan hệ và ân đức của hai đấng sinh thành dưỡng dục, Cha Mẹ đã trải qua bao nhiêu năm tháng đêm ngày lo lắng, vất vả để nuôi ta khôn lớn thành người. Suốt cuộc đời Cha Mẹ tận tụy hy sinh cho con, chăm bẵm, nuôi nấng, cung cấp các món cần dùng, dạy dỗ con cách sống ở đời, làm cho con vui, không bao giờ xao lãng, nhớ và thương con như bóng theo hình. Công ơn sâu dày ấy làm sao chúng ta quên được. Trong Kinh Thi đề cập: Cha sinh ra ta, Mẹ nuôi ta. Hỡi ơi! Cha Mẹ sinh ta cực nhọc, muốn đáp đền công ơn Cha Mẹ như với lên trời cao chẳng cùng.

*Cha sinh ta, Mẹ nuôi ta,  
Nhớ thương Cha Mẹ xót xa tấm lòng  
Thương con cực khổ ẵm bồng,  
Trời cao vời vợi khó mong đáp đền*

Khi nói đến mùa thu tức là nói đến mùa Vu Lan hay là “*Mùa Báo Hiếu*”, chúng ta đều liên tưởng đến hình ảnh Ngài Mục Kiền Liên, nguyện noi theo gương hiếu hạnh của Ngài để đền đáp công ơn Cha Mẹ. Đó là một truyền thống tốt đẹp, lâu đời của dân tộc Việt Nam, một dân tộc luôn nhớ đến công ơn sự nghiệp ngàn xưa của ông bà tổ tiên. Truyền thống từ nghìn xưa đó đã được trao truyền, giữ vững từ thế hệ này sang thế hệ khác cho đến ngày nay và mãi ngàn sau.

Nội dung được đề cập trong “Chữ Hiếu trong đạo Phật”. Vậy Hiếu là gì? Hiếu chính là sự biểu hiện đức tính cao thượng của con người trong hầu hết các nền văn hóa của nhân loại. Đó là thái độ sống bày tỏ sự biết ơn, nhớ ơn công đức sinh thành dưỡng dục đối với ông bà, Cha Mẹ hiện tại và trong vô lượng kiếp. Hiếu cũng chính là sợi dây thân ái nối kết giữa mọi người, gia đình, thân tộc và tình dân tộc. Kinh Phạm Võng đã nâng cao: “*Hiếu thuận là phép chí đạo cho nên lấy hiếu làm giới*”. Kinh Mạ Ý dạy: “*Giữ giới chính là để hiếu thuận báo ơn Cha Mẹ*” [45, tr. 37].

Như vậy, nói đến hiếu là nói đến sự đáp đền ân nghĩa là một cách nói. Thực sự, nếu cuộc sống và con người là thiêng liêng vô giá thì hiếu đạo cũng thế, là nghĩa sống cao đẹp, không phải chỉ là một mối tương quan xã hội có tính cách ước lệ như luật pháp ấn định. Do các nền văn hóa khác nhau nên quan niệm về chữ hiếu và hình thức báo hiếu cũng khác nhau.

Tác giả Nguyễn Thế Đăng quan niệm rằng: “*Hiếu là phong tục tốt đẹp, từ việc giới hạn trong một gia đình đã trở thành thái độ sống đối với con người và thế giới. Thực hành thái độ sống ấy, con người dần dần trở nên toàn diện và toàn thiện*” [24, tr. 32].

Trong Kinh có dạy: Hiếu là trên hết, hiếu là tất cả, là Mẹ của tất cả công đức lành, Mẹ của tất cả những phương pháp tu hành để thành Phật.

Chữ hiếu trong đạo Phật bao gồm: *Hiếu đạo* (Là hướng dẫn Cha Mẹ sống đời Thánh thiện, an trú trong chính pháp và biết quy y Tam Bảo, ăn chay, niệm Phật, làm lành, lánh dữ, giúp Cha Mẹ được giải thoát thì người con đó mới là hiếu đạo) - *Hiếu tâm* (tâm luôn luôn nhớ đến Cha Mẹ dù bất cứ ở nơi đâu) - *Hiếu dưỡng* (là cung phụng thực phẩm cho Cha Mẹ, khi Cha Mẹ bệnh đau phải thuốc thang đầy đủ) - *Hiếu hạnh* (Luôn giữ mình trong mọi hành động khi hầu hạ Cha Mẹ, hết lòng cung kính lễ phép. Khi nói chuyện với Cha Mẹ lựa lời mà nói cho phải đạo làm con, không được tỏ ra xem thường và bất hiếu với Cha Mẹ) v.v....

Hòa Thượng Thích Thanh Từ đã nói: “*Hiếu thảo là chất liệu thiết yếu trong xã hội Việt Nam, vì thế trong tinh thần dân tộc Việt Nam, ai cũng đặt chữ hiếu lên trên tất cả*” [55, tr. 41].

Hiếu được đặt thành Kinh, đủ thấy tính chất của hiếu vô cùng quan trọng, hiếu không còn hạn hẹp trong vấn đề “*tận tâm kính dưỡng Phụ Mẫu*”.

Hiếu đối với Cha Mẹ khi còn sống, cũng như lúc qua đời. Bỏn phận làm con phải cung kính như thế nào? Tức là hết lòng yêu kính và nuôi dưỡng Cha và Mẹ.

Theo tinh thần Phật giáo, hiếu thảo với Cha Mẹ hiện đời cũng như Cha Mẹ trong quá khứ, đúng nghĩa nhất là chúng ta phải biết kính trọng, vâng lời Cha Mẹ dạy, phụng dưỡng Cha Mẹ, sớm thăm tới viếng khi Cha Mẹ đau ốm. Nếu Cha Mẹ

chưa quay về với chính pháp, quan trọng nhất phải tìm cách hướng dẫn Cha Mẹ quy y Tam Bảo, trở thành người Phật tử chân chính.

Trong sách Đạo đức người xuất gia, tác giả Nguyên Hùng có viết: *“Muốn báo ân đức dưỡng dục cao dày của Cha Mẹ, việc nhỏ thì tận tâm tận lực phụng thờ Cha Mẹ, khá hơn một chút thì làm cho Cha Mẹ được vui, còn xa hơn nữa thì làm cho Cha Mẹ phát khởi tâm Bồ đề, hướng dẫn tâm thức của Cha Mẹ đi vào chính pháp”* [9, tr. 85 - 86].

Đức Phật tán thán công ơn Cha Mẹ, khuyên nhớ ơn và đền ơn

*Đối với ơn Cha:* Tính Cha thì nghiêm nghị, nên công Cha ví như núi cao sừng sững, non cao vời vợi, suốt đời vất vả vì con, chạy ngược chạy xuôi trên vạn nẻo đường đời. Người Cha thân thương tuy đã già nhưng mỗi buổi sáng vẫn đi vào các công xưởng, xí nghiệp, nhà máy, đồn điền hay các cơ quan v.v... làm việc bằng sức lao động của chính mình, đổ những giọt mồ hôi để đổi lấy bát cơm, tấm áo nuôi con. Cha đã không ngại nắng mưa, sương gió, chịu bao nỗi đau thương. Chỉ mong con khôn lớn và có ích cho đời.

Cha xem con là tinh hoa của mình, là sự kế thừa thiêng liêng, là tim máu mật thiết muôn đời. Vì vậy, cho dù cuộc đời có lắm chông gai thử thách, bao nhiêu mồ hôi nước mắt, bao nỗi đau thương, bao ngày tháng gian truân, Cha vẫn vững bước trên mọi nẻo đường để dìu dắt, chăm sóc con thành người hữu dụng, khôn ngoan, không thua chúng bạn, không hổ thẹn với đời.

Nếu như chúng ta bất hạnh sớm mất Mẹ thì Cha âm thầm lặng lẽ, đảm đương mọi việc để nuôi con. Cha ngồi yên lặng như một pho tượng mà nhìn vào di ảnh Mẹ, từng hơi thở ra vào, với đôi mắt đắm chiêu vào cõi xa xăm nào đó. Cha vừa làm Mẹ vừa làm Cha, như gà trống nuôi con, vất vả, lo toan mọi việc.

Người Cha già hằng ngày sớm hôm làm lụng vất vả, kiếm tiền nuôi con, chịu biết bao gian truân khổ nhọc. Dù cho Cha có ốm đau tiêu tụy thế nào đi nữa, Cha vẫn có một sức mạnh phi thường để chịu đựng những cam go thử thách trong cuộc đời để che chở cho con khôn lớn. Mỗi bước chân con đi, đều có sự theo dõi dìu dắt

của Cha. Cha là nơi nương tựa duy nhất, Cha là ánh sáng chói chang sưởi ấm lòng con khi băng giá. Cha là trời cao lồng lộng, Cha là điểm tựa, là bóng mát che chở cho con. Thiếu tình thương của Cha con khó lớn khôn được. Thế nên, Tiểu Viên đã diễn tả:

*Tài năng chân chất hiền lành  
Nghiêm thân tự lập thơm danh một thời  
Đơn sơ bình dị thế thôi  
Cha cho con cả khung trời nhớ thương*

Câu chuyện vua A Xà Thế cho chúng ta biết tình thương Vua cha Bình Sa Vương đối với A Xà Thế như thế nào? Vì một chút danh vọng cao hừng, nghe lời xúi giục của Đề Bà Đạt Đa mà ông chiếm đoạt ngôi Vua, giam Cha trong ngục tối, ra lệnh không ai được phép viếng thăm, ngoại trừ Mẹ là hoàng hậu Vi Đề Hy. Mỗi lần vào thăm chồng, bà giấu thức ăn trong túi, trong búi tóc mang cho chồng. Hơn thế nữa, nỗi đau đón trước khi vào thăm, bà phải tắm sạch sẽ, xoa vào thân thể bà một thứ đồ ăn làm bằng mật ong, đường và sữa để cho Vua dùng. Rủi thay, những việc làm thương tâm đó đều bị A Xà Thế phát hiện nên cấm hẳn Mẹ mình không được vào thăm vua Cha nhưng đến giờ sắp chết, Vua Bình Sa Vương vẫn thương con, nghĩ rằng con mình đã ăn năn hối hận nên cho thợ đến cạo tóc, đón mình về cung. Ngược lại người thợ cạo đến gọt gọt chân Vua, xát muối hơ dưới than nóng để kết liễu cuộc đời Vua Bình Sa Vương.

Cùng lúc ấy, tin vợ A Xà Thế hạ sinh một hoàng nam, nỗi vui mừng của ông không sao tả xiết. A Xà Thế lần đầu tiên cảm nhận được tình thương của một người Cha chớm nở trong lòng, như dòng máu trong người ông chảy rần rật qua từng khớp xương, tế bào. Ông vội chạy đi tìm gặp Mẹ và thưa rằng: “*Thưa Mẹ khi con còn nhỏ, Phụ hoàng có thương con không?*” Bà liền kể rằng: Lúc Mẹ mang thai con, bỗng thềm nứt vài giọt máu trong bàn tay của Cha con, mẹ không dám nói nên mỗi ngày một xanh xao tiêu tụy, sau cũng đành thú thật. Khi nghe như vậy, Cha con vui vẻ lấy dao rạch tay cho Mẹ nút máu. Các vị tiên tri bảo rằng con là kẻ sẽ hại Cha sau này. Có lần Mẹ đã định giết con ngay trong bụng nhưng Cha con biết nên không

cho. Rồi một hôm con có cái mụn nhọt trên đầu ngón tay, đau nhức khóc suốt đêm ngày. Cha con đang lâm triều nhưng nghe tiếng khóc của con không chịu nổi, chạy vào bồng con trong lòng. Cha đã không ngần ngại, ngậm ngón tay con trong miệng, nhẹ mút cho con đỡ đau. Lâu ngày mụn nhọt ấy bị bể, sợ lấy ngón tay ra con sẽ đau nên Cha con nuốt cả máu lẫn mủ vào bụng. Khi nghe qua câu chuyện, ông sực nhớ đến Cha và hô to: Các người đâu? Hãy lập tức thả người Cha yêu quý của ta ra. Nhưng không kịp nữa, vua Bình Sa Vương đã hóa ra người thiên cổ. A Xà Thế rất xúc động, đau đớn cùng tột vì ông là kẻ phạm trọng tội ngũ nghịch giết Cha.

*Cha là bóng cả ngã che con  
Là cả tình thương chẳng xói mòn  
Là cả cuộc đời vô biên quá  
Mang nặng tình Cha như nước non*

Tình thương của Cha luôn luôn giấu kín trong lòng và đôi khi tình thương ấy còn tiềm ẩn trong lời nói, cử chỉ hành động mỗi khi dạy con. Tình thương của Cha như cây đại thụ đứng giữa nắng mưa che chở, định hướng cho con bước vào cuộc đời. Huyền Lan đã cảm nhận về tình Cha ấy.

*Cha cho con một cuộc đời  
Mối tình sâu kín trong lời dạy khuyên  
Lòng Cha nghiêm nghị thiêng liêng  
Cho con lẽ sống giữa miền trần gian*

Tình cảm của người Cha ít biểu lộ ra bên ngoài bởi bản chất cứng rắn, nghiêm nghị, luôn sống bằng lý trí và trầm lặng, không phải như người Mẹ. Nếu vì hoàn cảnh nào đó, hay vì cuộc sống gia đình mà người con phải đi xa để tìm phương kế sinh nhai và mỗi lần đi xa về, người Mẹ vì thương và nhớ con lâu ngày, sẽ vội vã ôm chầm lấy con mà khóc nức nở. Nhưng người Cha không bộc lộ những tình cảm như vậy, chỉ đứng nhìn con thôi, không phải là không thương con, có người Cha nào mà không thương nhớ con mình, nhưng chỉ thương con trong âm thầm lặng lẽ, chỉ cảm nhận bằng ánh mắt, tâm hồn.

Chính vì thế, Mặc Phương Tử đã viết:

*Ngước nhìn lên ngọn non xanh  
Mắt Cha còn đọng long lanh sao trời  
Ngàn xưa ngọc vẫn không lời  
Mà sao vẫn đẹp sáng mười phương mây*

Nghĩa là viên ngọc thì không nói được lời nào nhưng nó vẫn tỏa sáng khắp nơi. Viên ngọc ở đây chỉ cho Cha chúng ta. Như đã nói, bản chất người Cha trầm lặng giống như nước nơi nào không sóng, nơi đó chính là chỗ sâu nhất.

Trong vũ trụ có lắm kỳ quan, nhưng tuyệt hảo nhất là trái tim người Mẹ. Một trong số những kỳ quan tuyệt hảo nhất của vũ trụ, bên cạnh trái tim người Mẹ còn có cả trái tim người Cha.

*Con có Cha như nhà có nóc  
Con không Cha như nòng nọc đứt đuôi*

Vì vậy, nếu mất Cha thì người con trong những ngày tháng ấy thật bất hạnh, đau thương, bơ vơ, lạc lõng. Khi đó mới cảm nghe trong tiềm thức hiện về những ân tình Cha.

*Đối với nghĩa Mẹ:* Khi nói đến tình Mẹ thì quả thật trên đời này không có thứ tình nào đậm đà thiêng liêng bằng thứ tình ấy, nó đã có trong ta từ thuở tượng hình, đến với ta qua hơi ấm thịt da, qua bàn tay triu mến, qua dòng sữa bổ dưỡng, qua giọng hát ngọt ngào, qua lời ru êm dịu của Mẹ.

Mẹ là biển cả trong đại dương vô cùng tận, con nhờ biển mà tình thương mở rộng đến muôn loài vạn vật. Dù con ở tận phương trời nào vẫn luôn luôn nhớ về quê mẹ. Mẹ là quê hương, mẹ là tình thương rộng lớn, người nào không có quê hương cũng như người đó không có mẹ, trở nên lạc lõng bơ vơ giữa chợ đời muôn ngả. Trong những tháng ngày thơ ấu hồn nhiên, mẹ sưởi ấm cho ta bằng tình thương vô bờ bến, nâng đỡ và tập cho ta những bước đi chập chững đầu tiên, công ơn ấy làm sao con quên được, luôn mãi in sâu trong tâm trí của người con hiếu hạnh.

Bởi vậy, trong nhân gian đã dùng rất nhiều biểu tượng tuy bình dị khiêm nhường nhưng rất cao quý để nói về Mẹ, lời hát ru của Mẹ lúc con còn thơ bé nồng

nàn, ngon ngọt như chuối ba hương, như xôi nếp mật, như đường mía lau. Trong Từ Quang Thi Tập, Chí Kiên đã viết:

*Mẹ già như chuối ba hương  
Như xôi nếp mật như đường mía lau  
Thơm tho thấm thía ngọt ngào  
Thiết tha sâu đậm không bao giờ nhòa*

Mẹ là suối nguồn yêu thương, là sông sâu biển rộng vô bờ bến, là trời cao thăm. Mẹ là tình yêu muôn thuở của cuộc đời con. Mẹ chính là hương vị ngọt ngào, là dòng suối bất tận của thể nhân, là khung trời đẹp nhất của tuổi thơ, người Mẹ chín tháng cưu mang nặng nhọc, bên ướt Mẹ nằm, bên ráo con lăn, lúc con ốm đau Mẹ hiền thức trắng năm canh, không chớp mắt để theo dõi từng hơi thở, canh từng giấc ngủ cho con, khi con khỏe mạnh Mẹ vui mừng khôn tả, con buồn thì Mẹ cũng buồn theo, lòng mẹ như cung đàn muôn điệu, lúc nào cũng rung lên theo nhịp điệu của con.

Từ khi con cất tiếng khóc chào đời được Mẹ nâng niu bồng ẵm thao thức suốt đêm, chăm sóc từng miếng ăn giấc ngủ, Mẹ đã nuôi dưỡng ấp ủ con bằng cả tinh thần và thể chất của mình, với sự chia sẻ trách nhiệm ân cần dạy bảo của người Cha, Mẹ đã truyền cho con những dòng sữa ngọt ngào với trọn tình yêu thương đã mớm com cho con, với tâm tư triu mến, cho con từng cử chỉ âu yếm, từng ánh mắt khích lệ, cho con những lời ru tình người, thấm vào tâm hồn trong trắng từ thuở con còn nằm trong nôi.

Trong kinh Mục Liên Sám Pháp, dịch giả Phúc Tuệ có ghi: “*Công ơn của Mẹ làm sao kể hết từ khi mang thai, sinh con ra bú mớm ẵm bồng, đêm ngày lo lắng săn sóc từng miếng ăn, nuôi nấng chúng ta từ lúc thơ bé đến khi thành người khôn ngoan, chịu đựng bao nhiêu cực nhọc*” [54, tr. 129].

Tình Mẹ thương con, không biết lấy gì để so sánh cho cân xứng. Từ khi con nhập thai trải qua chín tháng cưu mang, Mẹ đi đứng nằm ngồi cẩn thận, chịu trăm điều khổ sở, đến giờ sắp sinh con mà khó khăn Mẹ chỉ cầu mong cho đứa con của

Mẹ sắp sinh được hoàn hảo, đầy đủ lục căn. Nếu sinh con được bình an Mẹ vui sướng như người nghèo gặp được ngọc báu.

Người Mẹ tảo tần sớm hôm với bao sương gió, lam lũ chợ đời, đêm ngày vất vả, buôn tảo bán tần mong kiếm đồng tiền để nuôi con, cho dù chúng ta dùng văn tự và ngôn ngữ để diễn tả tình mẹ thế nào đi chăng nữa cũng không thể đủ được, thế nên thi sĩ Vũ Hoàng Chương cảm nhận được điều đó.

*Ngôn ngữ trần gian là túi rách  
Dựng sao đây hai tiếng Mẹ ơi!  
Văn tự là chiếc xe mòn cọc cạch  
Đường về quê Mẹ ngàn trùng xa xôi*

Thật vậy, ngôn ngữ không diễn tả và gói ghém được hai tiếng “Mẹ ơi”, mỗi khi chúng ta đau khổ lại trở về nương tựa Mẹ. Mẹ là người an ủi và làm giảm bớt nỗi đau buồn ấy. Còn văn tự chỉ giống như chiếc xe mòn quá cũ mà đường về quê Mẹ xa xôi ngàn trùng, khó có thể đếm được.

Thật là hạnh phúc biết bao khi chúng ta đang sống bên Mẹ. May mắn thay cho chúng ta khi còn Mẹ.

*Sung sướng nhỉ, những người còn Mẹ  
Còn Mẹ con còn cả đất trời*

### **2.2.1. Chữ Hiếu trong Kinh điển Phật giáo**

Đức Phật đặc biệt nhấn mạnh đến hiếu hạnh, lợi ích của hiếu hạnh và làm thế nào để báo đáp hiếu hạnh có hiệu quả cao và công đức lớn. Các kinh điển Phật giáo dạy về hiếu hạnh như sau:

Kinh Vu-lan-bồn nêu gương hiếu hạnh của đức Mục-kiền-liên, cứu thoát mẹ ra khỏi cảnh giới u minh, nhờ vào tập thể của Tăng đoàn và các vị A-la-hán.

Kinh Báo Ân Cha mẹ nói rõ công lao sinh thành, nuôi dưỡng khó khăn của Cha mẹ, và theo đó dạy cách báo đáp công ơn trời biển đó.

Còn nhiều kinh sách khác đề cập đến chữ hiếu ở góc độ này hay góc độ khác. Có thể nói, chữ hiếu bàn bạc khắp kinh điển Phật giáo. Khi đọc kinh Phật giáo là để trở thành người con hiếu thảo theo tinh thần lời Phật dạy, người con hiếu là người

có thể thành tựu nhiều hạnh lành khác, vì hiếu là nền tảng của muôn hạnh lành, là cơ sở của nhân thừa, là nhịp cầu giải thoát khỏi biển khổ sinh tử luân hồi.

*Biết ơn và đền ơn cha mẹ là hạnh hiếu đáng khen:* Trước nhất kinh điển Phật giáo khẳng định rằng người biết ơn và đền ơn Cha mẹ là một bậc chân nhân, là người sống gương mẫu ở đời. Một người con được gọi là con hiếu thảo phải là một con người như vậy: "*Đối với bậc chân nhân, thiện nhân, hai đặc tính này sẽ được biết đến, đó là biết ơn và đền ơn đúng pháp*" [11, tr. 157].

Làm con mà không biết ơn Cha mẹ hoặc biết ơn mà không lo đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ là người con bất hiếu. Người như vậy sẽ bị xã hội lên án, đời sống đạo đức sẽ bị suy giảm, và đời sống về sau sẽ bị đọa: "*Ai thành tựu thân làm ác với Cha mẹ, lời nói ác đối với Cha mẹ, ý nghĩ ác đối với Cha mẹ; không biết ơn, không trả ơn, sẽ tương xứng rơi vào địa ngục và hiện đời sẽ bị đau khổ*" [20, tr. 637].

Trong kinh Tương Ưng - Đức Phật cũng nói đến vị trí của người con hiếu thảo là vô song và hơn hết các loài động vật khác. Sự vô song này được Đức Phật sánh ví với sự vô song của Phật so với các loài hai chân:

*“Giữa các loài hai chân  
Chánh giác là tối thắng  
Trong các loài con cái  
Hiếu thuận là tối thắng”* [22, tr.8]

Cha mẹ phải vất vả nuôi nấng, dưỡng dục con, cho ăn học, lập gia thất, chạy thầy lo thuốc khi con đau ốm, chẳng quản tấm thân lao khổ. Những đoạn kinh dưới đây cho thấy công lao dưỡng dục của cha mẹ đối với con cái: Cha mẹ dạy điều lễ nghĩa, cho con ăn học, giới thiệu nghề nghiệp, đưa đón đi về, cần lao chăm chút, chẳng hề kể công: Trái nắng trở trời, tuần trăng cuối gió, bệnh nọ chứng kia, chạy thầy lo thuốc, một mình lo lắng, chạy ngược chạy xuôi, năm canh vò vố, bệnh con có khỏi, lòng mẹ mới yên, mong con khôn lớn, con thảo con hiền.

Mục Liên Sám Pháp cũng nêu ra tiêu chí giáo dục chính pháp cho con như sau: *“Khi con lớn khôn, hiểu biết việc đời, hướng đạo cho con, hoặc cho xuất gia, tu học đạo pháp, trở thành giải thoát. Ân đức như thế thật khó đáp đền”* [41, tr. 127].

Trong rất nhiều kinh Đức Phật luôn luôn giáo dục mọi người không nên chỉ vì lý do phụng dưỡng cha mẹ mà tác tạo các nghiệp phi pháp, bất chính, tổn hại mình và người. Đức Phật cũng thường nhắc đi nhắc lại rằng sự hiếu kính đúng nghĩa có giá trị, có an lạc phải là sự hiếu kính trên cơ sở của các hành vi và nghề nghiệp chân chính, phù hợp với luật pháp xã hội.

Như vậy, hiếu thảo trong đạo Phật không chỉ đơn thuần đáp ứng cho Cha mẹ đòi sống vật chất, tiền bạc, sự cung phụng và vâng lời. Hiếu trong Phật giáo được đặt vào trong mục tiêu hướng đến đời sống đạo đức và trí tuệ của Cha mẹ và bản thân. Hiếu như vậy thật sự là một thiện pháp, một sự giới thiệu, một sự tương duyên, một thiện tri thức để Cha mẹ và con cái cùng bước đi trên con đường chân thiện mỹ, an lạc và hạnh phúc trong chính pháp của Đức Phật. Như vậy, hiếu phải được thực hiện trong ánh sáng chân lý của Ngài trên nền tảng thánh đạo, trên cơ sở của đạo đức, thiên định và trí tuệ. Đây là cách trang bị cho Cha mẹ đầy đủ Giới - Định - Tuệ để cùng hướng đến giải thoát, giác ngộ.

Nói tóm lại, hiếu trong Kinh điển Phật giáo phải thể hiện trọn vẹn cả hai phương diện hiếu dưỡng vật chất và hiếu dưỡng tinh thần. Để hiếu dưỡng Cha mẹ về vật chất, người con phải cúc cung tận tụy nuôi nấng, chăm sóc, tôn kính Cha mẹ đúng pháp, phục vụ Cha mẹ bằng mồ hôi và tài sản có được từ nếp sống lành mạnh, chân chính, làm cho Cha mẹ sống an vui, thoải mái với những tình cảm tốt đẹp nhất. Để hiếu dưỡng Cha mẹ về phương diện tinh thần, người con trước hết phải tự trau dồi tốt bản thân mình, làm tất cả những gì tốt đẹp nhất, xa lánh những điều xấu xa, tội lỗi, đem tiếng thơm về cho gia đình, để cho Cha mẹ có thể tự hào và hãnh diện với mọi người. Kế đến nếu Cha mẹ chưa biết Tam bảo thì phải khéo léo hướng dẫn cha mẹ trở về quy y và sống dưới ánh sáng của chính pháp, trau dồi chính kiến, đức hạnh chân chính, làm hành trang cho một đời sống an lạc và hạnh phúc hiện tại và về sau. Nội dung hiếu dưỡng Cha mẹ về đời sống tinh thần chính là mục tiêu giáo

dục của Đức Phật. Đây chính là điểm vượt trội của Phật giáo so với ca dao Việt Nam cũng như chữ hiếu trong các tôn giáo và học thuyết khác từ trước đến giờ.

Chữ hiếu trong Phật giáo xây dựng chính yếu trên nền tảng lợi ích thiết thực hiện tại và lợi ích an lạc giải thoát. Chữ hiếu như vậy thật chất đã trở thành một phương tiện thể hiện hành "lợi hành và đồng sự" cùng Cha mẹ kết làm thiện tri thức, làm pháp lữ, trên con đường thực hành chính pháp của Đức Phật, tại đây và bây giờ. Hiếu như vậy đã trở thành một phương tiện của đạo đức và giải thoát cho mình và người.

### ***2.2.2. Lễ Vu lan của Phật giáo***

Nói đến mùa Vu Lan chính là nói đến truyền thống báo hiếu, phụng thờ Cha Mẹ, ông bà tổ tiên của con cái. Lễ hội Vu Lan báo hiếu sẽ đem lại một nếp sống hạnh phúc và an lạc cho mình, cho mọi người. Đây cũng chính là lễ hội hết sức có ý nghĩa, đầy giá trị văn hóa tình người.

Có thể nói lễ hội Vu Lan không chỉ dành riêng cho người nào theo Phật giáo mà còn là một lễ hội chung cho tất cả một dân tộc hướng về ngày báo ân. Lễ Vu Lan là dịp tốt để người Phật tử phát tâm cúng dàng Tam Bảo, làm việc nhận từ, phóng sinh loài vật, dạy chúng ta ý thức độ lượng bao dung, giúp đỡ người khác hướng dẫn đến con đường đạo đức trong tinh thần vô vị lợi.

Ngoài ra, lễ Vu Lan còn là dịp may cho những ai biết phát tâm lành, làm các việc công đức để hồi hướng cho tất cả vạn loại sinh linh đang chịu đau khổ dưới địa ngục. Trong đó có những thân nhân như ông bà, Cha Mẹ, vợ chồng, con cái chúng ta từ vô lượng kiếp đều được lãnh nhận phần công đức. Lễ hội Vu Lan ngày nay đã trở thành lễ hội báo hiếu của Phật giáo, đặc biệt đã trở thành lễ hội văn hóa dân tộc, nhân loại. Lễ hội Vu Lan có nhiều giá trị đạo đức cần được phát huy để cho sự sống của con người hôm nay và mãi mãi ngàn sau thật sự lợi ích an lạc trong chính pháp.

Kinh Vu Lan được xem như một bức thông điệp hiếu kính Cha Mẹ thì mùa Vu Lan Bồn là mùa tượng trưng của đạo hiếu trong nhà Phật. Chính vì vậy, mùa Vu Lan đã trở thành mùa báo ân, báo hiếu đối với người con Phật. Lễ hội Vu Lan là lễ hội của những người con hiếu thảo đối với công ơn trời biển của Cha Mẹ.

Hòa thượng Thích Thiện Siêu đã viết: “*Lễ Vu Lan là mùa báo hiếu của hàng Phật tử theo truyền thống Phật giáo. Chủ tâm của sự báo hiếu trong mùa Vu Lan này là cầu nguyện cho Cha Mẹ, tổ tiên, ân nhân của chúng ta với lời nguyện cầu cho cả Cha Mẹ hiện tại, Cha Mẹ nhiều đời và cứu huyền thất tổ*” [57, tr. 16].

Lễ hội Vu Lan Bồn viết tắt là lễ Vu Lan. Vì vậy, Vu Lan viết đầy đủ là Vu Lan Bồn mà người Trung Quốc dịch là Ullambana, “*Vu Lan Bồn, phiên âm theo tiếng Phạn là: “Giải đảo huyền”, nghĩa đen là cởi trói người bị treo ngược; nghĩa bóng là cứu vớt những kẻ đau khổ nặng nề như đang bị treo ngược*” [35, tr. 237].

*Mùa vu Lan nhắc nhở người con hiếu hạnh:* Trong cuộc sống hiện tại, có nhiều trường hợp con cái không làm tròn hiếu đạo với Cha Mẹ, đến khi Cha Mẹ chết rồi, làm đám tang thật lớn, giết hại bò, heo để cúng bái, mời xóm giềng ăn nhậu say sưa. Thật đúng với câu:

*Lúc sống thì chẳng cho ăn*

*Đến khi thác xuống làm văn tế ruồi*

Ngày chôn cất Cha Mẹ thì khóc lóc thảm thiết, kể lễ nhiều điều vô ích, rồi thêm bài điệu văn lâm ly bi đát tán thán công ơn trời biển của Cha Mẹ, để cho mọi người thấy mình là người con có hiếu.

Như vậy, theo quan điểm của Phật giáo, báo hiếu Cha Mẹ như thế nào cho đúng nghĩa? Trước hết, lòng hiếu thảo phải được thể hiện bằng lòng thương kính, biết ơn đến Cha Mẹ. Lòng thương kính và biết ơn này phải được thể hiện qua sự phụng dưỡng chăm sóc khi Cha Mẹ còn sống và sau khi Cha Mẹ qua đời, lòng hiếu thảo không bao giờ được thể hiện bằng hình thức cúng bái rườm rà. Người con hiếu thảo không khóc than, kể lễ thảm thiết, phải giữ tâm thanh tịnh, chí thành niệm Phật, nguyện cầu cho Cha Mẹ được vãng sinh cực lạc.

Không phải đợi mùa Vu Lan về chúng ta mới báo hiếu công ơn Cha Mẹ mà ngay trong cuộc sống hiện tại, với ý thức trách nhiệm, người con phải phụng dưỡng thật chu đáo, làm Cha Mẹ vui lòng và hướng dẫn Cha Mẹ quay về con đường đạo đức thiện lành. Đó là một nếp sống tương đối đầy đủ, có thể đền đáp được công ơn Cha Mẹ phần nào trong muôn một, để khi Cha Mẹ qua đời không còn tiếc nuối. Tất cả

chúng ta đang hiện diện trong cuộc đời, phải dành những giây phút để tưởng niệm về ân đức Cha Mẹ. Cho dù Cha Mẹ chúng ta còn hay mất phải biết nhớ ơn và đền ơn.

Ngày xưa, chúng ta biết bao lần làm khổ Mẹ Cha. Giờ đây, chúng ta hãy lạy Mẹ lạy Cha để tỏ lòng hối cải những sai lầm ấy. Chúng ta chắp hai tay lên trán, quỳ dưới chân Mẹ và Cha để tỏ lòng tôn kính, cầu xin Cha Mẹ tha thứ những lỗi lầm vụng dại của con.

*Xin Cha Mẹ nhận lạy lòng con hiếu  
Đã bao lần làm Cha khổ ngày xưa  
Đã bao lần làm Mẹ khóc như mưa  
Bao nhiêu lạy cũng chẳng vừa ơn ấy*

Người con hiếu thảo khi đã mất Cha Mẹ thì tình cảm thấm thiết đậm đà luôn mãi vẫn vương trong tâm trí. Sơn Cư đã thể hiện một tấm lòng hiếu đạo, đối với ân đức sâu dày của hai đấng sinh thành.

*Đây bát cơm đầy nặng ước mong  
Mẹ ơi! đây ngọc với đây lòng  
Đây tình còn đọng trong tha thiết  
Ơn nghĩa sinh thành chưa trả xong*

Ngày xưa, Thầy Tử Lộ đổi gạo mướn để nuôi Mẹ, đến lúc thi đỗ làm quan thì Mẹ không còn nữa nên than rằng: Thà ta đổi gạo mướn để nuôi Mẹ còn hơn nay ta được vinh hiển mà không còn Mẹ để phụng dưỡng.

Hiếu còn được xem như bổn phận không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày. Là người con Phật phải luôn luôn nhớ đến công ơn sâu dày của cha mẹ, bằng sự hiếu dưỡng vật chất và tinh thần. Vì “*nước biển mênh mông không đong đầy tình Mẹ*” và “*mây trời lồng lộng không phủ kín công Cha*”. Chúng ta phải có ý thức trách nhiệm làm tròn bổn phận của người con hiếu hạnh đối với công ơn Cha Mẹ trong đời sống hiện tại và tương lai.

Theo quan điểm Phật giáo, nếu người nào hiếu với Cha Mẹ, anh em huyết thống thì người đó chắc chắn có tình yêu thương trong nhiều mối quan hệ xã hội, đồng bào và quê hương đất nước. Chúng ta phải nhớ ơn đến nguồn cội tổ tiên, ông

bà, Cha Mẹ, nhất là nghĩa cử hiếu đạo được thể hiện qua ngày giỗ, cúng và lễ hội Vu Lan: Làm việc thiện lành đạo đức, tự thân nỗ lực tinh tấn, bố thí, cúng dàng, phát tâm ăn chay, phóng sinh v.v.

Nguyện đem công đức hồi hướng cho cửu huyền thất tổ, ông bà, Cha Mẹ quá vãng cùng thập loại chúng sinh đồng được siêu thoát, Cha Mẹ hiện tiền được nhiều phước lành, cầu nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc. Đó là ý nghĩa của việc hiếu hạnh, là tấm gương để con cháu noi theo.

Như Hòa Thượng Thích Trí Quảng đã viết: *“Phật giáo đã quan sát sự hiện hữu của con người và thấy được mối tương quan, tương duyên mật thiết của con người với truyền thống gia đình, với cộng đồng xã hội và thế giới siêu nhiên. Với sự thấy biết theo lý duyên sinh như thế, trong mùa Vu Lan báo hiếu, nhớ nghĩ đến công ơn của tổ tiên, ông bà, Cha Mẹ đã sinh ra mình, nuôi dưỡng, dạy dỗ mình. Chúng ta cầu nguyện cho tất cả người thân không còn hiện hữu được vãng sinh thế giới Phật. Ngoài ra chúng ta cũng cầu nguyện cho cộng đồng xã hội được tốt đẹp, vì đất nước có thịnh vượng, thanh bình thì chúng ta mới có thể sống an vui”* [48, tr. 7].

Mùa Vu Lan báo ân báo hiếu sẽ nhắc nhở những người con Phật nói riêng và tất cả mọi người nói chung. Hãy hiếu thảo phụng sự Cha Mẹ để làm tròn hiếu hạnh và tâm hạnh. Vì: *Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh Hiếu là hạnh Phật.*

Vậy chúng ta hãy kịp thời hiếu dưỡng Cha Mẹ lúc còn tại thế, để khỏi hối hận nôi tiếc khi Cha Mẹ qua đời như lời than thở của Thầy Tử Lộ. Ngoài việc phụng dưỡng Cha Mẹ còn phải khuyên Cha Mẹ bỏ ác làm lành và an trú đời sống Cha Mẹ vào chính pháp. Có như vậy, mới gọi là báo đáp thâm ân của Cha Mẹ được vẹn toàn cả hai mặt vật chất lẫn tinh thần trong hiện tại và tương lai, đúng đắn nhất theo quan điểm Phật giáo.

*Tóm lại:* Đức Phật đã dạy mô tả công ơn Cha Mẹ lớn lao như trời bể không có gì sánh bằng được. Công ơn Cha Mẹ nếu trong một đời này thôi thì cũng không bao giờ kể hết huống chi là công ơn từ vô lượng kiếp luân hồi trong sinh tử cho đến ngày nay. Vì vậy việc hiếu nghĩa đối với Cha Mẹ mình là việc làm cần thiết nhất, quan trọng nhất của con đường tự tu thân là việc làm đầu tiên và nấc thang đầu tiên

của con người học đạo muốn cầu giải thoát. Người đắc đạo được Thánh quả cũng là người đã thực hiện tròn đầy “Hiếu đạo” với Cha Mẹ mình, bởi vì “Hiếu kính phụ mẫu, hiếu danh vi giới...” Bởi vậy Đức Phật khuyên tất cả các hàng đệ tử, cũng như Ngài: “Hiếu đạo là việc làm không thể bỏ qua”. Vậy mỗi chúng ta muốn báo hiếu Cha Mẹ không gì hơn là học cách báo hiếu Cha Mẹ theo tinh thần Phật giáo.

### **2.3. Các biểu hiện cụ thể về ân Cha mẹ và giá trị đạo đức Phật giáo trong xã hội ngày nay**

#### **2.3.1. Ân Cha mẹ trong Phật giáo**

Như chúng ta đã biết, công ơn của Cha mẹ đối với con cái như trời cao, biển cả. Nếu đem sánh với tất cả ơn trong đời, không ơn nào bằng. Trọn kiếp, dù nát thân này cũng chưa đền đáp được. Phật dạy: "*Thiên Kinh vạn quyển hiếu nghĩa vi tiên*" Nghĩa là: "*Ngàn quyển Kinh vạn quyển sách đều lấy chữ hiếu làm đầu*" và "*Hiếu tâm tức Phật tâm, hiếu hạnh tức Phật hạnh*". Như vậy, bổn phận của người con đối với Cha mẹ như thế nào? Kinh Trường Bộ, tập II có ghi nhận như sau: "*Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại Cha mẹ, tôi sẽ làm bổn phận đối với Cha mẹ, tôi sẽ giữ gìn gia đình và truyền thống, tôi bảo vệ tài sản thừa tự, tôi sẽ làm tang lễ khi Cha mẹ qua đời*" [17, tr. 542].

*Thứ nhất: Những bổn phận báo hiếu của người con đối với Cha Mẹ*

Bổn phận làm con phải lo cho vẹn tròn chữ hiếu, trong Kinh Đỉnh lễ sáu phương (Trường Bộ I) gọi mối liên hệ giữa Cha Mẹ và con cái là mối liên hệ thiêng liêng đáng được tôn kính, đỉnh lễ. Người con có bổn phận đáp đền bằng những việc làm thiết thực như:

Vâng lời Cha Mẹ, giúp đỡ Cha Mẹ khi cần

Chăm chỉ học hành, siêng năng làm việc

Giữ gìn gia phong

Phụng dưỡng Cha Mẹ lúc tuổi già

Lo đám tang đúng phong tục khi Cha Mẹ mất

Khích lệ, giới thiệu đạo giải thoát chính kiến đến với Cha Mẹ...

Đây là công việc quan trọng hơn cả, đó là giúp Cha Mẹ hiểu đạo, có chính kiến, chính tín với Tam Bảo. Đức Phật dạy: Ta thấy người thế gian chưa được gọi là Hiếu. Chỉ có người nào làm được như vậy mới Hiếu. Đó là làm cho Cha Mẹ bỏ ác làm thiện, thụ trì ngũ giới, quy y Tam Bảo, hằng biết luật pháp của quốc gia, hằng đem phụng thờ thì người ấy mới báo được công ơn vô lượng sâu nặng của Cha Mẹ nuôi dưỡng ta nên người, thành người trung hiếu lưỡng toàn.

Trong Tăng Chi Bộ kinh Đức Phật đề cập đến bốn trách nhiệm của người con phải làm để hướng dẫn Cha Mẹ sống theo chính pháp đó là: *“Nếu Cha Mẹ không có niềm tin, thì khuyến khích Cha Mẹ phát tâm tin tưởng Tam Bảo; Nếu Cha Mẹ làm ác, khuyên Cha Mẹ về đường thiện; Nếu Cha Mẹ xan tham, khuyên Cha Mẹ phát tâm bố thí; Nếu Cha Mẹ theo tà kiến, khuyên Cha Mẹ theo chính kiến”* [18, tr.59].

Khi Cha Mẹ đã kính tin Tam Bảo và sống đúng chính pháp, thì những buồn phiền sẽ lắng yên, tâm hồn được nhẹ nhàng thanh thoi, vì Phật Pháp có khả năng rửa sạch trần lao nên Cha Mẹ sẽ nhận ra những việc cần thiết cho quãng đời còn lại. Có như vậy chúng ta mới mong trả được công ơn biển trời của Cha Mẹ.

Như vậy mỗi người con chúng ta dù xuất gia hay tại gia tập phúc đức và hồi hướng phúc đức cho Cha Mẹ việc làm Hiếu Hạnh chính đáng và cao cả hơn hết. Muốn cho Cha Mẹ mình theo chính kiến thì sự nỗ lực tu tập tự thân là việc làm không thể thiếu của người đệ tử Phật, vì phải làm như vậy thì Cha Mẹ mới có được đức tin Tam Bảo, tin nhân quả, hiểu biết về tội phúc. Nếu vì hiếu đạo mà làm những điều phi pháp do Cha Mẹ sai bảo thì đó là việc làm trái với chính đạo và Đức Phật hoàn toàn không chấp nhận.

Chính vì thế mà đạo Phật rất nhân bản đã để con người nắm đúng vị trí của mình. Chúng ta không thể có kết quả tốt trong khi hiếu thuận với Cha Mẹ nhưng mang tà kiến đối với việc vâng lời sai bảo, hoặc làm việc gì dù xuất phát từ tâm hiếu thuận mà làm các việc ác thì quả báo cũng không tránh khỏi, chúng ta không thể nhân danh chữ Hiếu để xóa sạch mọi hành vi bất thiện. Cho nên tâm hiếu thuận

ấy yêu cầu phải có trí tuệ, nếu không có trí tuệ thì những hành động đó sẽ không đem lại hạnh phúc cho Cha Mẹ cũng như cho mình trong hiện tại và vị lai.

Như vậy bốn phận báo hiếu của người con quan trọng nhất giới thiệu con đường giải thoát đến với Cha Mẹ, nếu không làm tròn bốn phận này thì bị Đức Phật xem là bất hiếu. Theo Phật giáo bất hiếu là việc làm cực ác, và ngược lại có hiếu tức là vua trong tất cả các việc thiện.

*Thứ hai: Phúc báo của người con có hiếu*

Kinh Hạnh Phúc - Nam tông ghi: “*Phụng dưỡng cha và mẹ là vận may tối thượng*” Chẳng những xem hiếu hạnh là quan trọng Đức Phật còn dạy Hiếu Hạnh là đức cao cả nhất của con người. Trong loài người, tối thắng nhất là người có hiếu. Và những gia đình có con cái hiếu thảo gia đình ấy được xem ngang bằng với Phạm Thiên.

Không những chỉ hiếu thảo với Cha Mẹ trong gia đình, mà còn phải hiếu thuận với tất cả những người xung quanh mình nữa. Báo hiếu không chỉ là một trách nhiệm mà còn chính là nghĩa sống tích cực cho một cuộc đời lành mạnh, Hiếu hạnh là việc làm hiệu quả nhất, thiết thực trong lộ trình tìm cầu hạnh phúc của loài người.

Kinh Đại tặc - Bắc truyền ghi: “*Gặp thời không có Phật khéo thờ Cha Mẹ chính là Phật*”.

Như thế phúc báu của việc phụng thờ Cha Mẹ được xem như tương đương với việc cúng dàng chư Phật, có kết quả vô cùng lớn lao, đó là người con hiếu, xem việc báo hiếu là việc may mắn hơn hết, không có một may mắn nào có thể lớn hơn nữa. Người nào muốn đạt đến cứu kính Phật đạo, người ấy phải tuyệt đối hiếu kính với Cha Mẹ.

*Tóm lại:* Việc báo hiếu không chỉ là hành vi tri ân và báo ân Cha Mẹ mà nó còn là mục tiêu nhằm đến ước nguyện lớn lao của tự thân cho mỗi chúng ta về phương diện thăng hoa cho cuộc đời tu tập của riêng mình. Từ đó không chỉ đem lại hạnh phúc cho Cha Mẹ cho riêng mình mà còn đem lại lợi ích cho bao nhiêu người xung quanh và rộng ra cho cả nhân loại.

*Thứ ba: Quả lành đối với người con có hiếu*

Nếu người con hiếu hạnh biết hiếu kính lễ Tam Bảo, tán thán chư Phật, tôn trọng Cha mẹ thì đồng nghĩa với việc làm thiện. Đoạn Kinh trong Mục Liên Sám Pháp có dạy: *"Lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, học theo pháp Phật, tùy thuận chúng sinh, khuyên người hiếu hạnh, phát tâm báo ân. Đó chính là thiện"* [54, tr. 65-66].

Trong Kinh Tương Ứng có đề cập một vị Thiên chủ Sakka khi còn làm người, vị này chấp trì và thực hành bảy giới cấm túc nên được làm chủ và bậc chân nhân của ba mươi ba cảnh trời *"thế nào là bảy? Cho đến trọn đời tôi không hiếu dưỡng Cha mẹ, kính trọng bậc gia trưởng, nói lời nhu hòa, không nói lời hai lưỡi, với tâm ly cấu uế và xan tham..."* [22, tr. 510].

Những người con nào tuyệt đối thể hiện sự hiếu kính đối với Cha mẹ sẽ chiêu cảm đến đất trời. Khi gặp các nạn dữ được Long Thần hộ pháp gia hộ thoát khỏi các nạn khổ. Trong Kinh Hạnh Phúc đã ghi: *"Người con trí hiếu dù gặp đại nạn như tai trời ách nước, hồng thủy, địa chấn sẽ được thoát hiểm một cách an toàn. Nếu giàu thì được trọn hưởng gia tài, không bị cảnh chường duyên... Nếu nghèo thì đời sống trong sạch, thanh nhàn, trời người yêu thương, danh thơm bay khắp, không nợ nần khổ sở, thiếu bệnh, thiếu tật... Trong hiện tại hằng được các bậc hiền trí ngợi khen, kết giao thần thiện, sau khi chết được sinh thiên"* [19, tr. 21].

*"Nếu có trai, gái theo Mẹ dạy*

*Hiếu thuận nhan sắc không dám trái.*

*Hết thầy tai nạn đều tiêu trừ*

*Chư Thiên ủng hộ thường an lạc"* [20, tr. 113].

Ơn Cha mẹ sánh với tất cả ơn trong đời chúng ta có ơn nào bằng? Nếu ơn ấy chúng ta còn quên thì các ơn khác sẽ quên đi. Ơn Cha mẹ to lớn như vậy, muốn đền đáp cũng không thể được.

Trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, Đức Thế Tôn có dạy: *"Lại nếu có người vai phải công Cha, vai trái công Mẹ đến ngàn vạn năm, lo y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men trị bệnh, dù Cha mẹ tiểu tiện ở trên vai, người ấy vẫn chẳng thể báo ân được. Tỷ Khiêu nên biết, Cha mẹ ân nặng, bông ăm, nuôi nấng, tùy lúc gìn giữ chẳng lỡ thời tiết như được thấy mặt trời, mặt trăng. Dùng phương tiện này,*

*biết ân này khó báo. Thế nên các Tỷ Khiêu cúng dàng Cha mẹ, thường nên hiếu thuận, chẳng bỏ lỡ thời tiết” [21, tr. 349].*

Với những ai có tâm kính trọng Tam Bảo, hiếu thảo với Cha mẹ sẽ được công đức và quả lành. Phẩm Thiện Trí Thức trong Kinh A Hàm Phật dạy: *“Có hai pháp dành cho người phàm phu, được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi. Đó là cúng dàng Cha và Mẹ” [21, tr. 21].*

Trong vô lượng kiếp, Đức Phật đã từng cúng dàng đến các bậc Sư trưởng, cha mẹ các loại hương hoa, các thứ dầu thơm và cung kính lễ bái nên được trang nghiêm thân tướng. Người nào biết hiếu kính Cha mẹ, do công đức đó sẽ được sinh trong dòng tộc cao quý. Thế Tôn đã dạy trong Kinh Tăng Nhất A Hàm như sau: *“Có hai pháp khiến người sinh trong nhà hào tộc. Thế nào là hai pháp? Cung kính Cha mẹ, anh em, thân thuộc, đẽm của cải nhà mình bố thí” [21, tr. 145].*

Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới có dạy: *“Hiếu thuận với Cha mẹ thời những điều ác về thế gian dứt, mà những điều lành về thế gian tăng trưởng. Hiếu thuận với Sư Tăng, Tam Bảo thời những điều ác của thế gian và xuất thế gian dứt diệt, những điều lành về thế gian và xuất thế gian phát sinh cho đến viên mãn thành tựu. Vì ý nghĩa ấy nên hiếu thuận là cốt tủy của Bồ Tát giới là trí đạo” [49, tr. 113].*

Như Kinh Hiền Ngu đã ghi: Ta trong nhiều kiếp quá khứ, nhờ từ tâm hiếu thuận cúng dường Cha mẹ. Do công đức đó, nên sinh lên các tầng trời làm Thiên Đế xuống nhân gian thì làm Thánh Vương.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ có ghi: *“Người muốn sinh sang Cực Lạc phải tu ba phúc: Một là: Hiếu thuận với Cha mẹ, phụng thờ Sư trưởng, có tâm từ bi không sát sinh, tu mười nghiệp thiện, hai là: Thụ trì Tam quy, giữ đầy đủ mọi giới, không phạm uy nghi, ba là: Phát Bồ đề tâm, vững tin nhân quả...” [25, tr. 22].*

Nhờ lòng hiếu thảo mà có thể giải nguy cho đất nước, không bị sống nô lệ. Có câu chuyện như sau: Một hôm vua truyền lệnh: Không một gia đình nào được phép nuôi người già trong nhà, nếu không tuân theo sẽ bị trừng phạt. Người con khi nghĩ đến công ơn, sự hy sinh cao cả của Cha đã nuôi khôn lớn, chưa hề báo đáp nên rất đau lòng trước thảm cảnh khó xử ấy. Người Cha bèn an ủi: Con đừng buồn, đó

là mệnh lệnh của vua, thần dân phải tuân theo mới gọi là trung. Có lẽ vua ý lại mình đang trẻ tuổi, có sức mạnh, tài giỏi, xem các vị lão thần vô dụng, không giúp ích gì, nên ban hành đạo luật đó. Vua quên rằng, một ngày nào đó vua cũng phải già vì định luật vô thường chẳng từ một ai.

*Cánh già đâu nể bậc vua quan  
Đến tuổi như cây phải cỗi tàn  
Chẳng kể giàu sang cùng thế lực  
Ai ai tuổi trẻ có thời gian*

Hơn nữa, vua còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm, làm sao an dân trị quốc bình thiên hạ? Chắc chắn quốc gia sẽ gặp đại nạn. Con nên đưa Cha vào rừng sống cho êm chuyện, theo đạo luật của vua ban. Người con thưa: Điều đó không thể được và con sẽ bằng lòng với hình phạt của triều đình.

Người con liền đào một cái hầm bên dưới sàn nhà, để Cha sống dưới đó, sớm hôm lo phụng dưỡng săn sóc. Nhờ vậy người Cha có thời gian an dưỡng và tu tập. Lúc bấy giờ, vua nước lân cận nghe vua nước Ba La Nại đã đào thải các vị thần, muốn đem quân chinh phục. Vua hội họp các vị cận thần, bàn việc xâm chiếm nước Ba La Nại. Khi đó, có một vị đại thần nói rằng: Xưa nay nước Ba La Nại từng nổi danh có các vị lão thành tài ba lỗi lạc trong vấn đề an dân trị nước. Thần nghĩ trong việc này có nhiều nghi vấn, cần phải xem xét kỹ rồi mới hành động. Ông đề nghị, trước tiên Thánh thượng thăm dò bằng cách gửi các chiếu thư xin giải đáp. Nếu nước Ba La Nại giải đáp không xong, khi đó có thể đem binh đánh chiếm. Không lâu, nước Ba La Nại tiếp nhận chiếu thư của nước lân cận, với bốn câu hỏi có nội dung là:

*"Vật sở hữu quý nhất của con người là gì?*

*Điều gì, nếu thực hành đúng sẽ đem lại hạnh phúc?*

*Hương vị nào ngọt ngào hơn tất cả?*

*Sống như thế nào gọi là cao thượng nhất?" [3, tr.22]*

Bấy giờ, vua nước Ba La Nại triệu tập các đại thần trẻ tuổi để giải đáp nhưng không một ai có thể trả lời. Khi đó, các vị tâu lên vua là chỉ có các "đại lão thần"

mới có thể giải đáp. Vua lại thông báo trong nước nếu thần dân nào trả lời được sẽ trọng thưởng. Sau cùng, có chàng trai đến xin giải đáp bằng bốn câu trả lời sau đây:

*"Vật sở hữu quý nhất của con người là niềm tin  
Giáo Pháp nếu thực hành đúng, sẽ đem lại hạnh phúc.  
Đức hạnh chân thật quả là hương vị ngọt ngào hơn tất cả.  
Sống với trí tuệ xem là cao thượng nhất" [50, tr.214]*

Khi chàng trai ấy trả lời xong các câu hỏi, mọi người đều vui mừng, hoan hô phấn khởi. Vua liền triệu chàng trai ấy đến hỏi: Sao khanh biết những câu hỏi này mà giải đáp? Chàng trai đáp ngay: Hạ thần không biết gì, đó là do Cha hạ thần chỉ dạy. Chàng trai liền thú tội là không tuân theo sắc lệnh vua ban, lén giấu Cha dưới hầm trong nhà để phụng dưỡng, hầu hạ. Đến lúc ấy vua mới hối hận, thu hồi đạo luật đã ban. Các nước lân cận không còn cơ hội có ý xâm lấn nữa. Qua chuyện, chúng ta thấy nhờ lòng hiếu thảo của người con nên cứu nguy cho đất nước, cho dân tộc, đem lại sự thanh bình, an lạc cho tất cả mọi người.

*Thứ tư: Quả dữ đối với người con không hiếu hạnh*

Thực tế, chúng ta thấy hiếu đạo trên mặt lý thuyết thì dễ, nhưng về mặt thực hành rất khó khăn. Trong Kinh Tương Ứng, Phật dạy: *"Ở đời, số chúng sinh hiếu thảo với Cha mẹ và thuận theo đạo lý thế gian thì quá ít. Ngược lại, số chúng sinh không hiếu thảo với Cha mẹ, không thuận theo đạo lý thế gian thì quá nhiều"* [22, tr. 675].

Đức Phật so sánh hình ảnh ấy trong Tương Ứng Bộ Kinh như Thế Tôn lấy ít đất trên đầu ngón tay và bảo các Thầy Tỷ Khiêu: Các người nghĩ thế nào, đất trong tay Như Lai nhiều hay đất trong tay đại địa nhiều. Các vị Tỷ Khiêu đáp: Đất trong tay Như Lai quá ít so với đất trong đại địa. Cũng vậy, số chúng sinh hiếu kính với Cha mẹ quá ít, giống như đất trong tay Như Lai, còn số chúng sinh không tôn trọng Cha mẹ như đất trong đại địa.

Phật dạy trong Tăng Nhất A Hàm: *"Có hai pháp khiến người sinh trong nhà bản tiện. Thế nào là hai pháp? Chẳng hiếu đễ với Cha mẹ, các bậc sư trưởng, cũng không thừa sự người hơn mình"* [21, tr. 309].

Nếu ở đời một người không hiếu kính với Cha mẹ thì người đó không thể hoàn thành bất cứ đạo lý nào. Người không hiếu kính với Cha mẹ, bạn bè, anh em, xa lánh họ hàng thì người đời chán ghét, thiên thần không ủng hộ. Họ sẽ lãnh những quả báo xấu ác trong hiện tại, khi chết đọa vào địa ngục vô gián chịu khổ đau.

Những người con bất hiếu phải lãnh chịu quả báo như chàng trai Met-Tra không vâng lời Mẹ vượt biển đi buôn. Mẹ vì thương con cản ngăn, khẩn thiết van xin nhưng anh ta không mảy may xúc động, nhẫn tâm xô ngã Mẹ, bước qua đầu Mẹ, thản nhiên đi thẳng xuống thuyền không quay lại. Do tội bất hiếu đó phải thọ lãnh quả báo trôi nổi trên biển, sau đó nghiệp dắt dẫn vào tù ngục để đội vòng lửa sắt nóng, chịu cực hình trong muôn kiếp.

Trong mười bốn điều răn của Phật thì lời răn thứ sáu đề cập về tội lỗi lớn nhất là tội bất hiếu. Điều này được Trụ Vũ diễn thành thơ.

*"Tội lỗi lớn nhất luân thường*

*Là tội lớn nhất phụ ơn cao dày"* [59, tr. 17].

Những người con nào không biết kính trọng Tam Bảo, Cha mẹ... Đó chính là đồng nghĩa với sự làm ác. Kinh Mục Liên Sám Pháp đã mô tả: *"Những ai xa lánh những bạn lành, phỉ báng Tam Bảo, không tin tội phúc... Không sợ báo ứng, không chịu làm thiện, điều ác chẳng từ, bất hiếu Cha mẹ, không trọng họ hàng... Đó chính là ác"* [54, tr. 66].

Những quả báo dành cho những ai không hiếu kính với Cha mẹ phải đọa vào cảnh khổ được thể hiện qua Kinh Tâm Địa Quán như sau: *"Nếu có con trai con gái nào bội ân, không hiếu thuận với Cha mẹ làm cho Cha mẹ sinh tâm oán niệm, mà Cha mẹ bực bội nói ra một lời nói ác, tức thời con phải sa đọa theo lời nói ấy hoặc vào địa ngục, hay ngã quỷ, súc sinh"* [27, tr. 90].

Vào mùa Vu Lan báo ân, chúng ta hằng đêm thường tụng niệm bài Kinh Báo Hiếu, Phật dạy tội những người con bất hiếu phải gánh chịu những quả báo khổ đau sau đây:

*"Trong năm đại tội kể ra*

*Bất hiếu thứ nhất thật là trọng thay*

*Sau khi chết bị đày vào ngục  
Ngũ vô gián cũng gọi A tỳ  
Ngục này trong núi Thiết Vi  
Vách phen bằng sắt vây quanh bốn bề  
Trong ngục này hằng ngày lửa cháy  
Đốt tội nhân hết thảy thành than  
Có lò nấu sắt cho tan*

*Rót vào trong miệng tội nơn hành hình..." [31, tr.113].*

Theo Kinh Vô Lượng Thọ có năm sự dữ lớn: "*Nếu như người nào trên thế gian, chẳng nghĩ tu thiện, chỉ xúi giục nhau, làm những việc ác, phá hại người hiền, chẳng hiếu Cha mẹ, khinh bực Sư trưởng... là thuộc về sự dữ thứ bốn*" [31, tr.113].

Còn đối với người thuộc về sự dữ thứ năm: Người thường dựa dẫm lười biếng, chẳng chịu làm lành, sửa mình tu tập. Cha mẹ dạy bảo, trợn mắt giận dữ, nói năng chẳng hòa, trái ngược ngang bướng...

Câu chuyện Trái tim người Mẹ hiền kể rằng: Xưa có chàng CôZắc vì yêu cô nữ Ốc-Xa-Na, muốn cưới nàng làm vợ. Nàng đòi sinh lễ với chàng phải là trái tim người Mẹ. Không ngần ngại, vì tình yêu thúc giục, chàng đã giết Mẹ rồi lấy trái tim mang đến cho nàng. Do quá gấp gáp nên chàng vấp ngã văng xa, nhưng chàng đã nghe tiếng nói ngọt ngào đầm ấm quen thuộc của Mẹ hỏi: Con có đau không? Chúng ta quá xúc động khi nghe câu chuyện trên. Tình thương bao dung độ lượng xuất phát từ trái tim người Mẹ đối với con như thế nào? Mẹ bằng lòng hy sinh tất cả, không giận hờn, miễn con được hạnh phúc. Trên đời này, chỉ có Mẹ và trái tim cao quý của Mẹ mới tha thứ cho đứa con bất hiếu kia.

*Đường dài chân mỏi mắt hoa  
Vừa lên thêm cửa chân sa ngã nhào  
Tim Mẹ đập ứa máu đào  
Mà còn hỏi nhỏ nơi nào con đau?*

Xã hội hiện nay khác hơn xưa, phần lớn con cái tự quyết định, ít vâng lời và không hiếu thảo với Cha mẹ, nên sinh những tai họa lớn mà trong Lá Thư Tịnh Độ

đã nói: "*Đời này phiêu bạt, xã hội rối loạn, tai trời họa người phát sinh ra chông chát, muốn mưu tính vẫn cứu, thì hết thấy mọi người phải dốc lòng luân thường, làm tròn bốn phận, có hiếu với Cha mẹ, hiền từ với con cái...*" [15, tr. 257]

### **2.3.2. Giá trị của đạo đức Phật giáo trong đời sống xã hội hiện nay**

Đồng hành cùng với sự phát triển của đất nước, đạo đức Phật giáo đã góp phần tạo nên truyền thống văn hóa thực sự giàu bản sắc. Ngày nay, đạo đức Phật giáo đã có vị trí vững chắc trong nền văn hóa dân tộc - hiện đại.

Phật giáo xây dựng hệ thống đạo đức trên cơ sở hệ thống giáo lý, đó là mối quan hệ giữa giới, định, tuệ để đi đến giải thoát và giải thoát tri kiến, trong đó giới có vai trò làm nền tảng cho việc giải thoát. Đạo đức Phật giáo bao gồm các giới cùng các chuẩn mực và các phạm trù có liên quan với nhau một cách chặt chẽ. Phật giáo xây dựng một hệ thống đạo đức hoàn chỉnh từ nhận thức, lý luận đến thực hành và việc áp dụng nó để xây dựng một nếp sống tốt đẹp. Bên cạnh đó Phật giáo còn xây dựng mẫu người đạo đức đó là con người từ bi, hỷ, xả, vô ngã, vị tha mà thâm tóm là đứng vững trên hai chân: Từ bi và trí tuệ. Đạo đức Phật giáo có nhiều điểm tương đồng với đạo đức người Việt. Những phạm trù cơ bản của đạo đức Phật giáo đã ảnh hưởng khá sâu đậm vào đời sống người Việt. Ngày nay, với sự chấn hưng của Phật giáo Việt Nam, đạo đức Phật giáo sẽ góp phần hết sức to lớn vào việc xây dựng một xã hội hài hòa, phát triển.

Đạo đức Phật giáo với đạo đức truyền thống của người Việt Nam: Đạo Phật đồng hành với dân tộc Việt Nam, từ khi du nhập vào Việt Nam đến nay đã 2000 năm lịch sử, nên có thể xem nó như một phần tài sản văn hóa dân tộc. Trong quá trình phát triển tại Việt Nam, đạo Phật không chỉ đơn thuần chuyển tải niềm tin của con người mà còn có vai trò góp phần duy trì đạo đức xã hội nơi trần thế. Ngoài những điểm phù hợp với tình cảm đạo đức của con người, đạo đức Phật giáo còn thực hiện thông qua tình cảm, tín ngưỡng, niềm tin và giáo lý. Do đó, tình cảm đạo đức Phật giáo được người Việt tiếp thu, tạo thành đức tin thiêng liêng bên trong và chi phối hành vi ứng xử của họ trong các quan hệ cộng đồng. Do tuân thủ những điều răn dạy về đạo đức của Phật giáo, người Việt đã sống và ứng xử đúng đạo lý, góp phần làm cho xã hội ngày thêm tốt đẹp.

Đạo đức Phật giáo thông qua những giáo luật, giáo lý và các giá trị, chuẩn mực đã đi vào cuộc sống của người dân Việt Nam. Sự ảnh hưởng của đạo đức Phật giáo đến đời sống của người Việt Nam không chỉ là giáo lý qua kinh kệ, sách vở mà đã trở thành phong tục, cách sống của dân tộc, của mọi gia đình. Người Việt Nam truyền thống với tinh thần yêu thương, đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau, phụng dưỡng cha mẹ, tri ân những người có công với cộng đồng, làm điều thiện... đó cũng chính là những điều luân lý đạo đức cụ thể mà Phật giáo đã truyền dạy. Đạo đức Phật giáo đã thực sự đi vào cuộc sống, đi vào tâm linh mỗi con người. Trong suốt chiều dài của lịch sử, đạo đức Phật giáo đã có nhiều đóng góp đáng kể đối với sự phát triển của dân tộc, những nhân tố quan trọng góp phần định hình nên các quan niệm, chuẩn mực, hệ giá trị đạo đức trong xã hội Việt Nam truyền thống và hiện đại.

Đạo đức Phật giáo với kinh tế trong bối cảnh thị trường hiện nay: Trong giáo lý “Bát chính đạo” đức Phật có đề cập đến “chính mệnh” sinh sống bằng nghề nghiệp chân chính. Người khuyên mọi người kiếm sống bằng chính sức lao động và tiền vốn của mình, trí tuệ của mình chứ không được buôn bán gian lận, buôn bán hàng quốc cấm và các loại hàng hóa có hại cho sức khỏe con người và xã hội. Trong cuộc sống mỗi người phải lao động làm việc để tạo ra nguồn của cải vật chất nuôi sống mình và gia đình. Như vậy, trong nền kinh tế thị trường ngày nay, đạo đức Phật giáo góp phần không nhỏ trong việc giáo dục con người, hướng con người tới những điều thiện, từ đó giảm bớt thiệt hại cho người tiêu dùng và đặc biệt là những nguy hiểm chết người. Đây chính là mặt tích cực của đạo đức Phật giáo giúp con người và nhân loại có cuộc sống an lạc hạnh phúc.

“Chính mệnh” trong Bát chính đạo của Phật giáo còn có nghĩa là biết làm chủ cuộc sống, không lãng phí, không bủn xỉn, biết làm phúc và cúng dàng. Biết chăm lo cuộc sống của người thân, quyến thuộc, biết tích lũy cho đời nay và chuẩn bị cho đời sau. Đức Phật dạy rằng các cư sĩ sống bình thường ở gia đình có 4 điều lạc thú: Một là được hưởng cảm giác an toàn do có của cải và cơ sở kinh tế có được bằng phương pháp chính đáng; Hai là có thể khẳng khái sử dụng của cải ấy cho mình, cho người nhà và cho bạn hữu, đồng thời dùng nó để làm

nhieuu việc từ thiện; Ba là không bị khổ sở vì nợ nần; Bốn là có thể sống cuộc đời thanh tịnh, không lỗi lầm.

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, chúng ta cần coi trọng việc xây dựng hoàn thiện đạo đức nhằm phát triển con người một cách toàn diện. Nền đạo đức mà chúng ta đang xây dựng là sự kết tinh, kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống của nhân loại, của dân tộc, trong đó có những giá trị đạo đức Phật giáo.

*Đạo đức Phật giáo với văn hóa:* Thực tế cho thấy Phật giáo Việt Nam từ thế kỷ XX đã có những đóng góp vô cùng to lớn cho nền văn hóa dân tộc - hiện đại. Trong triển vọng phát triển chung của Tôn giáo thế giới, Phật giáo Việt Nam cũng đồng hành hướng tới giải quyết những nhiệm vụ cơ bản đặt ra với con người hiện đại, đặc biệt ở bước đi tương đồng với những quốc gia lân bang cùng điều kiện và hoàn cảnh.

Triết lý của Phật giáo về Từ bi, về tình thương yêu rất phù hợp với truyền thống giàu lòng nhân ái vốn có của người Việt: “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”; “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”; “Lá lành đùm lá rách”; “Thương người như thể thương thân”... Sự kết hợp những nét độc đáo trong phương pháp tư duy, trong văn học, nghệ thuật của người Việt Nam. Những giá trị, khuyến thiện, hướng thiện không chỉ phát huy tác dụng trong hàng ngũ tín đồ mà còn ảnh hưởng rộng rãi trong đời sống nhân dân, góp phần hình thành nên những quan niệm sống giàu tính nhân văn sâu sắc.

Đồng hành cùng với sự phát triển của đất nước, đạo đức Phật giáo đã góp phần tạo nên truyền thống văn hóa thực sự giàu bản sắc. Ngày nay, đạo đức Phật giáo đã có vị trí vững chắc trong nền văn hóa dân tộc - hiện đại. Một thời đại mới đang mở rộng ra cùng với những thách thức của hội nhập và phát triển, lợi ích cá nhân và cộng đồng, phẩm chất vị tha và cạnh tranh thị trường đòi hỏi sự năng động của đạo đức Phật giáo, yêu cầu phát huy và dung hợp những giá trị nhân bản bền vững của Phật giáo Việt Nam trong nền văn hóa dân tộc - hiện đại. Có thể khẳng định vị trí vững chắc của đạo đức Phật giáo Việt Nam trong nền văn hóa dân tộc.

Đạo đức Phật giáo với xã hội Việt Nam hiện nay: Đức Phật dạy từ việc lớn như quốc gia, chính sự đến việc nhỏ như hòa khí trong gia đình. Tư tưởng Từ bi, hỷ, xả, cứu khổ, cứu nạn của nhà Phật vẫn đang được nhân dân Việt Nam nói riêng và nhân loại nói chung tiếp thu và phát huy trong đời sống xã hội. Một số quy tắc của đạo đức Phật giáo giữ gìn tam quy, ngũ giới, thập thiện,... Có những nét tương đồng với các quy tắc, chuẩn mực của nền đạo đức xã hội vẫn đang được nhiều người tin theo và khuyến khích phát huy. Đó là những quy tắc sống mà xã hội nào cũng rất cần đến để duy trì một nền đạo đức, một nếp sống lành mạnh và hạnh phúc cho con người.

Cùng với thời gian, Phật giáo Việt Nam đã điễm vào trang lịch sử của mình những nét vàng son. Những chuẩn mực của đạo đức Phật giáo vẫn đang có những đóng góp cho việc duy trì một nền đạo đức xã hội, khơi dậy truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, tương thân tương ái trong cộng đồng, xây dựng con người Việt Nam đạo đức và văn hóa tốt đẹp.

Đạo đức Phật giáo với việc xây dựng đạo đức, lối sống của người Việt Nam: Với triết lý từ bi, hỷ xả, khuyến khích con người hướng thiện, đạo đức Phật giáo đã dễ dàng đi vào lòng người, có tác dụng hoàn thiện nhân cách đạo đức, hướng con người đến lối sống, vị tha, bình đẳng, bác ái. Thực tế đã chứng minh, đạo đức Phật giáo phù hợp với đạo đức, lễ sống của con người Việt Nam và nó đã có những đóng góp tích cực trong việc xây dựng một nền tảng đạo đức mới cho xã hội trên cơ sở kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống đã được đặt ra.

Tính hướng thiện của Phật giáo là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa nhân đạo, tư tưởng bình đẳng, hòa bình của Phật giáo phù hợp với xu hướng hòa đồng liên kết giữa các dân tộc trên thế giới trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, lòng từ bi, bác ái góp phần cứu giúp người hoạn nạn, giữ vững tinh thần lá lành đùm lá rách của dân tộc, triết lý vô thường, vô ngã giúp con người giảm bớt cái tôi vị kỷ... Những giá trị tích cực đó của đạo đức Phật giáo càng được nhân lên với những hành động cụ thể, như kẻ đói được cho ăn, kẻ rách được cho mặc, người ốm đau bệnh tật

được chăm sóc... Đạo đức Phật giáo khuyên con người luôn nhớ đến “đạo hiếu”, lấy chữ hiếu làm đầu: “Hạnh hiếu là hạnh Phật, tâm hiếu là tâm Phật”, “muôn việc ở thế gian không gì hơn công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ”. Thêm vào đó, những không gian chùa chiền của Phật giáo luôn thu hút con người tìm về chốn tĩnh tâm, nơi chiêm nghiệm và cảm nhận... Tất cả những điều đó là những giá trị đạo đức tích cực, thiết thực góp phần giáo hóa con người, giúp cho thế hệ trẻ vững bước trước cám dỗ của cuộc đời, khích lệ họ quan tâm đến số phận của cộng đồng, sống lương thiện, coi trọng tính nhân bản, coi trọng thiên nhiên...

Ngày nay với phương châm Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội, đạo đức Phật giáo đã góp phần tích cực vào các phong trào phát triển xã hội, bảo vệ môi trường. Đặc biệt công tác từ thiện với tinh thần cứu khổ, cứu nạn của đạo Phật, hòa cùng truyền thống lá lành đùm lá rách của dân tộc, tăng ni phật tử đã tổ chức cứu trợ cho đồng bào bị thiên tai bão lụt, cho những vùng quê nghèo khó, cho những mảnh đời bất hạnh... Những hoạt động từ thiện đó của đạo Phật cùng nhằm điều chỉnh tính cách, lối sống, góp phần hình thành nhân cách của một con người có ích cho xã hội.

## **Tiểu kết chương 2**

Đối với đạo Phật, thực hành hiếu thảo là con đường giải thoát của chính pháp, là con đường của người Phật tử. Không hiếu thảo với cha mẹ thì không thể gọi là một người Phật tử chân chính được. Bởi vì người Phật tử thì phải thực hành các thiện pháp mà trong kinh “Nhẫn nhục” nói rằng: “Điều thiện tối cao là chí hiếu, điều ác cực ác là bất hiếu”. Vì vậy, báo hiếu là bản chất của người Phật tử và đã trở thành truyền thống tốt đẹp của người Phật tử Việt Nam nói riêng, Á Đông nói chung.

Không có gì hạnh phúc, sung sướng khi còn có Mẹ, có Cha. Người con phải biết trân quý và kính dường Mẹ Cha khi họ đang còn sống, đừng để đến lúc Mẹ Cha qua đời mới bày lễ lạy, cầu cúng cho thật lớn, khóc cho thật nhiều. Đây là những lời Cha mẹ dạy dỗ các con để duy trì nếp sống lễ giáo, đạo đức của Gia đình và

truyền thống Dân tộc mà chính Đức Phật vẫn quan tâm và luôn luôn nhắc nhở chúng ta phải biết trân quý, giữ gìn như những bảo vật giá trị nhất trong cuộc đời. Mặt khác, theo đạo Phật quan niệm tất cả chúng sinh là Cha mẹ của mình. Ngoài việc báo đáp thâm ân Cha mẹ của mình hiện nay, người Phật tử còn có nhiệm vụ báo hiếu cho Cha mẹ nhiều đời của mình bằng phương thức gián tiếp. Tất cả mọi người ai cũng có trách nhiệm truyền bá tư tưởng đạo Hiếu để cho những người con học tập và thực hành phương pháp báo hiếu đúng chính pháp, đem đến lợi ích cho tất cả những người Cha mẹ khác trong xã hội sẽ trở thành một nền tảng đạo đức cơ bản cho con người, tâm hiếu là một tâm lý có tính cách văn minh, văn hoá. Truyền bá đạo hiếu sẽ tạo nên một truyền thống tốt đẹp, từ đó xã hội có điều kiện xây dựng hạnh phúc cho con người ngày càng tiến bộ và tốt đẹp hơn. Người người hạnh phúc tốt đẹp, nhà nhà an lạc, thế giới hòa bình thịnh trị.

### Chương 3

## Ý NGHĨA CHỮ HIẾU CỦA PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI HIỆN NAY

### 3.1. Đạo đức xã hội và những vấn đề đặt ra về chữ Hiếu

#### 3.1.1. Đạo đức xã hội hiện nay

Sự phát triển nhanh chóng và nhiều mặt của thế giới ngày nay và nền kinh tế thị trường đang tác động trực tiếp đến mọi quốc gia, đã và đang làm chao đảo nhiều giá trị tinh thần nói chung và giá trị đạo đức nói riêng - vốn được xem là truyền thống đạo đức của các dân tộc và toàn thể nhân loại. Hiện tượng suy đồi đạo đức là có thật và đang trở thành mối quan tâm, lo ngại của nhiều quốc gia, dân tộc trên toàn cầu.

Đối với Việt Nam, từ khi chúng ta chuyển sang nền kinh tế thị trường, bên cạnh rất nhiều cái được, xã hội Việt Nam đã xuất hiện những cách sống và lối sống xa lạ, trái với các chuẩn mực của xã hội, bất chấp những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Một bộ phận không nhỏ người dân trong các thành phần xã hội khi mưu cầu lợi ích cá nhân đã chà đạp lên những khuôn mẫu, những giá trị đạo đức đích thực. Nạn tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính và các tệ nạn xã hội khác đang phát triển tràn lan. Đặc biệt, có một bộ phận không nhỏ các cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, sa đoạ về đạo đức và lối sống. Một bộ phận trong lớp trẻ hiện nay có tâm lý sống thực dụng, buông thả, sung bái đồng tiền, quay lưng lại với các giá trị văn hoá, đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Như chúng ta đã biết, lịch sử Việt Nam đã trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Quá trình đó đã rèn luyện và hun đúc nên những thế hệ con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, sẵn sàng xả thân vì nước, thương yêu con người, thương yêu đồng loại, có tinh thần chịu đựng gian khổ, khó khăn... Những đức tính ấy đã trở thành truyền thống mà hàng ngàn đời nay, những thế hệ con người Việt Nam đã nâng niu, gìn giữ.

Chúng ta đang sống trong thời đại mới - thời đại văn minh, khoa học, nhất là sự phát triển vượt bậc của ngành công nghệ thông tin; nó đã làm cho cuộc sống con

người ngày được nâng cao. Nhưng cũng trong quá trình mở cửa hội nhập, sự xâm nhập của văn hoá và lối sống ngoại lai làm cho văn hoá truyền thống có nguy cơ lãng quên. Trong đời sống xã hội, đã có những biểu hiện coi nhẹ những giá trị truyền thống, chạy theo thị hiếu không lành mạnh. Đặc biệt, “tệ sung bái nước ngoài”, coi thường những giá trị văn hoá dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, xá nhân vị kỷ... gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp. Buôn lậu và tham nhũng ngày càng phát triển, ma tuý mại dâm và các tệ nạn xã hội khác ngày càng gia tăng. Lối sống thực dụng và đòi truy ngày càng lan rộng đã gây ảnh hưởng xấu, nhất là đối với thế hệ trẻ. Hơn nữa, giới trẻ ngày nay chạy theo lối sống hưởng thụ, mà họ cho là hợp thời, sành điệu; họ bỏ qua những giá trị đạo đức là nền tảng cốt yếu của con người. Vấn đề này đang là những trở trở cho các nhà giáo dục cũng như những người có trách nhiệm.

Tình trạng đạo đức trong xã hội ngày nay trên thực tế thì ai cũng thấy lo lắng bởi có một số sống chạy theo những giá trị vật chất mà bỏ quên những giá trị tinh thần.

Nếu chúng ta nhìn vào những gì đã và đang diễn ra hằng ngày sẽ thấy những hiện tượng tha hóa đạo đức không phải là hành động bộc phát, mà hầu như chúng tuân theo “quy luật nhân quả”; những hành vi đáng tiếc đó được lặp đi lặp lại từ trước do những ảnh hưởng không mong muốn của xã hội. Lối sống tha hóa đạo đức đó là do ảnh hưởng của cuộc sống hiện đại. Có người đã nói: Cuộc sống càng hiện đại bao nhiêu thì giới trẻ ngày càng hư hỏng bấy nhiêu. Và cuộc sống càng văn minh hiện đại bao nhiêu thì hình như con người càng làm nô lệ cho nhiều thứ chán nản, thất vọng. Khi đó họ tìm đến với những tệ nạn của xã hội như: Ăn chơi trác táng, rước chè, cờ bạc....

Hơn nữa, do sống trong cơn lốc của nền kinh tế thị trường, giới trẻ khó đứng vững được trước những thay đổi chóng mặt của nó. Họ phải chạy theo những giá trị vật chất, những thứ đảm bảo cho một cuộc sống thoải mái hơn về tiện nghi. Với xu thế đó, họ không có thời gian để thưởng thức những giá trị tinh thần cao đẹp như

những liều thuốc an thần. Thay vào đó, họ cứ lao đầu vào dòng đời ngược xuôi tốc độ, cạnh tranh. Nhìn vào thực tế, ta thấy được những hậu quả do sự phát triển của xã hội, do lối buông thả như vậy cho nên đã quên đi và không còn biết đến nền tảng đạo đức của con người. Từ đó, nảy sinh ra nhiều kiểu sống làm băng hoại những giá trị truyền thống văn hoá.

Vấn đề đặt ra ở đây là mỗi người chúng ta hãy sống đúng chuẩn mực đạo đức của con người, trau dồi, học hỏi những bài học trong cuộc sống về sự công bằng, bác ái với những người xung quanh và phải có quyết tâm muốn thay đổi chính bản thân mình. Ngoài ra, cần phải học hỏi những tấm gương của những người đạo đức trong xã hội hiện tại.

Để phát triển xã hội bền vững, những nhà giáo dục và những người có trách nhiệm phải có một hướng đi đúng đắn cho thế hệ trẻ hôm nay. Trong giá trị đạo đức, cần định hướng để họ có một lý tưởng sống, biết xây dựng cuộc sống trên những giá trị cao đẹp. Đồng thời, mọi người cần quan tâm đến những giá trị đạo đức, nhất là cần áp dụng những cách giáo dục mới vào việc đào tạo thế giới trẻ, vì họ là rường cột của xã hội. Giáo dục theo lối mới là giáo dục bằng tình thương yêu, nâng đỡ.

Hơn nữa, chúng ta cần nhìn vào tình hình thực tế để cảnh giác hơn đối với những cạm bẫy đang cám dỗ giới trẻ, như nhà báo Lưu Đình Triều, khi đọc xong cuốn sách “Sài Gòn by night, những hồi chuông cảnh báo” đã phát biểu: *“Là một sự nhắc nhở. Nhắc cha, nhắc mẹ, nhắc anh chị, nhắc nhà trường, nhắc đoàn thể xã hội đừng lơ là, mất đi sự cảnh giác đối với những cạm bẫy đang giăng chờ con em mình... Hãy ngăn chặn cái xấu từ xa, trước khi nó hình thành và phát triển”* [14, tr. 120].

Toàn xã hội cần phải làm nhiều hơn nữa để giáo dục một thế hệ trẻ có đạo đức, có lý tưởng sống để có thể đứng vững trước mọi thách thức và sóng gió trong cuộc đời.

### **3.1.2. Chữ Hiếu trong xã hội hiện nay**

Gia đình truyền thống Việt Nam hình thành trong chế độ phong kiến với tư tưởng Nho giáo chi phối, nên theo lễ nghĩa Nho giáo: lấy “Hiếu Đễ” làm nội dung

cốt lõi, coi trọng việc giáo dục trong gia đình hay còn gọi là gia giáo, coi trọng quyền gia trưởng của người đàn ông trụ cột. Như vậy, nếu bỏ qua những hạn chế thì gia đình truyền thống có những giá trị nhất định, góp phần tích cực trong việc xây dựng một thiết chế xã hội nhỏ nhất - gia đình ổn định, hài hòa tạo cơ sở cho xã hội phát triển. Thực chất, thực hiện tốt chữ “Hiếu” chính là giải quyết tốt mối quan hệ người với người trong gia đình dựa trên cơ sở huyết thống gần. Gia đình truyền thống bắt buộc mỗi người thực hiện tốt “Hiếu” để bảo đảm gia đình ổn định, mà gia đình ổn định là cơ sở để xã hội ổn định. Thực hiện chữ “Hiếu” cũng chính là thực hiện tình yêu thương huyết thống gần và đó là cơ sở để thực hiện tốt tình yêu thương với những người huyết thống xa. Những chuẩn mực đạo đức cơ bản của mỗi con người, cũng như việc ứng xử giữa các thành viên trong gia đình là cơ sở xây dựng quan hệ ứng xử trong xã hội như: Kính trên, nhường dưới, tôn trọng phép tắc cộng đồng...

Trong giai đoạn hiện nay, trước sự tác động của mặt trái kinh tế thị trường, đô thị hóa, công nghiệp hóa, văn hóa phương Tây du nhập... gia đình Việt Nam có những biến đổi rất lớn; đặc biệt chữ “Hiếu” có nguy cơ, thách thức bị mai một. Hiện nay, tình trạng người già bị ngược đãi xảy ra ngày càng nhiều. Nhiều đứa con bất hiếu đã thẳng tay đuổi bố mẹ già ra khỏi nhà, thậm chí đánh đập dã man người đã mang nặng đẻ đau... vì coi họ là gánh nặng. Người già không nơi nương tựa phải vào trung tâm dưỡng lão, lang thang tạo ra một áp lực lớn cho công tác an sinh xã hội.

Gần đây, một loạt các câu chuyện thương tâm khi bố mẹ bị con cái phó mặc hoàn toàn cho người giúp việc chăm sóc và không mảy may quan tâm, thậm chí cho đến lúc chết. Hiện trạng này như một tiếng chuông cảnh tỉnh về sự xuống cấp đạo đức trầm trọng của con người trong xã hội hiện đại.

Hiện tượng người già bị con cái biệt lập nơi ở vì sợ ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của họ là rất nhiều. Hiện nay, chưa có một cơ quan chức năng nào thống kê được trong 10% dân số là người cao tuổi (khoảng 8,5 triệu người) có bao nhiêu người bị con cháu ngược đãi. Nhưng 70% trong số họ không có tích lũy về tài chính, và có tới 95% thường xuyên bị mắc bệnh tật.

PGS.TS Nguyễn Thị Kim Hoa (trưởng khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội) cho rằng, bất luận trong hoàn cảnh nào, người già cũng cần được tôn trọng và bảo vệ. Con cái ngược đãi, vứt bỏ cha mẹ già là hành vi không thể chấp nhận được... Đặc điểm tâm lí của người già là rất hay tủi thân. Sức khỏe yếu, ăn uống khó khăn, vị thế gia đình giảm sút..., tất cả khiến người già có cảm giác “bất lực” với cuộc sống và các mối quan hệ trong gia đình của chính mình. Vì vậy, cuộc sống của người già vui sướng hay đau khổ cũng phụ thuộc vào con cháu.

Tuy nhiên, có một vấn đề đặt ra là, trong cuộc sống hối hả, dưới áp lực của công việc, con cái không còn thời gian để quan tâm đến bố mẹ. Người già sinh hoạt phải có giờ giấc, trong khi đợi con cái đi làm về, 7-8 giờ tối mới được ăn cơm. Các con đi làm cả ngày, các cụ ở nhà buồn vì không có người nói chuyện. Cho nên mô hình nhà dưỡng lão tự nguyện đã xuất hiện nhiều ở Việt Nam. Nhiều người cao tuổi thích sống ở đây hơn ở nhà vì họ được chăm sóc thường xuyên, có bạn bè để trò chuyện, sinh hoạt đúng giờ.

Quan niệm về chữ “Hiếu” trong xã hội hiện đại cũng khác rất nhiều. Trước đây, con cái hiếu lễ là phục tùng răm rắp kiểu “con cưỡng cha mẹ trăm đường con hư”. Còn giờ, con cái không hoàn toàn nghe và làm theo lời cha mẹ nữa. Họ làm theo cái đúng. Như thế không có nghĩa là bất hiếu.

Nhu cầu hay quan hệ tình cảm giữa cha mẹ và con cái thật khó mà có thể định tính nhưng có thể định lượng để nhận biết mối quan hệ ấy gắn bó mật thiết hay không. Một người con ít khi biểu hiện tình cảm với cha mẹ qua ngôn ngữ, cử chỉ... nhưng có thể anh ta đã biểu hiện tình cảm bằng cách khác. Ví dụ như góp thêm tiền bạc cho cha mẹ sinh sống, biết cha mẹ có nhu cầu vật chất gì thì cố gắng đáp ứng trong khả năng của mình... Đây cũng là thể hiện sự hiếu lễ.

Ngày nay, vì hoàn cảnh sống, làm việc mà con cháu thường gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện bổn phận với ông bà cha mẹ, chẳng hạn như không có nhiều thời gian gần gũi chăm nom săn sóc, không trực tiếp nuôi dưỡng phụng sự, có trường hợp phải thuê người chăm sóc vì sống cách xa cha mẹ, con cháu không có

thời gian để thường xuyên tự tay chăm sóc, có trường hợp gửi ông bà cha mẹ vào viện dưỡng lão.

Tuy nhiên, mỗi người nên cố gắng dành thời gian gần gũi để ông bà cha mẹ không cảm thấy cô đơn buồn tủi. Cần để ông bà cha mẹ tham gia vào việc dạy dỗ con cháu, làm cho ông bà cha mẹ cảm thấy mình còn là người hữu ích, và cũng để thêm niềm vui khi gần gũi con cháu. Khi ở xa ông bà cha mẹ phải về thăm, gọi điện thoại quan tâm sức khỏe và đời sống của ông bà cha mẹ. Lúc về già có người thích sống với con cháu, có người thích sống ở viện dưỡng lão với những người già khác để sớm hôm bầu bạn, hoặc sống ở một cảnh chùa thanh tịnh nào đó, vì thế nên tùy tâm nguyện của ông bà cha mẹ mà con cháu làm theo để ông bà cha mẹ vui lòng. Điều quan trọng là ở tấm lòng, ý thức đạo đức về lòng biết ơn, sự tôn kính ông bà cha mẹ. Không nên chỉ chu cấp cho ông bà cha mẹ về vật chất mà quên đi tình cảm, sự quan tâm.

Đó là hiếu khi cha mẹ còn sống. Sau khi cha mẹ qua đời, lòng hiếu thảo được thể hiện qua việc phụng thờ và tưởng nhớ. Tấm lòng người xưa đối với ông bà cha mẹ đã khuất thể hiện qua câu “kính như tại”, có nghĩa là kính như đang còn sống. Phụng thờ để tưởng nhớ và nhắc nhở cho nhau công đức, ân nghĩa sinh thành dưỡng dục của ông bà cha mẹ. Hàng năm cúng giỗ để tưởng nhớ và để bày tỏ lòng biết ơn. Đối với xã hội ngày nay, có người cho rằng những việc làm này không thiết thực nhưng thật sự nó có giá trị rất lớn về mặt tinh thần.

### **3.2. Phát huy chữ Hiếu của Phật giáo trong xã hội hiện nay**

#### **3.2.1. Đối với Tăng ni, Phật tử**

Theo truyền thống Phật giáo, hằng năm cứ vào ngày rằm tháng 7, toàn thể tăng ni Phật tử noi theo gương hiếu của đức Mục-kiền-liên, long trọng tổ chức đại lễ Vu-lan-bồn, để tưởng nhớ và báo đáp công ơn sinh thành và dưỡng dục của cha mẹ.

Chính vì thế ngày Vu-lan đã được xem là ngày Cha mẹ trong Phật giáo, người Phật tử đều dừng mọi công việc hằng ngày, đi lễ Chùa, chúc thọ, cầu an hoặc cầu siêu cho cha mẹ.

Ngày Vu-lan, ngày báo hiếu đã ăn sâu vào trong tâm khảm của người Phật tử, vào lòng người Việt Nam và thật sự trở thành một sức sống mãnh liệt, một nét văn hóa độc đáo, một nét đặc trưng cho tính nhân bản của xã hội loài người.

Chữ Hiếu trong văn hóa dân tộc được thể hiện trong cuộc đời này, không có tình cảm nào sâu đậm hơn, thiêng liêng hơn và bất diệt hơn tình cha mẹ đối với những đứa con.

Công ơn của cha mẹ lớn lao đến vậy nhưng trong cuộc sống, những người con thường hay mắc lỗi, khiến cha mẹ phải buồn. Ngày lễ Vu-lan chính là dịp để chúng ta cùng ngẫm lại mối tình cảm của mình đối với cha mẹ, ngẫm lại những điều đã khiến cha mẹ buồn. Nếu trong những tháng ngày trước chúng ta có những gì sai lầm hay chúng ta có tạm quên đi một ơn nghĩa sâu sắc như thế này thì vu lan là dịp để chúng ta làm mới lại tình cảm ấy, để chúng ta sửa sai những gì mà chúng ta có lỗi với cha với mẹ mình.

Cuộc sống hiện đại, tất bật khiến những người con như chúng ta thường phải sống xa cha mẹ, bôn ba ở những nơi xa. Chúng ta không có cơ hội rót một ly trà cho cha, bung một chén cơm cho mẹ. Chúng ta không có cơ hội nhìn gương mặt khắc khổ gió sương của cha mẹ mỗi ngày. Chúng ta không có cơ hội cận kề chăm sóc những khi cha mẹ trái gió trở trời. Có phải chúng ta đã không làm tròn bổn phận người làm con hay không? Khi đi làm bên ngoài, ai giúp đỡ chúng ta một chút, chúng ta cảm ơn ngay. Chúng ta lịch thiệp, nhã nhặn với cả những người không thân thiết. Chúng ta chẳng dám giận dỗi, la mắng dù nhiều người làm phật ý chúng ta. Vậy mà ở nhà, chúng ta chưa biết nói lời biết ơn cha mẹ, chúng ta giận lẫy cha mẹ mỗi khi không như ý mặc dù cha mẹ luôn hết mực lo lắng, chăm lo cho chúng ta. Có phải chúng ta đang phụ tình cảm của cha mẹ hay không?

Trong xã hội với nhiều cám dỗ, nguy hại như hiện nay, cha mẹ luôn lo lắng cho mỗi bước chúng ta đi, kéo chúng ta đi làm đường tối, kéo chúng ta kết làm bạn xấu. Cha mẹ luôn nhắc nhở chúng ta phải học tập, tu dưỡng, phải tránh xa bạn xấu, không được ăn chơi lêu lổng.

Vì vậy, khi vẫn còn cha mẹ ở bên, chúng ta hãy làm tròn bổn phận của người con, cung kính thành thực chăm lo cho cha mẹ, và đừng bao giờ khiến cha mẹ phải

buồn. Để một ngày nào cha mẹ trăm tuổi, chúng ta sẽ khóc vì niềm thương nỗi nhớ, chứ không phải khóc bởi những ân hận muộn màng. Đối với những Phật tử thì chúng ta hiểu chữ "Hiếu" thế nào? Hiếu là hạnh lành đứng đầu trong muôn hạnh "Hiếu hạnh vi tiên", vì thế đạo Phật rất chú trọng chữ Hiếu.

Chữ Hiếu trong đạo Phật mang tính siêu việt hơn những quan niệm hiếu thảo thông thường, hành động hiếu thảo không chỉ là mền yêu, cung kính, vâng lời, phụng dưỡng khi cha mẹ còn sống và thờ phụng, tưởng nhớ khi cha mẹ đã qua đời, mà còn là việc hướng cha mẹ đến với điều thiện điều lành, xa lánh điều xấu điều ác, và bản thân người con cũng phải sống tốt để cha mẹ vui lòng.

*Về phương diện vật chất:* Là con, chúng ta phải nuôi dưỡng cha mẹ bằng tất cả khả năng của mình. Dĩ nhiên trong khi đền đáp công ơn của cha mẹ, chúng ta không nên có ý niệm kể công "tính tháng tính ngày" hay "kể lễ từng ngày" mà phải nuôi dưỡng cha mẹ với bầu nhiệt huyết của sự kính thương và lòng hãnh diện, vì người Phật tử sẽ nhận thức được rằng "không có thứ hạnh phúc nào to lớn và quý báu cho bằng thứ hạnh phúc khi cha mẹ còn sống với ta.

*Về phương diện tâm linh:* Theo Phật giáo, con người không chỉ có kiếp sống hiện tại mà còn có kiếp sống vị lai, do đó người con hiếu thảo cần phải chăm lo cho cha mẹ cả đời sống sau khi từ già cõi đời này. Người con hiếu trong đạo Phật luôn ưu tư: Sau khi chết cha mẹ sẽ đi về đâu? Làm sao để giúp cha mẹ có được niềm an lạc hạnh phúc trong đời sống hiện tại và đời sống sau khi chết? Người con có hiếu phải biết khuyến khích cha mẹ tu hành, ăn chay niệm Phật, quy y Tam bảo để ngày mai khi già từ cõi đời, cha mẹ được an vui nơi cảnh Phật khỏi phải trầm luân đọa lạc, sanh tử khổ đau. Những ai đền ơn cha mẹ bằng cách nuôi dưỡng, cúng dường với của cải vật chất, tiền bạc thì không bao giờ đủ để trả ơn cha mẹ. Nhưng những ai khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ có lòng tin vào điều thiện, sống theo điều thiện; khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ bố thí, biết sót chia sẻ; giúp cha mẹ có chánh kiến, khuyến khích, hướng dẫn cha mẹ trở về con đường lành con đường chơn chánh, sáng suốt, như thế mới đủ trả ơn cho cha mẹ.

*Khi cha mẹ đã qua đời:* Sau khi cha mẹ qua đời, lòng hiếu thảo được thể hiện qua việc phụng thờ và tưởng nhớ. Tấm lòng người xưa đối với ông bà cha mẹ đã khuất thể hiện qua câu: "Kính như tại" có nghĩa là kính như đang còn sống. Phụng thờ để tưởng nhớ và nhắc nhở cho nhau công đức, ân nghĩa sinh thành dưỡng dục của ông bà cha mẹ. Hàng năm cúng giỗ để tưởng nhớ và để bày tỏ lòng biết ơn. Đối với xã hội ngày nay, có người cho rằng những việc làm này không thiết thực nhưng thật sự nó có giá trị rất lớn về mặt tinh thần. Nhưng việc cúng giỗ cũng phải do lòng thành tâm thương nhớ cha mẹ. Khi cúng giỗ chúng ta cũng không được sát sinh mà tạo thêm nghiệp cho cha mẹ. Không được vì ma chay mà sát hại chúng sinh để rồi cha mẹ phải hưởng cái nghiệp đau thương như vậy. Thương cha nhớ mẹ, mong muốn cha mẹ được phước lành báo ứng, thì chúng ta nên siêng đi chùa lễ Phật, thỉnh chư tăng về tụng kinh, siêng làm việc thiện, bố thí, chứ không vì thương cha mẹ mà làm tiệc linh đình, tạo thêm nghiệp sát.

Tóm lại, đạo làm con phải nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ và phải báo đền ân thâm ấy bằng bất cứ giá nào, vì đó là nghĩa vụ trước tiên trong tất cả nghĩa vụ làm người, và đó cũng là tâm, hạnh của chư Phật.

### **3.2.2. Đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

Phật giáo từ lâu đã thâm nhập vào tâm hồn, nếp nghĩ, lối sống của dân tộc Việt Nam và đã trở thành bản chất và bản sắc của dân tộc Việt Nam. Đạo Phật đã ảnh hưởng đến mọi sinh hoạt của người Việt từ triết lý, tư tưởng, đạo đức, văn học, nghệ thuật cho đến phong tục tập quán, nếp sống nếp nghĩ... Từ quan niệm nhân sinh quan, thế giới quan, đạo lý, thẩm mỹ cho đến lời ăn tiếng nói của quảng đại quần chúng ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của triết lý và tư tưởng Phật giáo. Những câu nói hàng ngày chúng ta bắt gặp và thường nghe như: "Ở hiền gặp lành", "tội nghiệp", "hàng hà sa số",... là điều phổ biến trong quan hệ ứng xử giữa mọi người, các ngày đại lễ Phật giáo, ngày rằm, mừng một hay lễ tết dân tộc mọi người dân dù bận rộn đến mấy cũng vài lần trong đời đến viếng cảnh chùa để chiêm bái chư Phật, chung vui lễ hội hoặc để gần gũi, tìm hiểu những di tích lịch sử văn hóa của dân tộc, Chùa làng một thời đã đóng vai trò trung tâm trong sinh hoạt văn hóa tinh thần cộng

đồng làng xã của người Việt. Giáo hội Phật giáo đã để lại nhiều dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn, tình cảm, trong phong tục tập quán và cảnh quan của dân tộc Việt Nam bởi có nhiều điểm phù hợp với tâm tư, tình cảm, đạo lý dân tộc nên đã được người Việt Nam nhanh chóng tiếp nhận và dung hòa. Người Việt vốn hiền lành, hiếu hòa, hiếu sinh, chân thật, yêu thương đồng loại. Đạo Phật thì dạy con người biết ăn ở hiền lành, thấy rõ lẽ phải trái, bỏ ác làm lành, cải tà quy chính trau dồi đức hạnh và thăng hoa trí tuệ, cho nên được quảng đại quần chúng chấp nhận. Qua quá trình lịch sử, trải qua bao cuộc biến đổi thăng trầm của đất nước, Phật giáo đã khẳng định mình và có một chỗ đứng vững chắc trong lòng của dân tộc, tồn tại và phát triển cùng với dân tộc. Phật giáo đã đóng góp cho dân tộc ta nhiều thành tựu đáng kể về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Lịch sử đã chứng minh những giai đoạn hiểm nghèo của đất nước trước họa xâm lăng; nhiều vị thiền sư Phật giáo, đồng bào Phật tử đã cùng với dân tộc, chống giặc, bảo vệ non sông, tranh đấu cho công bằng và tự do. Gương sáng của thiền sư Khuông Việt thiền sư Vạn Hạnh, công lao lớn của vua Trần Nhân Tông đối với đất nước và dân tộc còn đó, tiếng chuông thức tỉnh của Hòa thượng Thích Quảng Đức vẫn còn vang vọng đâu đây... Phật giáo đã từng đóng một vai trò trong việc củng cố tinh thần đoàn kết của toàn dân và đấu tranh bảo vệ đất nước. Khi đất nước hòa bình, văn hóa và dân tộc có điều kiện phát triển, Phật giáo cũng góp phần không nhỏ làm nên những tinh hoa văn hóa của dân tộc mãi mãi là niềm tự hào của người Việt Nam.

Trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình để hòa nhập vào trào lưu phát triển với thế giới, Việt Nam cần phải mở cửa để giao lưu với bạn bè quốc tế ngõ hầu tiếp thu và học tập những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại. Điều đó sẽ dẫn đến sự du nhập nhiều luồng văn hóa ngoại lai. Trong đó có cái tốt, có cái xấu, làm sao chúng ta có thể phân biệt và tiếp thu cái tốt và giải trừ cái xấu? Đây là một câu hỏi lớn cho các nhà giáo dục, đạo đức, xã hội, tôn giáo... và nó đã trở thành một vấn đề của quốc gia chứ không phải chỉ là chuyên cá nhân hay riêng tư nữa. Lời giải đáp rõ ràng nhất là nếu chúng ta có một nền văn hóa lành mạnh; đậm đà bản sắc dân tộc với những tư tưởng truyền thống tốt đẹp sẽ giúp chúng ta nhận định, chắc lọc và

cũng là liều thuốc tốt nhất giúp chúng ta chống lại những căn bã văn hóa ngoại nhập hoặc văn hóa mê tín phát sinh từ bản địa. Những yếu tố tích cực của Phật giáo là một phần tư tưởng văn hóa Việt sẽ cùng với văn hóa dân tộc Việt làm nhiệm vụ chọn lọc và phát triển văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc trong thời điểm hiện nay là hết sức cần thiết và cấp bách.

### **Tiểu kết chương 3**

Chữ hiếu trong đạo Phật mang tính toàn diện và siêu việt hơn những quan niệm hiếu thảo thông thường. Hiếu thảo không chỉ là mến yêu, cung kính, vâng lời, phụng dưỡng khi cha mẹ còn sống và thờ phụng, tưởng nhớ khi cha mẹ đã qua đời, mà còn là việc hướng cha mẹ đến với điều thiện lành, xa lánh điều xấu ác, và bản thân người con cũng phải sống tốt để cha mẹ vui lòng. Đức Phật dạy muốn đáp đền công ơn cha mẹ một cách đầy đủ, trọn vẹn, đó là chúng ta hãy khuyên cha mẹ bỏ ác làm lành, thụ trì Tam quy, giữ gìn Ngũ giới.

Theo Phật giáo, con người không chỉ có kiếp sống hiện tại mà còn có kiếp sống vị lai, do đó người con hiếu thảo cần phải chăm lo cho cha mẹ cả đời sống sau khi từ giã cõi đời này. Người Phật tử hiếu đạo luôn ưu tư: Sau khi chết, cha mẹ sẽ đi về đâu? Làm sao để giúp cha mẹ có được niềm an lạc hạnh phúc trong đời sống hiện tại và đời sống sau khi chết? Việc hướng cha mẹ theo con đường chân chính, giúp cha mẹ gieo trồng những nhân duyên lành cho đời này và đời sau, chăm lo vun bồi công đức phước báo chính là việc làm thiết thực để đáp đền công ơn cha mẹ.

Như vậy, Hiếu là bổn phận làm con mà cũng là đạo làm người. Hiếu thảo thể hiện qua hai phương diện vật chất và tinh thần. Về phương diện vật chất, tùy điều kiện, hoàn cảnh mà nuôi dưỡng, chăm lo săn sóc cho cha mẹ, lo cơm nước, áo quần, thuốc men... Về phương diện tinh thần, luôn tỏ lòng kính yêu cha mẹ, sống tốt, biết lo cho bản thân và gia đình, trở thành người hữu ích cho xã hội để cha mẹ yên tâm và tự hào, không làm cho cha mẹ buồn lòng, không làm cho cha mẹ tủi hổ vì những việc sai trái, tội lỗi. Người con chí hiếu thực hành hiếu đạo theo lời Phật dạy, ngoài những việc làm trên còn cần phải biết hướng cha mẹ tu thân, hành thiện, quy hướng Tam bảo để xây dựng hạnh phúc cho đời này và đời sau.

## KẾT LUẬN

Phật giáo được xem là một Tôn giáo rất chú trọng hiếu hạnh! Chữ “Hiếu” như thế không chỉ là tôn chỉ tổng quát giáo lý về chữ Phật mà thôi, mà còn là tôn chỉ xây dựng một xã hội đầy tình người bác ái, bình đẳng... của nhân loại nếu muốn có được một đời sống hạnh phúc. Với tôn chỉ này Phật giáo xem thế giới như là ngôi nhà thân yêu của chính mình. Đức Phật dạy rằng: “*Thiên kinh vạn quyển, hiếu nghĩa vi tiên*”. Dù tu đạo nào, dù có học hay không học, hiếu là gốc, hiếu là trên trước, hiếu là tất cả. Là con người thì phải lo tròn đạo hiếu, phải nhớ ân nghĩa và đền trả những ân nghĩa ấy. Trong tất các cả ân nghĩa, có thể nói ân nghĩa lớn lao nhất là Cha mẹ. Cha sinh ta, Mẹ nuôi ta, Cha mẹ sinh ta cực nhọc, muốn đền đáp ân đức của Cha mẹ thật cao dày chúng ta muốn đền trả, không thể nào đền trả hết được.

Rõ ràng mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lớn lên nên danh phận trong xã hội, nếu không có Cha mẹ nuôi dưỡng, lo lắng, chuẩn bị cho cuộc đời của chúng ta, thì làm sao có được ngày hôm nay, làm sao có thể thành tựu được những gì quý báu trong đời. Có những người lâm vào hoàn cảnh bất hạnh không được sự chăm sóc, nuôi nấng của cha mẹ, những người này thường ôm lòng oán hận xã hội, đối với mọi người. Do đó gia giáo là một điều hết sức quan trọng và đây là phần trách nhiệm nặng nề của Cha mẹ đối với con cái.

Làm một con người trưởng thành trong hoàn cảnh Cha mẹ đầy đủ, gia đình tương đối có phương tiện cho chúng ta học hành, đi đây đi đó để mở rộng tầm nhìn, để hiểu biết và xây dựng cuộc đời, như thế là hạnh phúc lắm. Trong xã hội có rất nhiều người mong một chút tình thương của Cha mẹ đôi khi không được. Có người sinh ra mới ba, bốn tuổi thì Cha đã mất, lớn lên không biết mặt Cha, những kinh nghiệm của Cha hay những truyền thống quý báu tốt đẹp của dòng tộc không được truyền lại. Nếu họ gặp được Phật pháp thì là điều tốt lành cho họ, có Thầy có bạn dẫn dắt lên con đường hướng thượng tốt đẹp cho cuộc đời của họ. Còn nếu bất hạnh mất đi tình thương cao quý của Cha mẹ và bị lạc lõng giữa cuộc đời, không gặp Phật pháp, thiếu học thức... những người này tâm hồn lẫn cuộc sống thường chìm

trong bóng tối, dễ dẫn đến những suy nghĩ và hành động sai lầm. Người Phật tử là người quyết tâm học hiểu và sống đời sống đạo hạnh chân chính, đồng thời là một con người có đầy đủ cung cách để đóng góp và xây dựng tốt. Do đó, người Phật tử Việt Nam phải là người biết ơn Cha mẹ và đã biết ơn thì phải đền ơn. Nếu chúng ta sinh ra trong đời không có Phật thì chính Cha mẹ hiện đời chúng ta là Phật. Do đó, người không có điều kiện học hiểu Phật pháp mà ở trong gia đình là một người con hiếu kính Cha mẹ như Phật, thì người đó đã tu theo tinh thần của Đạo Phật rồi.

Tôn Giả Mục Kiền Liên là người tu hành đắc đạo có thần thông. Ngài dùng thần thông khắp nơi tìm Mẹ, khi thấy Mẹ sinh trong loài ngựa quý, đang bị hành hình rên siết, Ngài khổ đau vô cùng. Thấy mẹ đói Ngài dâng bát cơm, nhưng do lòng tham lam xấu ác nên thức ăn biến thành lửa, không ăn được. Ngài càng thêm đau khổ và về bạch Đức Thế Tôn tìm phương cứu Mẹ, được Thế Tôn chỉ dạy, nhân ngày tứ thư Tăng tụ hội, nhờ sức gia trì của thập phương Tăng, chuyển hóa lòng tham lam keo xén của bà, bà liền thoát khỏi loài quý đói, sinh Thiên, nhờ thế Tôn Giả cứu được Mẹ.

Từ đó ngày rằm tháng bảy, Chư Tăng và Phật tử thường tổ chức Lễ Vu Lan. Nhờ hồng ân Tam Bảo, nhờ sức chú nguyện của mười phương Chư Tăng tu hành thanh tịnh, hồi hướng về cho thân bằng quyến thuộc của mình, nhờ sức Chư Tăng chuyển hóa, khai mở được tâm tư cho người chịu khổ, được an vui. Lễ Vu Lan vì thế mang một ý nghĩa rất lớn, nhất là phương thức đền trả công ơn dưỡng dục sinh thành của Cha mẹ.

Trên tinh thần ấy, một người con hiếu đạo, hiểu Phật pháp thì đối với Cha mẹ, chúng ta phải làm sao hướng dẫn cho Cha mẹ biết tu tạo những công đức lành, kính Tam Bảo, tin nhân quả, theo chính đạo.

Qua đây nói lên ý nghĩa hiếu hạnh của người xuất gia: Trong cuộc sống có một số người cho rằng: Người xuất gia là người bất hiếu, đã bỏ Cha Mẹ, gia đình mà ra đi và không làm tròn trách nhiệm của người con. Đây là suy nghĩ không gì khác “Lục ngoại đạo” đã từng bài xích Đức Phật. Chúng ta thường nghe nói: “Một người con xuất gia chín họ đều sinh lên cõi trời”. Vậy xuất gia có phải là những

người bất hiếu không? Bởi cuộc đời đầy rẫy những nhiễm ô, đầy rẫy những người “quên ân” ra đi để lại Cha Mẹ già bao nhiêu tủi nhục. Đứng trên khía cạnh đó, người không hiểu gì về đạo Phật mới có những tư tưởng phê phán người xuất gia như vậy. Thực chất người xuất gia là người con có hiếu, vì “Đạo Phật là đạo hiếu”. Đặc biệt là đạo Phật đặt Cha Mẹ lên đến địa vị quan trọng tột đỉnh như Phật. Người xuất gia với mục đích “*Thượng cầu Phật đạo và hạ hóa chúng sinh*”.

Thượng cầu Phật đạo là muốn đạt được Niết bàn, muốn đạt được thì phải nghiêm trì giới luật đó cũng là thực hành Hiếu hạnh vậy. Hạ hóa chúng sinh, người xuất gia xem nhau như anh em trong một ngôi nhà chính pháp. Cùng nhau một vị cha kính yêu, và những người con này phải mang bản chất chung là sống với nhau theo tinh thần lục hòa. Như vậy hiếu hạnh người xuất gia ở đây là phải có trách nhiệm hóa độ cho tất cả chúng sinh đang nằm trong biển vô minh sinh tử sớm đi theo con đường giải thoát giác ngộ, con đường của trí tuệ. Như vậy việc hướng dẫn Cha Mẹ mình đi theo con đường giải thoát, chính đạo không chỉ giới hạn ở người sinh ra ta, mà là đối với toàn thể mọi người xung quanh. Mọi người xung quanh chính là Cha Mẹ trong nhiều đời. Như vậy tâm hiếu bây giờ là tâm từ bi của vị Bồ Tát, và từ bi là hiếu hạnh đầy đủ đối với Cha Mẹ trong quá khứ cũng như hiện tại và tương lai rồi.

Như vậy! Người xuất gia không phải là người con bất hiếu, xuất gia không phải từ bỏ người thân, mà xuất gia là từ bỏ những danh lợi của thế gian, từ bỏ tham sân si để đi sâu vào lý vô vi, trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường. Đó là hiếu đạo cao thượng, chẳng phải báo hiếu Cha Mẹ một đời, mà còn báo hiếu cả thâm ân đa sinh phụ mẫu trong nhiều đời nhiều kiếp. Do đó, muốn đáp công ơn sâu dày của Cha Mẹ không gì hơn bằng công đức xuất gia, hoằng Phật đạo. Hoằng Phật đạo không phải để cho đạo Phật mà là đem lại lợi ích cho Cha Mẹ và tất cả chúng sinh

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2000), *Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng cộng sản Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Bảy (1997), *Văn hóa Phật giáo và lối sống của người Việt ở Hà Nội và châu thổ Bắc Bộ*, Nxb Thông tin, Hà Nội
3. Thích Thanh Cát (1995), *Đường về bến giác*, Nxb Tôn giáo.
4. Thích Minh Châu (2002), *Đạo Đức Phật Giáo Và Hạnh Phúc Con Người*, Nxb Tôn giáo.
5. Thích Minh Châu (2001), *Chánh Pháp Và Hạnh Phúc*, Nxb Tôn Giáo.
6. Thích Minh Châu (1996), *Trường Bộ Kinh I, II*, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam.
7. HT Thích Minh Châu, Thích Thiện Siêu (1997), *Chữ Hiếu trong đạo Phật*, Ban Văn hoá TW - Giáo hội PGVN ấn hành.
8. Minh Chi (1999), *Giáo trình Triết học Ấn Độ*, Học viện Phật Giáo thành phố Hồ Chí Minh.
9. Minh Chi (2003), *Truyền thống văn hóa và Phật giáo Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
10. Doãn Chính (1999), *Lịch sử Triết học Ấn Độ cổ đại*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
11. Thiệu Chửu (1993), *Hán Việt*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
12. Đoàn Trung Còn (1996), *Khổng Tử hiếu kinh*, Nxb Đồng Nai
13. Đoàn Trung Còn (2003), *Hiếu kinh*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
14. Cù Mai Công, *Sài gòn by night*, nhà xuất bản Trẻ.
15. Liên Du (2004), *Lá thơ tịnh độ*, Nxb Tôn giáo.
16. Nguyễn Du (1999), *Truyện Kiều*, Nxb Văn Học.
17. Phạm Đức Dương (2000), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á*, Nxb KHXH, Hà Nội.
18. Lê Văn Đình (2007), *Bàn thêm về ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Tôn giáo.

19. Đại tạng Kinh Việt Nam - *Kinh Trường Bộ*, tập 2, Nxb Tôn giáo, 2001.
20. Đại tạng Kinh Việt Nam, *Tăng Chi bộ kinh*, Nxb Tôn giáo 2001.
21. Đại tạng Kinh Việt Nam - *Kinh Tăng Nhất A Hàm*, tập 1.
22. Đại tạng Kinh Việt Nam - *Kinh Tương Ưng*, tập 1.
23. Thích Nhuận Đạt (tuyển dịch), *Tư tưởng hiếu đạo trong Phật giáo*, Nxb Tổng Hợp thành phố Hồ Chí Minh.
24. Nguyễn Thế Đăng, *Đức Hiếu*, Văn hoá Phật giáo, số 7 (27/08/2005).
25. Thích Tuệ Đăng, *Kinh Vô lượng thọ*, Nxb tôn giáo.
26. Nguyễn Quốc Đoan (1996), *Minh tâm Bảo giám*, Nxb Văn hoá.
27. Phúc Điền, *Tâm Địa Quán*.
28. Thích Hộ Giác, *Tình mẹ*, Nxb Tôn giáo.
29. Tuệ Giác, *Kinh hiền ngu*, Nxb Tôn giáo.
30. Mục Hiếu hạnh, *Minh Tâm Bảo giám I*, Nxb tôn giáo.
31. Hệ phái khất sỹ, *Nghi thức tụng niệm*, Nxb Tôn giáo.
32. Phan Thu Hiền dịch, *Huyền thoại và Văn học*, Khoa Ngữ văn và Báo chí, ĐHKHXHVNV Tp.HCM.
33. Phan Thị Thu Hiền (2010), *Hôn nhân Việt Nam - Đài Loan dưới góc nhìn văn hóa*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế so sánh nhân văn Việt - Đài, Đại học Thành Công, Đài Loan.
34. Thích Từ Hiệp, *Diễn từ ân đức sinh thành và hiếu đạo*, Nxb Tôn giáo.
35. Thích Thiện Hoa (1992), *Phật học Phổ thông, khoá II*, Thành hội Phật giáo, thành phố Hồ Chí Minh.
36. Thích Thiện Hoa (2008), *Phật học Phổ thông*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.
37. Thích Nguyên Hùng, *Đạo đức người xuất gia*, Nxb Tôn giáo.
38. Thích Thanh Kiểm (1971), *Lược sử Phật giáo Ấn Độ*, Nxb Quê Hương.

39. Trần Trọng Kim (1971), *Khổng Tử, Nho Giáo*, Bộ giáo dục và trung tâm học liệu.
40. Thích Nhật Long, *Bốn phận hiền nhân*, Nxb Tôn giáo
41. Trần Thị Thu Lương 2011: *Đặc trưng văn hóa Hàn Quốc từ truyền thống đến hiện đại*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
42. Thích Viên Lý (2001), *Phật Giáo Hướng Dẫn Thế Kỷ 21*, Nxb Viện Triết Lý Việt Nam Và Triết Học Thế Giới.
43. Nhiều Tác Giả, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, *Giáo Dục Phật Giáo Trong Thời Hiện Đại*, Nxb TP. Hồ Chí Minh - 2001.
44. Lý Ngọc Nhị (1997), *Tìm về cội nguồn chữ Hán*, Nxb Thế giới.
45. Thích Tuệ Nhân, *Mẹ là tình yêu*, Văn hóa Phật giáo, số 6, tháng 7/2005.
46. Phan Ngọc (2001), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học.
47. Thích Chơn Quang (2004), *Tâm Lý Đạo Đức*, Nxb Tôn giáo.
48. Thích Trí Quảng (8/2005), *Cầu nguyện mùa lan*, Nguyệt san giác ngộ số 113.
49. Thích Trí Tịnh, *Kinh Phạm võng Bồ tát giới*, Nxb Tôn giáo.
50. Phạm Kim Thánh, *Đức Phật và Phật pháp*, Nxb tôn giáo.
51. Trần Ngọc Thêm (2001): *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Tp. Hồ Chí Minh.
52. Hoàng Thị Thơ (2002), *Đạo đức Phật giáo với vấn đề xây dựng nhân cách con người Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo.
53. Nguyễn Ngọc Thơ (2010), *Nho giáo và tính cách văn hóa Việt Nam, Phục hưng Nho học và Xã hội hiện đại*, ĐH Sung Kyun Kwan, Seoul.
54. Phúc Tuệ, *Mục Liên sám pháp*, Nxb Tôn giáo.
55. Thích Thanh Từ, *Phật giáo trong mạch sống dân tộc*, Nxb Tôn giáo
56. Lương Thu Trung, *Chữ Hiếu ở nhà quê*, <http://thatsonchaudoc.com>
57. Thích Thiện Siêu, *Vô ngã là niết bàn*, Nxb Tôn giáo.

58. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam (2001), *Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
59. Trụ Vũ (2005), *Văn hóa Phật giáo*, số 1.
60. Tân Việt (1953), *Gia huấn ca*, Nxb Tôn giáo.